



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Đắk Lắk

Số 35 + 36

Ngày 04 tháng 02 năm 2026

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

24-12-2025 Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ban hành Quy định
Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. 2

(Đăng từ Công báo số 15 + 16 đến số 39 + 40)

12	Khu dân cư thôn 11	Mai Thị Linh (thửa đất số 109, TĐĐ số 44)	Chu Thị Sáu (thửa đất số 229, TĐĐ số 44)	288	228	172	144
		Cổng chào thôn 11 (thửa đất số 92, TĐĐ số 44)	Bùi Việt Hùng (thửa đất số 3, TĐĐ số 44)	288	228	172	144
		Nguyễn Quốc Nguyên (thửa đất số 381, TĐĐ số 44)	Hội trường thôn 11	288	228	172	144
13	Khu dân cư thôn 12	Cổng chào thôn 12	Hoàng Thị Thủy (thửa đất số 246, TĐĐ số 38)	464	372	280	232
		Hoàng Xuân Hường (thửa đất số 728, TĐĐ số 45)	Hồ Sỹ Lạc (thửa đất số 30, TĐĐ số 45)	464	372	280	232
		Trần Nho An (thửa đất số 55, TĐĐ số 45)	Nguyễn Văn Gia (thửa đất số 619, TĐĐ số 45)	464	372	280	232
		Hoàng Minh Tuấn (thửa đất số 482, TĐĐ số 45)	Nguyễn Ngọc Trí (thửa đất số 384, TĐĐ số 45)	464	372	280	232
		Phạm Văn Chang (thửa đất số 542, TĐĐ số 45)	Nguyễn Đình Minh (thửa đất số 53, TĐĐ số 44)	464	372	280	232
14	Khu dân cư thôn 3	Cổng chào thôn 3	Nguyễn Văn Gia (thửa đất số 619, TĐĐ số 45)	464	372	280	232
15	Khu dân cư thôn 4	Cổng chào thôn 4	Vi Thị Nga (thửa đất số 5, TĐĐ số 114)	408	324	244	204
16	Khu dân cư thôn 5	Cổng chào thôn 5	Trần Thị Hà (thửa đất số 366, TĐĐ số 38)	504	404	304	252
17	Khu dân cư thôn 6	Lê Thị Minh (thửa đất số 25, TĐĐ số 115)	Trần Văn Lĩnh (thửa đất số 35, TĐĐ số 115)	408	324	244	204
		Trần Xuân Toàn (thửa đất số 46, TĐĐ số 115)	Nguyễn Văn Phúc (thửa đất số 4, TĐĐ số 119)	408	324	244	204
		Nguyễn Trung Thành (thửa đất số 23, TĐĐ số 115)	Hoàng Bá Dính (thửa đất số 9, TĐĐ số 119)	408	324	244	204
		Cổng chào thôn 6	Hà Công Trung (thửa đất số 6, TĐĐ số 123)	408	324	244	204
18	Khu dân cư thôn 8	Cổng chào thôn 8	Hồ Thị Nghĩa (thửa đất số 6, TĐĐ số 55)	416	332	248	208
19	Khu dân cư thôn 9	Mai Thị Hoa (thửa đất số 672, TĐĐ số 45)	Trần Xuân Thiêng (thửa đất số 61, TĐĐ số 53)	824	660	496	412
		Hoàng Ngọc Sơn (thửa đất số 673, TĐĐ số 45)	Trần Văn Mùi (thửa đất số 664, TĐĐ số 45)	824	660	496	412
		Cổng chào thôn 9	Hoàng Minh Thương (thửa đất số 126, TĐĐ số 53)	276	220	164	136
20	Khu dân cư thôn Giang Minh	Ngã ba ranh giới đất nhà ông Đinh Văn Đình (thửa đất số 35, TĐĐ số 236)	Ranh giới đất nhà ông Đinh Quang Hiền (thửa đất số 30, TĐĐ số 237)	168	148	132	124
		Ngã ba ranh giới đất nhà ông Lê Thành (thửa đất số 51, TĐĐ số 239)	Ranh giới đất nhà ông Hà Văn Dũng (thửa đất số 759, TĐĐ số 241)	168	148	132	124
		Ngã ba ranh giới đất nhà ông Đinh Minh Liêu (thửa đất số 35, TĐĐ số 236)	Ngã ba ranh giới đất nhà ông Đinh Xuân Hải (thửa đất số 42, TĐĐ số 238)	168	148	132	124
21	Khu dân cư thôn Giang Sơn	Ngã ba ranh giới đất nhà ông Đặng Ngọc Bộ (thửa đất số 582, TĐĐ số 149)	Ranh giới đất nhà ông Đinh Văn Tính (thửa đất số 1011, TĐĐ số 149)	252	204	152	128
		Ngã ba ranh giới đất nhà ông Đinh Tiến Hoà (thửa đất số 582, TĐĐ số 149)	Ranh giới đất nhà ông Phạm Văn Bình (thửa đất số 1001, TĐĐ số 149)	252	204	152	128
		Ngã ba ranh giới đất nhà ông Đinh Ngọc Tài (thửa đất số 102, TĐĐ số 155)	Ranh giới đất nhà ông Phạm Văn Bình (thửa đất số 76, TĐĐ số 155)	252	204	152	128

		Ngã ba ranh giới đất nhà ông Đinh Thanh Tịnh (thửa đất số 164, TBD số 155)	Ranh giới đất nhà ông Phạm Văn Bình (thửa đất số 201, TBD số 155)	252	204	152	128
		Ngã ba ranh giới đất nhà ông Đinh Xuân Thoan (thửa đất số 113, TBD số 155)	Ranh giới đất nhà ông Đinh Trung Cộng (thửa đất số 201, TBD số 173)	252	204	152	128
		Ngã ba ranh giới đất nhà ông Hoàng Đắc Trung (thửa đất số 591, TBD số 154)	Ranh giới đất nhà ông Đinh Xuân Thanh (thửa đất số 53, TBD số 154)	900	720	540	452
		Ngã ba ranh giới đất nhà ông Ngô Thị Khánh Linh (thửa đất số 79, TBD số 154)	Ranh giới đất nhà ông Trần Đức Hải (thửa đất số 637, TBD số 154)	900	720	540	452
22	Khu dân cư thôn Giang Thủy	Ngã ba ranh giới đất nhà ông Lê Thị Hồng (thửa đất số 1, TBD số 244)	Ranh giới đất nhà ông Lê Thị Hồng (thửa đất số 327, TBD số 243)	848	676	508	424
		Ngã ba ranh giới đất nhà ông Phan Châu (thửa đất số 53, TBD số 244)	Ngã ba ranh giới đất nhà ông Phan Thị Ngải (thửa đất số 37, TBD số 246)	848	676	508	424
		Ngã tư ranh giới đất nhà ông Trương Đình Tuyển (thửa đất số 51, TBD số 246)	Ngã tư ranh giới đất nhà ông Hồ Viết Hiếu (thửa đất số 90, TBD số 246)	848	676	508	424
		Ngã tư ranh giới đất nhà ông Lê Nhật (thửa đất số 65, TBD số 246)	Ngã tư ranh giới đất nhà ông Phan Như Hồng (thửa đất số 21, TBD số 249)	848	676	508	424
		Ngã tư ranh giới đất nhà ông Trần Văn Hùng (thửa đất số 65, TBD số 246)	Ngã tư ranh giới đất nhà ông Hoàng Thơ (thửa đất số 8, TBD số 249)	848	676	508	424
		Ngã tư ranh giới đất nhà ông Nguyễn Thảo (thửa đất số 112, TBD số 249)	Ngã tư ranh giới đất nhà ông Phan Gia Sảo (thửa đất số 40, TBD số 249)	848	676	508	424
23	Khu dân cư thôn Xuân An	Hoàng Tánh Đạt (thửa đất số 283, TBD số 100)	Hồ Hữu Tuệ (thửa đất số 30, TBD số 100)	288	228	172	144
		Nguyễn Chí Linh (thửa đất số 136, TBD số 95)	Nguyễn Xuân Thạnh (thửa đất số 116, TBD số 95)	288	228	172	144
		Phạm Thuận (thửa đất số 48, TBD số 95)	Trần Văn Lợi (thửa đất số 74, TBD số 95)	288	228	172	144
24	Khu dân cư thôn Xuân Đoàn	Cổng chào thôn Xuân Đoàn (thửa đất số 36, TBD số 80)	Dương Thanh Hà (thửa đất số 84, TBD số 80)	504	404	304	252
		Cổng chào thôn Xuân Đoàn (thửa đất số 36, TBD số 80)	Hoàng Mạnh Tuấn (thửa đất số 34, TBD số 76)	504	404	304	252
		Chùa Kim Quang (thửa đất số 75, TBD số 81)	Phan Văn Nhi (thửa đất số 11, TBD số 87)	504	404	304	252
		Cây xăng Quang Trung (thửa đất số 226, TBD số 81)	Nguyễn Thi (thửa đất số 81, TBD số 76)	504	404	304	252
25	Khu dân cư thôn Xuân Hà 2	Nguyễn Văn Thế (thửa đất số 13, TBD số 206)	Đinh Minh Đại (thửa đất số 25, TBD số 206)	240	192	144	120
		Đinh Xuân Sang (thửa đất số 908, TBD số 196)	Đinh Tiến Phác (thửa đất số 889, TBD số 196)	240	192	144	120
		Đinh Quang Mục (thửa đất số 40, TBD số 266)	Đinh Ngọc Quý (thửa đất số 229, TBD số 266)	240	192	144	120
		Phan Lương Diễn (thửa đất số 245, TBD số 266)	Hoàng Văn Phương (thửa đất số 244, TBD số 206)	240	192	144	120
		Đinh Hải Quân (thửa đất số 2, TBD số 267)	Phan Văn Quyết (thửa đất số 269, TBD số 206)	240	192	144	120
26	Khu dân cư thôn Xuân Hà 3	Ngô Văn Hải (thửa đất số 5, TBD số 254)	Đền ngã ba đường giao thông giáp đất ông Lãnh Xuân Lãnh (thửa đất số 44, TBD số 174)	188	152	112	96

		Hoàng Văn Lý (thửa đất số 22, TBD số 254)	Triệu Văn Chức (thửa đất số 26, TBD số 254)	188	152	112	96
		Lê Kim Định (thửa đất số 18, TBD số 256)	Hoàng Văn Bé (thửa đất số 31, TBD số 256)	188	152	112	96
		Hoàng Văn Thùy (thửa đất số 31, TBD số 256)	Vì Văn Tăng (thửa đất số 36, TBD số 256)	188	152	112	96
		Đinh Hoàn Trung (thửa đất số 2, TBD số 260)	Lương Văn Hiệp (thửa đất số 139, TBD số 260)	188	152	112	96
		Hoàng Anh Dũng (thửa đất số 17, TBD số 261)	Đinh Minh Tiến (thửa đất số 391, TBD số 187)	264	212	160	132
27	Khu dân cư thôn Xuân Hòa	Trương Thùy (thửa đất số 52, TBD số 82)	Trần Cà (thửa đất số 62, TBD số 77)	504	404	304	252
		Nguyễn Nhơn (thửa đất số 70, TBD số 82)	Nguyễn Phú (thửa đất số 64, TBD số 77)	504	404	304	252
		Ngã tư công chào thôn Xuân Hòa (thửa đất số 84, TBD số 82)	Phan Công Hóa (thửa đất số 58, TBD số 77)	504	404	304	252
		Văn Liệu (thửa đất số 311, TBD số 82)	Hoàng Lợi (thửa đất số 196, TBD số 82)	504	404	304	252
		Phạm Thị Hương Nga (thửa đất số 118, TBD số 82)	Võ Ngọc Thọ (thửa đất số 7, TBD số 82)	504	404	304	252
28	Khu dân cư thôn Xuân Lạng 1	Lê Văn Hợp (thửa đất số 15, TBD số 267)	Đinh Xuân Lập (thửa đất số 203, TBD số 205)	240	192	144	120
		Đinh Thị Chung (thửa đất số 39, TBD số 267)	Hoàng Văn Thương (thửa đất số 489, TBD số 206)	240	192	144	120
		Nguyễn Bá Thắng (thửa đất số 27, TBD số 268)	Nguyễn Văn Kỳ (thửa đất số 133, TBD số 217)	240	192	144	120
		Phan Đình Lâm (thửa đất số 117, TBD số 217)	Nguyễn Văn Phúc (thửa đất số 148, TBD số 217)	196	156	120	100
		Lương Văn Tư (thửa đất số 121, TBD số 217)	Lương Văn Cao (thửa đất số 142, TBD số 217)	196	156	120	100
		Hà Thị Cương (thửa đất số 196, TBD số 227)	Nguyễn Thị Tạo (thửa đất số 238, TBD số 227)	196	156	120	100
29	Khu dân cư thôn Xuân Lộc	Nguyễn Văn Vãn (thửa đất số 112, TBD số 73)	Suối Krông Năng	268	212	160	132
		Trường tiểu học Phú Xuân 1	Suối Krông Năng	268	212	160	132
		Trường tiểu học Phú Xuân 1	Lê Văn Hùng (thửa đất số 268, TBD số 12)	268	212	160	132
		Hồ Ngãi (thửa đất số 103, TBD số 73)	Bạch Văn Lương (thửa đất số 103, TBD số 70)	268	212	160	132
		Trần Văn Quý (thửa đất số 222, TBD số 73)	Phạm Hữu Dũng (thửa đất số 21, TBD số 70)	268	212	160	132
		Võ Đình Cơ (thửa đất số 75, TBD số 72)	Hoàng Hải (thửa đất số 43, TBD số 70)	268	212	160	132
		Ngã ba đường đi nghĩa trang thôn Xuân Lộc (thửa đất số 87, TBD số 72)	Võ Đình Cơ (thửa đất số 7, TBD số 11)	268	212	160	132
30	Khu dân cư thôn Xuân Long	Hồ Thị Ngọc Hà (thửa đất số 63, TBD số 91)	Ngô Xuân Sơn (thửa đất số 211, TBD số 15)	1.120	896	672	560
		Trần Văn Hiền (thửa đất số 43, TBD số 91)	Trần Cao (thửa đất số 62, TBD số 85)	1.120	896	672	560
		Trương Đình Bảo (thửa đất số 144, TBD số 22)	Phạm Thuận (thửa đất số 48, TBD số 95)	1.120	896	672	560

		Nguyễn Trường Giang (thửa đất số 24, TĐĐ số 22)	Phạm Thị Lành (thửa đất số 238, TĐĐ số 15)	1.120	896	672	560
		Trần Ngọc Anh (thửa đất số 226, TĐĐ số 22)	Nguyễn Xuân Cảnh (thửa đất số 40, TĐĐ số 22)	1.120	896	672	560
		Nguyễn Đình Sơn (thửa đất số 34, TĐĐ số 99)	Nguyễn Xuân Cảnh (thửa đất số 40, TĐĐ số 22)	1.120	896	672	560
		Phạm Quang Vinh (thửa đất số 10, TĐĐ số 104)	Trần Minh Hải (thửa đất số 1, TĐĐ số 105)	1.120	896	672	560
31	Khu dân cư thôn Xuân Mỹ	Nguyễn Xuân Hùng (thửa đất số 67, TĐĐ số 90)	Trương Sinh (thửa đất số 26, TĐĐ số 84)	504	404	304	252
		Nguyễn Tuấn Anh (thửa đất số 27, TĐĐ số 90)	Trần Văn Phở (thửa đất số 186, TĐĐ số 15)	504	404	304	252
		Lê Văn Phước (thửa đất số 101, TĐĐ số 90)	Trần Thị Bé (thửa đất số 24, TĐĐ số 84)	504	404	304	252
		Trần Văn Huy (thửa đất số 8, TĐĐ số 90)	Trần Văn Minh (thửa đất số 152, TĐĐ số 84)	1.120	896	672	560
		Nguyễn Văn Kiên (thửa đất số 41, TĐĐ số 90)	Nguyễn Văn Tâm (thửa đất số 303, TĐĐ số 15)	1.120	896	672	560
		Phan Ngọc (thửa đất số 24, TĐĐ số 91)	Trần Cao (thửa đất số 62, TĐĐ số 85)	1.120	896	672	560
32	Khu dân cư thôn Xuân Ninh	Phạm Văn Dũng (thửa đất số 60, TĐĐ số 11)	Phạm Phú Phương (thửa đất số 46, TĐĐ số 69)	248	196	148	124
		Hồ Đắc Tiến (thửa đất số 29, TĐĐ số 72)	Trương Hữu Bộ (thửa đất số 16, TĐĐ số 69)	248	196	148	124
		Lê Văn Chuẩn (thửa đất số 80, TĐĐ số 72)	Hoàng Văn Hải (thửa đất số 67, TĐĐ số 5)	248	196	148	124
		Nguyễn Thị Kim Vương (thửa đất số 101, TĐĐ số 68)	Phạm Trọng (thửa đất số 97, TĐĐ số 68)	248	196	148	124
		Nguyễn Văn Trường (thửa đất số 8, TĐĐ số 71)	Nguyễn Quang Khánh (thửa đất số 29, TĐĐ số 5)	248	196	148	124
33	Khu dân cư thôn Xuân Phú	Hoàng Văn Phước (thửa đất số 65, TĐĐ số 83)	Huỳnh Thị Bé (thửa đất số 79, TĐĐ số 14)	504	404	304	252
		Nguyễn Thế Trường (thửa đất số 80, TĐĐ số 83)	Lê Văn Thành (thửa đất số 26, TĐĐ số 83)	504	404	304	252
		Dương Ngọc (thửa đất số 98, TĐĐ số 83)	Trương Diên Huy (thửa đất số 171, TĐĐ số 14)	504	404	304	252
		Trần Duy Vĩnh (thửa đất số 100, TĐĐ số 84)	Lê Thị Mậu (thửa đất số 187, TĐĐ số 84)	504	404	304	252
		Trịnh Đình Minh (thửa đất số 1, TĐĐ số 90)	Trần Văn Phở (thửa đất số 186, TĐĐ số 15)	504	404	304	252
34	Khu dân cư thôn Xuân Tây	Hoàng Văn Nguyên (thửa đất số 17, TĐĐ số 79)	Nguyễn Thị Mùi (thửa đất số 48, TĐĐ số 12)	336	268	204	168
		Nguyễn Tiến Dũng (thửa đất số 8, TĐĐ số 80)	Dương Chinh (thửa đất số 10, TĐĐ số 13)	336	268	204	168
35	Khu dân cư thôn Xuân Thành	Văn Công Hoa (thửa đất số 81, TĐĐ số 83)	Nguyễn Thị Phương Thảo (thửa đất số 141, TĐĐ số 14)	504	404	304	252
		Cổng chào thôn Xuân Thành (thửa đất số 56, TĐĐ số 83)	Mai Văn Bé (thửa đất số 4, TĐĐ số 83)	504	404	304	252
36	Khu dân cư thôn Xuân Thuận	Nguyễn Hữu Hoán (thửa đất số 164, TĐĐ số 74)	Phan Thị Chanh (thửa đất số 25, TĐĐ số 74)	336	268	204	168
		Nguyễn Lộc (thửa đất số 213, TĐĐ số 74)	Nguyễn Đăng Trinh (thửa đất số 28, TĐĐ số 74)	336	268	204	168
		Văn Thị Sửu (thửa đất số 20, TĐĐ số 20)	Nguyễn Hữu Thạch (thửa đất số 22, TĐĐ số 79)	336	268	204	168

		Khổng Đình Sang (thửa đất số 129, TĐĐ số 74)	Trần Đình Hùng (thửa đất số 34, TĐĐ số 74)	336	268	204	168
37	Khu dân cư thôn Xuân Thủy	Huỳnh Văn Hải (thửa đất số 77, TĐĐ số 91)	Nguyễn Thông (thửa đất số 14, TĐĐ số 86)	844	676	508	424
		Vương Trung Hoàng (thửa đất số 54, TĐĐ số 92)	Phạm Chơn (thửa đất số 17, TĐĐ số 86)	844	676	508	424
		Phạm Thuận (thửa đất số 60, TĐĐ số 92)	Ngô Thị Lan (thửa đất số 28, TĐĐ số 86)	844	676	508	424
		Vương Văn Thanh (thửa đất số 2, TĐĐ số 95)	Tôn Nữ Thị Gái (thửa đất số 24, TĐĐ số 95)	288	228	172	144
38	Khu dân cư thôn Xuân Vĩnh	Trương Thành Nam (thửa đất số 9, TĐĐ số 65)	Trương Bình (thửa đất số 198, TĐĐ số 1)	220	176	132	108
		Nguyễn Thị Thơm (thửa đất số 33, TĐĐ số 68)	Nguyễn Xuân Hiền (thửa đất số 30, TĐĐ số 2)	248	196	148	124
		Đinh Văn Vui (thửa đất số 31, TĐĐ số 68)	Nguyễn Thị Lý (thửa đất số 41, TĐĐ số 4)	248	196	148	124
39	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn 1	Đất ông Phan Việt Quý (cạnh phía Đông thửa đất số 17, TĐĐ số 55)	Đất ông Trịnh Văn Vóc (cạnh phía Tây thửa đất số 18, TĐĐ số 55)	3.600			
40	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn 13	Đất ông Phạm Anh Túc giáp đường trục xã (cạnh phía Đông thửa đất số 4, TĐĐ số 115)	Đất ông Nguyễn Văn Phương giáp đường trục xã (cạnh phía Tây thửa đất số 4, TĐĐ số 115)	2.400	1.920	1.440	960
41	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn 3	Ranh giới đất của bà Hoàng Thị Xuân giáp đường tỉnh lộ 3 (cạnh phía Nam thửa đất số 612, TĐĐ số 45)	Ranh giới đất của ông Nguyễn Văn Nhị giáp đường tỉnh lộ 3 (giáp ranh giữa thửa đất số 24 và thửa đất số 32, TĐĐ số 115)	3.600	2.880	2.160	1.320
42	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn 5	Ngã ba đường giáp đất ông Trần Duy An	Trụ sở Công ty TNHH MTV cà phê 49 (cạnh phía Tây thửa đất của công ty)	3.200	2.560	1.920	1.280
43	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn 6	Ranh giới đất của ông Nguyễn Văn Châu (giáp ranh giữa thửa đất số 19 và thửa đất số 24, TĐĐ số 115)	Ranh giới đất của ông Nguyễn Văn Nhị (giáp ranh giữa thửa đất số 24 và thửa đất số 32, TĐĐ số 115)	3.200	2.560	1.920	
44	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn 9	Nhà đội của công ty thuộc thôn 9 giáp đường tỉnh lộ 3 (cạnh phía Đông thửa đất số 155, TĐĐ số 126)	Ngã ba đường lô sản xuất của công ty giáp đường tỉnh lộ 3 (cạnh phía Tây thửa đất số 163, TĐĐ số 126)	3.600			
45	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Giang Châu (Trung tâm xã Ea Dăh cũ)	Ngã tư công chào thôn Giang Châu (thửa đất số 107, TĐĐ số 259)	Ranh giới đất ông Hà Văn Khảnh (cạnh phía Đông thửa đất số 46, TĐĐ số 255)	1.000	800		
		Ngã tư công chào thôn Giang Châu (thửa đất số 43, TĐĐ số 259)	Ranh giới đất ông Lương Văn Sung (cạnh phía Tây thửa đất số 25, TĐĐ số 259)	800			
		Ngã tư công chào thôn Giang Châu (thửa đất số 43, TĐĐ số 259)	Ngã ba đường nhựa hết thửa đất số 114, TĐĐ số 259)	800			
		Ngã tư công chào thôn Giang Châu (thửa đất số 107, TĐĐ số 259)	Đất ông Hà Văn Nghĩa (cạnh phía Đông thửa đất số 94, TĐĐ số 188)	800			
		Ngã ba giáp thửa đất số 114, TĐĐ số 259	Đất ông Hà Văn Nghĩa (cạnh phía Đông thửa đất số 94, TĐĐ số 188)	800			
		Ngã tư giáp thửa đất số 29, TĐĐ số 258	Hết ranh giới thửa đất số 58, TĐĐ số 258	800			
46	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Giang Hà (điểm trường Giang Hà)	Ranh giới đất ông Triệu Văn Lan (ranh giới giáp ranh giữa thửa đất số 4 và thửa đất số 7, TĐĐ số 256)	Ranh giới đất ông Nguyễn Văn Nhượng (ranh giới giáp ranh giữa thửa đất số 7 và thửa đất số 9, TĐĐ số 256)	3.600	2.880	2.520	2.160
47	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Giang Minh	Ngã ba đường vào thác (thửa đất số 39, TĐĐ số 242)	Đất ông Đinh Thanh Kim (cạnh phía Đông thửa đất số 1003, TĐĐ số 149)	4.000	3.200	2.400	1.600

48	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Giang Sơn	Đất ông Đinh Thanh Trung (cạnh phía Đông thửa đất số 44, TĐĐ số 154)	Đất ông Nguyễn Nhân (cạnh phía Tây thửa đất số 709, TĐĐ số 154)	1.200	960	720	480
49	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Giang Sơn	Cạnh phía Tây thửa đất số 1100, TĐĐ số 149	Cạnh phía Đông thửa đất số 1100, TĐĐ số 149	1.200			
50	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Giang Tân	Cạnh phía Nam thửa đất số 984, TĐĐ số 149	Cạnh phía Bắc thửa đất số 984, TĐĐ số 149	880	704	528	352
51	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Giang Tân	Cạnh phía Tây thửa đất số 1014, TĐĐ số 149	Cạnh phía Đông thửa đất số 1014, TĐĐ số 149	2.800			
52	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Giang Thủy	Đất ông Phan Văn Phú (cạnh phía Đông thửa đất số 62, TĐĐ số 249)	Đất ông Trương Đình Việt (cạnh phía Tây thửa đất số 146, TĐĐ số 250)	800	640	480	320
53	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Giang Thủy	Đất ông Nguyễn Hữu Huế (cạnh phía Nam thửa đất số 14, TĐĐ số 248)	Đất ông Dương Văn Sanh (cạnh phía Bắc thửa đất số 662, TĐĐ số 159)	4.000	3.200	2.400	1.600
54	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Thanh Xuân	Đất ông Nguyễn Đình Thành (cạnh phía Đông thửa đất số 53, TĐĐ số 231)	Đất ông Phạm Minh Tuấn (cạnh phía Tây thửa đất số 79, TĐĐ số 231)	400	320	240	160
55	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Xuân Lộc	Đất ông Phan Quang (cạnh phía Tây thửa đất số 252, TĐĐ số 73)	Ngã tư giáp trường TH Phú Xuân 1 (thửa đất số 102, TĐĐ số 73)	1.000	800	600	400
56	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Xuân Long	Đất ông Nguyễn Tới (cạnh phía Đông thửa đất số 90, TĐĐ số 91)	Đất ông Nguyễn Văn Lợi (cạnh phía Tây thửa đất số 88, TĐĐ số 91)	8.000	6.400	4.800	3.200
57	Quốc lộ 29	Đất ông Ngô Tường Sáng, giáp ranh giới xã Tam Giang (thửa đất số 02, TĐĐ số 173)	Hết ranh giới đất nhà ông Lương Văn Hiệp (thửa đất số 06, TĐĐ số 260)	236	188	140	116
		Hết ranh giới đất nhà ông Lương Văn Hiệp (thửa đất số 06, TĐĐ số 260)	Hết ranh giới đất ông Đinh Thanh Sòng (thửa đất số 32, TĐĐ số 264)	332	264	200	164
		Hết ranh giới đất ông Đinh Thanh Sòng (thửa đất số 32, TĐĐ số 264)	Hết ranh giới đất ông Đinh Trung Liên (thửa đất số 905, TĐĐ số 194)	452	240	180	112
		Hết ranh giới đất ông Đinh Trung Liên (thửa đất số 905, TĐĐ số 194)	Hết ranh giới đất ông Nguyễn Công Hoan (thửa đất số 345, TĐĐ số 217)	300	240	180	136
		Hết ranh giới đất ông Nguyễn Công Hoan (thửa đất số 345, TĐĐ số 217)	Giáp ranh giới xã Ea Kar	248	196	152	124
58	Đối với các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau			80			
A33	XÃ EA DRÔNG						
1	Đường bao quanh chợ kéo dài	Đầu ranh giới thửa đất số 96, TĐĐ số 114 (Nhà ông Bùi Văn Tiên)	Hết ranh giới thửa đất số 76, TĐĐ số 112 (Kênh cấp I - nhà ông Nguyễn Mười)	260	192	184	
2	Đường buôn Klát B	Từ thửa đất số 86, TĐĐ số 66 (đất ông Y Diên Mlô)	Hết thửa đất số 20, TĐĐ số 63 (đất ông Y Biên Siu)	120	112	104	
		thửa đất số 675, TĐĐ số 66 (sát ông Y Yu Mlô thửa đất số 725)	thửa đất số 332, TĐĐ số 12 (đất ông Y Jap)	120	112	104	
3	Đường buôn Klát C	Đoạn từ thửa đất số 61, TĐĐ số 63 (đất ông Y Trung Mlô)	Hết thửa đất số 226, TĐĐ số 63 (đất ông Y Djie Niê)	140	132	128	
4	Đường buôn Pheo	Từ thửa đất số 47, TĐĐ số 74 (đất UBND xã Ea Drông)	Hết thửa đất số 07, TĐĐ số 71 (đất bà Hnap Niê)	140	132	128	
5	Đường đi buôn Klát B đi buôn Kmiên (trục 2)	Từ thửa đất số 19, TĐĐ số 66 (đất nhà ông Y Cam Niê)	Thửa đất số 72, TĐĐ số 80 (đất ông Y Nuê Niê)	120	112	104	
6	Đường đi buôn Klát B đi buôn Kmiên (trục 3)	Đoạn từ thửa đất số 315, TĐĐ số 12	Hết thửa đất số 27, TĐĐ số 81 (đất nhà ông Y Wêr Niê)	108	100	98	92

7	Đường đi nghĩa địa thôn Đồng Xuân	Đầu ranh giới thửa đất số 24, TĐĐ số 118 (Nhà ông Nguyễn Văn Tâm)	Hết ranh giới thửa đất số 103, TĐĐ số 102 (Nhà ông Võ Tôn)	200	112		
		Hết ranh giới thửa đất số 103, TĐĐ số 102	Ngã ba thửa đất số 24, TĐĐ số 107 (Nhà ông Phạm Thuý)	120	108		
8	Đường đi thôn 6A	Ngã ba thửa đất số 21, TĐĐ số 211 (Công chào thôn 1B)	Ngã ba thửa đất số 437, TĐĐ số 179 (Nhà bà Hứa Thị Xì)	160	132	128	120
		Ngã ba thửa đất số 437, TĐĐ số 179 (Nhà bà Hứa Thị Xì)	Đầu ranh giới thửa đất số 121, TĐĐ số 55 (Nhà ông Trương Đình Ngùi)	120	116	108	104
		Ngã ba thửa đất số 437, TĐĐ số 179 (Nhà bà Hứa Thị Xì)	Ngã ba đầu ranh giới thửa đất số 21, TĐĐ số 168 (Nhà ông Ninh Hữu Nhân)	140	116	112	108
		Ngã ba đầu ranh giới thửa đất số 21, TĐĐ số 168 (Nhà ông Ninh Hữu Nhân)	Hết ranh giới thửa đất số 137, TĐĐ số 182 (giáp xã Ea Kly)	120	112	100	88
9	Đường thôn 9	Từ thửa đất số 43, TĐĐ số 92	Hết thửa đất số 196, TĐĐ số 52 (đất ông Trương Bá thôn 9)	120	112	104	96
10	Đường thôn Ea Kung	Từ thửa đất số 33, TĐĐ số 93 (đất ông Nguyễn Thanh Tùng)	Hết thửa đất số 132, TĐĐ số 58 (đất ông Vỹ Văn Cự)	108	100	98	92
11	Đường trục chính	Đầu thửa đất số 129, TĐĐ số 101 (cây buồn Tring)	Hết ranh giới thửa đất số 23, TĐĐ số 102 (cây xăng Minh Khanh)	400	192		
		Hết ranh giới thửa đất số 23, TĐĐ số 102 (cây xăng Minh Khanh)	Hết ranh giới thửa đất số 11, TĐĐ số 116 (nhà ông Phan Văn Hồng)	800	440		
		Hết ranh giới thửa đất số 11, TĐĐ số 116 (nhà ông Phan Văn Hồng)	Hết ranh giới thửa đất số 9, TĐĐ số 105 (TT GD nghề nghiệp & GDTX Buôn Hồ)	600	176	156	140
		Hết ranh giới thửa đất số 9, TĐĐ số 105 (TT GD nghề nghiệp & GDTX Buôn Hồ)	Hết ranh giới thửa đất số 161, TĐĐ số 134 (đất ông Y Cho Mlô)	180	164	152	
		Hết ranh giới thửa đất số 161, TĐĐ số 134 (đất ông Y Cho Mlô)	Thửa đất số 21, TĐĐ số 211 (Công chào thôn 1B)	212	156	148	144
		Hết ranh giới thửa đất số 167, TĐĐ số 117 (Ngã ba)	Đầu ranh giới thửa đất số 55, TĐĐ số 118 (Ngã tư đường đi vào Nghĩa địa thôn Đồng Xuân)	600			
		Đầu ranh giới thửa đất số 55, TĐĐ số 118 (Ngã tư đường đi vào Nghĩa địa thôn Đồng Xuân)	Đầu ranh thửa đất số 719, TĐĐ số 10 (nhà ông Lê Quang Phương)	280	192	184	172
12	Đường vào buôn Ea Kjoh A	Ngã ba thửa đất số 95, TĐĐ số 81 (đối diện Trường TH Nơ Trang Long)	Đầu ranh giới thửa đất số 1772, TĐĐ số 21 (đất ông Y Nhựt Niê)	140	132	128	120
13	Đường vào buôn Ea Kjoh B	Ngã tư đầu ranh giới thửa đất số 97, TĐĐ số 80 (nhà ông Y Rang Niê)	Hết ranh giới thửa đất số 15, TĐĐ số 78 (nhà ông Y Wi Mlô)	152	136	132	124
14	Đường vào thôn 5	Thửa đất số 241, TĐĐ số 65 (nhà ông Nguyễn Văn Lân)	Hết ranh giới thửa đất số 105, TĐĐ số 62 (nhà bà Nguyễn Thị Lan)	140	132	128	120
15	Đường vào thôn 6	Thửa đất số 3, TĐĐ số 68	Hết ranh giới thửa đất số 158, TĐĐ số 72 (nhà bà Nguyễn Thị Thuận)	160	132	128	120
16	Khu vực chợ	Đường bao quanh chợ		480			
17	Thôn 7 đi thôn 8	Ngã ba thửa đất số 25, TĐĐ số 92 (đất ông Hồ Văn Hùng)	Hết thửa đất số 248, TĐĐ số 45 (đất ông Đàm Văn Nôm)	140	132	128	120
		Thửa đất số 218, TĐĐ số 45 (đất ông Long Văn Tiến)	Hết thửa đất số 121, TĐĐ số 55 (đất ông Trương Đình Ngùi)	120	112	104	96
18	Trần Hưng Đạo kéo dài	Đầu ranh giới thửa đất số 82, TĐĐ số 95 (Cầu Rôsy - Nhà ông Kiều Đình Hồng)	Hết ranh giới thửa đất số 2, TĐĐ số 95 (Cầu Rôsy + 200m - Nhà ông Hồ Vĩnh Bình)	1.040	436		

		Hết ranh giới thửa đất số 2, TĐĐ số 95 (Cầu Rỗy + 200m - Nhà ông Hồ Vĩnh Bình)	Hết ranh giới thửa đất số 16, TĐĐ số 95 (Giáp xã Pong Drang)	880	396		
19	Trục buôn Sing A đi buôn Kmiên	Từ thửa đất số 23, TĐĐ số 79 (đất nhà ông Y Diêm Niê)	Thửa đất số 140, TĐĐ số 80 (đất ông Dương Đình Hùng)	120	112	104	96
20	Trục chính buôn Tring 4	Đầu ranh giới thửa đất số 59, TĐĐ số 117 (Nhà ông Nguyễn Quang Tuấn)	Hết ranh giới thửa đất số 17, TĐĐ số 121 (Nhà ông Y Liêm Niê)	240	172	164	
		Hết ranh giới thửa đất số 17, TĐĐ số 121 (Nhà ông Y Liêm Niê)	Hết ranh giới thửa đất số 374, TĐĐ số 106 (Nhà ông Y Djuốt Niê)	200	172	164	
		Ngã ba hết ranh giới thửa đất số 92, TĐĐ số 117 (nhà ông Hồ Ngọc Thế)	Hết ranh giới thửa đất số 207, TĐĐ số 110 (nhà ông Võ Đức Nghĩa)	200	172	164	
		Ngã ba thửa đất số 69, TĐĐ số 106 (nhà ông Y Khueh Mlô Kbuôr)	Hết ranh giới thửa đất số 235, TĐĐ số 110 (Nhà bà H Mí Mlô)	160	152	144	
		Giáp đường nhựa thửa đất số 40, TĐĐ số 105 (Nhà ông Y Phít Mlô)	Ngã tư thửa đất số 189, TĐĐ số 119 (Giáp ranh điểm trường buôn Tring 4)	180			
21	Trục chính thôn 3	Ngã ba thửa đất số 49, TĐĐ số 217 (Nhà ông Đồng)	Ngã ba thửa đất số 42, TĐĐ số 230 (Trường TH Hoàng Văn Thụ)	160	148	144	136
22	Trục chính thôn Đông Xuân	Đầu ranh giới thửa đất số 34, TĐĐ số 117 (Nhà ông Trần Phái)	Hết ranh giới thửa đất số 152, TĐĐ số 114 (Nhà bà Trần Thị Kim Hồng)	240			
		Đầu ranh giới thửa đất số 49, TĐĐ số 115 (Nhà ông Lâm Tấn Khanh)	Hết ranh giới thửa đất số 92, TĐĐ số 117 (Nhà ông Hồ Ngọc Thế)	200	180	160	
		Ngã ba thửa đất số 61, TĐĐ số 117 (Trạm Y tế)	Hết ranh giới thửa đất số 103, TĐĐ số 117 (Nhà bà Lê Thị Phước)	220	200		
		Ngã ba đầu thửa đất số 68, TĐĐ số 101 (Nhà bà H' Tiu Niê)	Thửa đất số 27, TĐĐ số 101 (Nhà ông Y Bhe Mlô)	220	176		
		Ngã ba đầu thửa đất số 68, TĐĐ số 101 (Nhà bà H' Tiu Niê)	Đầu ranh giới thửa đất số 188, TĐĐ số 101	180			
23	Trục chính thôn Quyết Thắng	Thửa đất số 28, TĐĐ số 118 (Nhà ông Phạm Mông)	Hết ranh giới thửa đất số 3, TĐĐ số 113 (Nhà ông Võ Đình Mẹo)	200	188	180	172
		Đầu ranh giới thửa đất số 102, TĐĐ số 114 (Nhà ông Nguyễn Quang Châu)	Hết ranh giới thửa đất số 80, TĐĐ số 114 (Nhà bà Lê Thị Diễm Như)	200			
		Đầu ranh giới thửa đất số 244, TĐĐ số 114 (Nhà bà Lê Thị Phương)	Hết ranh giới thửa đất số 16, TĐĐ số 114 (Nhà ông Võ Ngọc Thái)	200	188	180	
24	Trục chính thôn Tân Hợp (Cũ: Trục chính thôn Tân Hòa)	Đầu ranh giới thửa đất số 126, TĐĐ số 95 (Nhà ông Y Hra Mlô)	Hết ranh giới thửa đất số 57, TĐĐ số 95 (Nhà ông Nguyễn Ngọc Kiều)	172			
25	Trục chính thôn Tân Hợp (Cũ: Trục chính thôn Tân Lập, Tân Tiến)	Đầu ranh giới thửa đất số 47, TĐĐ số 96 (Nhà ông Nguyễn Thanh Hương)	Đầu ranh giới thửa đất số 52, TĐĐ số 100 (Nhà ông Đặng Xuân Ngọc)	160	152	144	136
		Đầu ranh giới thửa đất số 96, TĐĐ số 97	Hết ranh giới thửa đất số 35, TĐĐ số 97 (Nhà ông Lê Vạn Thường)	160	140	120	
		Đầu ranh giới thửa đất số 5, TĐĐ số 96 (Nhà ông Nguyễn Văn Trung)	Hết ranh giới thửa đất số 72, TĐĐ số 97 (Nhà bà Quách Thị Thành)	160	152	144	136
26	Trục đường 2C các tuyến đường Trung tâm xã	Ngã ba thửa đất số 131, TĐĐ số 66 (nhà ông Dương Đình Thanh)	Hết ranh giới thửa đất số 48, TĐĐ số 74 (nhà bà Lê Thị Lành)	260	196	190	180
		Hết ranh giới thửa đất số 48, TĐĐ số 74 (nhà bà Lê Thị Lành)	Hết ranh giới thửa đất số 140, TĐĐ số 80 (nhà ông Dương Đình Hùng)	200	144	136	132

		Hết ranh giới thửa đất số 140, TĐĐ số 80 (nhà ông Dương Đình Hùng)	Hết ranh giới thửa đất số 82, TĐĐ số 36 (nhà ông Y Blơ Niê)	180	140	136	128
		Hết ranh giới thửa đất số 82, TĐĐ số 36 (nhà ông Y Blơ Niê)	Đầu ranh giới thửa đất số 943, TĐĐ số 38 (nhà ông Thịnh Đông)	160	152	144	136
		Đầu ranh giới thửa đất số 943, TĐĐ số 38 (nhà ông Thịnh Đông)	Hết thửa đất số 46, TĐĐ số 92 (Nông trường 49 xã Phú Xuân)	220	136	128	120
		Ngã ba thửa đất số 131, TĐĐ số 66 (nhà ông Dương Đình Thanh)	Hết thửa đất số 11, TĐĐ số 68 (Ngã năm đường vào chùa Tường Vân)	260	132	120	108
		Hết thửa đất số 11, TĐĐ số 68 (Ngã năm đường vào chùa Tường Vân)	Hết thửa đất số 719, TĐĐ số 10 (nhà ông Lê Quang Phương)	240	192	184	176
		Ngã ba thửa đất số 131, TĐĐ số 66 (nhà ông Dương Đình Thanh)	Hết ranh giới thửa đất số 61, TĐĐ số 63 (nhà ông Y Trung Mlô)	200	172	164	156
		Hết ranh giới thửa đất số 61, TĐĐ số 63 (nhà ông Y Trung Mlô)	Hết ranh giới thửa đất số 349, TĐĐ số 1 (Giáp ranh giới xã Krông Năng)	180	136	128	124
27	Trục thôn 6	Đoạn từ thửa đất số 84, TĐĐ số 66 (đất nhà ông Hoàng Triển Vọng)	Thửa đất số 83, TĐĐ số 68 (Hội trường thôn 6)	140	132	128	120
		Từ thửa đất số 716, TĐĐ số 10 (đất nhà bà Nguyễn Thị Nở)	Hết thửa đất số 06, TĐĐ số 10 (đất nhà bà Nguyễn Thị Mai)	140	132	128	120
28	Tuyến 1A thôn 2A	Hết ranh giới thửa đất số 93, TĐĐ số 217 (Trường TH Tô Hiệu)	Ngã ba thửa đất số 5, TĐĐ số 227 (Trường mẫu giáo Hoa Sim)	160	132	128	120
		Ngã ba thửa đất số 49, TĐĐ số 221 (Nhà ông Nguyễn Kim Minh)	Hết ranh giới thửa đất số 107, TĐĐ số 195 (Nhà ông Lộc Văn Lờ)	140	132	128	120
29	Tuyến 1A, 1B	Ngã tư thửa đất số 32, TĐĐ số 214 (Nhà ông Lê Quang Đức)	Hết ranh giới thửa đất số 21, TĐĐ số 211 (Công chào thôn 1B)	220	156	148	140
		Ngã tư thửa đất số 77, TĐĐ số 215 (Nhà ông Nông Văn Ánh)	Ngã ba thửa đất số 42, TĐĐ số 211 (Nhà ông Hứa Văn Phiến)	200	192	180	172
30	Tuyến đường vào Trung tâm xã Ea Siên cũ	Hết ngã ba thửa đất số 131, TĐĐ số 214 (Công chào thôn 1A)	Hết ranh giới thửa đất số 402, TĐĐ số 176 (Nhà ông Y Blơ Niê)	160	136		
		Các tuyến đường nhựa và bê tông (trung tâm cụm xã Ea Siên cũ)		280	192		
		Ngã năm thửa đất số 39, TĐĐ số 217 (Trung tâm xã Ea Siên cũ)	Hết ranh giới thửa đất số 56, TĐĐ số 217 (Nhà ông Vi Văn Định)	200	188		
31	Tuyến thôn 1A (Cũ: tuyến buôn Dlung 2)	Hết ranh giới thửa đất số 402, TĐĐ số 176 (Nhà ông Y Blơ Niê)	Hết ranh giới thửa đất số 78, TĐĐ số 155 (Giáp phường Buôn Hồ)	144	136	128	124
32	Tuyến thôn 2A, 2B	Ngã tư đầu ranh giới thửa đất số 83, TĐĐ số 217 (Nhà ông Pai)	Hết ranh giới thửa đất số 140, TĐĐ số 217 (Nhà ông Nông Văn Vượng)	280	212	200	192
		Hết ranh giới thửa đất số 140, TĐĐ số 217 (Nhà ông Nông Văn Vượng)	Hết ranh giới thửa đất số 41, TĐĐ số 238 (Giáp ranh xã Ea Kly)	220	156	148	140
		Ngã ba thửa đất số 14, TĐĐ số 222 (Nhà ông Trần Văn Ích)	Hết ranh giới thửa đất số 7, TĐĐ số 238	160	148	144	136
33	Tuyến thôn 7A	Ngã ba thửa đất số 100, TĐĐ số 175 (Công chào thôn 7)	Ngã ba hết ranh giới thửa đất số 445, TĐĐ số 194 (Nhà ông Hoàng Đức Sậu)	144	124	116	112
34	Tuyến thôn 8A	Ngã ba hết ranh giới thửa đất số 445, TĐĐ số 194 (Nhà ông Hoàng Đức Sậu)	Hết ranh giới thửa đất số 112, TĐĐ số 203 (Nhà ông Nông Văn Phụng)	128	120	112	108

		Ngã ba hết ranh giới thửa đất số 445, TBD số 194 (Nhà ông Hoàng Đức Sậu)	Hết ranh giới thửa đất số 207, TBD số 204 (Nhà ông Mã Văn Dũng)	136	124	116	112
		Ngã ba thửa đất số 65, TBD số 199 (Nhà ông Trương Văn Hòn)	Ngã ba thửa đất số 111, TBD số 200 (Nhà ông Hoàng Văn Đường)	136	124	116	112
35	Tuyến trung tâm xã Ea Siên cũ	Đầu ngã ba thửa đất số 131, TBD số 214 (Công chào thôn 1A)	Ngã tư đầu ranh giới thửa đất số 83, TBD số 217 (Nhà ông Pai)	340	156	144	136
		Ngã năm thửa đất số 39, TBD số 217 (Trung tâm xã Ea Siên cũ)	Hết ranh giới thửa đất số 93, TBD số 217 (Trường TH Tô Hiệu)	280			
36	Đối với các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau			92			
A34	XÃ PONG DRANG						
1	Nguyễn Tất Thành (Dọc 2 bên đường từ giáp ranh giới phường Buôn Hồ về xã Krông Búk)	Nguyễn Duy Trinh	Lý Tự Trọng	2.440	400		
		Lý Tự Trọng	Lê Vụ	2.960			
		Lê Vụ	Võ Nguyên Giáp	4.200	600	384	
		Võ Nguyên Giáp	Nguyễn Hữu Thọ	3.400	480		
		Nguyễn Hữu Thọ	Phan Bội Châu	3.000	480		
		Phan Bội Châu	Hết trường dạy nghề Bảo An	3.040	480	240	
		Hết trường dạy nghề Bảo An	Giáp ranh giới xã Krông Búk	1.320	440	180	
2	Phạm Văn Đồng (Quốc lộ 29)	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Lương Bằng	800			
		Nguyễn Lương Bằng	Đoàn Thị Điểm	640			
		Đoàn Thị Điểm	Kim Đồng	600			
		Kim Đồng	Hết ranh giới cụm công nghiệp Krông Búk	560	240	160	
3	Quốc lộ 29 đi xã Ea Tul	Hết ranh giới cụm công nghiệp Krông Búk	Giáp ranh giới xã Ea Tul	560	220	180	160
4	Quốc lộ 29 đi xã Krông Năng	Từ cầu Rô si	Giáp ranh giới xã Krông Năng	1.040	400	240	160
5	Võ Nguyên Giáp (Tỉnh lộ 8)	Nguyễn Tất Thành	Lê Lợi	2.240	880		
		Lê Lợi	Chu Văn An	1.480	360		
		Chu Văn An	Trần Phú	960	312	200	
		Trần Phú	Trần Đại Nghĩa	640	300	200	
		Trần Đại Nghĩa	A Ma Pui	480	280	200	
		A Ma Pui	Cầu thôn Tăng Mai	340	240	200	160
6	Tỉnh lộ 8	Cầu thôn Tăng Mai	Hết ranh giới thửa đất số 22, tờ bản đồ số 211	340	200	160	120
		Hết ranh giới thửa đất số 22, tờ bản đồ số 211	Suối đá giáp ranh giới xã Ea Tul	340	200	128	112
7	A Ma Zhao	Võ Nguyên Giáp	Võ Thị Sáu	160	120	104	
8	A Ma Pui	Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới thửa đất số 129, tờ bản đồ số 41	160	120	104	
9	An Dương Vương	Mai Xuân Thường	Hết ranh giới thửa đất số 107, tờ bản đồ số 28	128	112		
10	Ấu Cơ	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Hữu Thọ	160	120		
11	Bà Triệu	Phan Bội Châu	Nguyễn Cư Trinh	360			
12	Bùi Viết Xuân	Nguyễn Lương Bằng	Đoàn Thị Điểm	400			

13	Cách Mạng Tháng Tám	Y Ngõng Niê Kdăm	Hết ranh giới thửa đất số 7, tờ bản đồ số 38	140	112		
		Hết ranh giới thửa đất số 7, tờ bản đồ số 38	Giáp suối Krông Búk	128			
14	Cao Thắng	Y Ngõng Niê Kdăm	Hết ranh giới thửa đất số 202, tờ bản đồ số 38	140	112	104	
15	Chu Văn An	Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới thửa đất số 383, tờ bản đồ số 74	400	280		
16	Các trục đường khu vực chợ Pong Drang mới			800			
17	Đường trong khu vực đầu giá thôn Tân Lập 2			400			
18	Diên Hồng	Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới thửa đất số 138, tờ bản đồ số 86	160	120	112	
19	Đoàn Thị Diễm	Quang Trung	Lạc Long Quân	320	240		
		Lạc Long Quân	Phạm Văn Đồng	280			
20	Đình Tiên Hoàng	Phạm Văn Đồng	Hết ranh giới thửa đất số 68, tờ bản đồ số 26	140	112	104	
21	Giải phóng	Nguyễn Tất Thành	Nơ Trang Long	400			
		Nơ Trang Long	Y Ngõng Niê Kdăm	280	200	140	
		Y Ngõng Niê Kdăm	Hết ranh giới thửa đất số 42, tờ bản đồ số 76	200	160	140	
22	Hai Bà Trưng	Nguyễn Tất Thành	Lê Duẩn	400			
		Lê Duẩn	Trần Phú	280			
23	Hồ Xuân Hương	Nguyễn Duy Trinh	Lê Đình Chinh	200			
24	Hoàng Quốc Việt	Nguyễn Duy Trinh	Lê Đình Chinh	128	112		
25	Huỳnh Thúc Kháng	Mai Xuân Thường	Nguyễn Cư Trinh	280	160		
26	Hà Huy Tập	Nguyễn Cư Trinh	Tú Xương	160	120		
27	Hồ Tùng Mậu	Võ Nguyên Giáp	Trần Đại Nghĩa	160	120		
		Trần Đại Nghĩa	Hết ranh giới thửa đất số 203, tờ bản đồ số 35	128	112		
28	Hoàng Việt	Mai Xuân Thường	Hết ranh giới thửa đất số 118, tờ bản đồ số 20	128	112		
29	Hoàng Văn Thụ	Nguyễn Chí Thanh	Hết ranh giới thửa đất số 63, tờ bản đồ số 28	128	112		
30	Hàm Nghi	Phù Đồng Thiên Vương	Hết ranh giới thửa đất số 10, tờ bản đồ số 33	140			
31	Hoàng Diệu	Kpă Klong	Hết ranh giới thửa đất số 24, tờ bản đồ số 87	160	120	112	
32	Kpă Klong	Võ Nguyên Giáp	Hết đường (thửa đất số 284, tờ bản đồ số 42)	160	120	104	
33	Kim Đồng	Lạc Long Quân	Phạm Văn Đồng	200			
34	Lê Đình Chinh	Nguyễn Tất Thành	Nơ Trang Long	400			
		Nơ Trang Long	Tô Hiến Thành	280	200	140	
		Tô Hiến Thành	Hoàng Quốc Việt	200	160	140	
35	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Tất Thành	Tôn Đức Thắng	400			
		Tôn Đức Thắng	Hết ranh giới thửa đất số 118, tờ bản đồ số 81	280	200	140	
36	Lý Tự Trọng	Nguyễn Tất Thành	Nơ Trang Long	480	400		
		Nơ Trang Long	Y Ngõng Niê Kdăm	400			

37	Lê Vụ	Nguyễn Tất Thành	Lê Văn Tám	680			
		Lê Văn Tám	Hết ranh giới thửa đất số 263, tờ bản đồ số 74	480	280		
		Hết ranh giới thửa đất số 263, tờ bản đồ số 74	Hết ranh giới thửa đất số 298, tờ bản đồ số 73	280	200		
38	Lê Hồng Phong	Nguyễn Tất Thành	Lê Lợi	480			
		Lê Lợi	Trần Phú	400	280		
		Trần Phú	Võ Văn Kiệt	280	200	120	
		Võ Văn Kiệt	Hết ranh giới thửa đất số 2, tờ bản đồ số 65	160	128	112	
39	Lê Quý Đôn	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Thị Định	400			
		Nguyễn Thị Định	Lê Duẩn	280			
40	Lạc Long Quân	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Lương Bằng	800			
		Nguyễn Lương Bằng	Văn Cao	640			
		Văn Cao	Đoàn Thị Điểm	560			
		Đoàn Thị Điểm	Hết ranh giới thửa đất số 24, tờ bản đồ số 55	200			
41	Lê Văn Tám	Lê Vụ	Võ Nguyên Giáp	640			
42	Lê Lợi	Võ Nguyên Giáp	Nguyễn Hữu Thọ	400			
43	Lê Duẩn	Nguyễn Văn Cừ	Hết ranh giới thửa đất số 116, tờ bản đồ số 63	200	160		
44	Lý Nam Đế	Lê Lợi	Nguyễn Viết Xuân	160	120		
45	Lê Văn Nhiều	A Ma Pui	Võ Thị Sáu	160	128	104	
46	Mai Hắc Đế	Nguyễn Tất Thành	Trường Chinh	480			
		Trường Chinh	Hết ranh giới thửa đất số 62, tờ bản đồ số 69	400	200		
47	Mai Xuân Thưởng	Bà Triệu	Hoàng Việt	160			
		Hoàng Việt	Hết ranh giới thửa đất số 4, tờ bản đồ số 54	160	120		
48	Nguyễn Duy Trinh	Nguyễn Tất Thành	Nơ Trang Long	400			
		Nơ Trang Long	Hoàng Quốc Việt	280			
		Hoàng Quốc Việt	Hết ranh giới thửa đất số 11, tờ bản đồ số 44	200			
		Hết ranh giới thửa đất số 11, tờ bản đồ số 44	Giáp suất Krông Búk	180	140	128	112
49	Nguyễn Công Trứ	Nguyễn Tất Thành	Nơ Trang Long	400			
		Nơ Trang Long	Tô Hiến Thành	280			
50	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Tất Thành	Trường Chinh	480			
		Trường Chinh	Hết ranh giới thửa đất số 53, tờ bản đồ số 33	400	200		
51	Nguyễn Hữu Thọ	Nguyễn Tất Thành	Lê Vụ	480			
		Lê Vụ	Trần Phú	400			
		Trần Phú	Nguyễn Viết Xuân	280	200		
52	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Tất Thành	Hết ranh giới thửa đất số 23, tờ bản đồ số 60	400			

		Hết ranh giới thửa đất số 23, tờ bản đồ số 60	Hết ranh giới thửa đất số 310, tờ bản đồ số 57	280	200		
		Hết ranh giới thửa đất số 310, tờ bản đồ số 57	Hoàng Văn Thụ	200	128	112	
53	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Tất Thành	Hết ranh giới thửa đất số 2, tờ bản đồ số 60	400			
		Hết ranh giới thửa đất số 2, tờ bản đồ số 60	Hết ranh giới thửa đất số 177, tờ bản đồ số 57	280	200		
		Hết ranh giới thửa đất số 177, tờ bản đồ số 57	Hết ranh giới thửa đất số 102, tờ bản đồ số 29	200	128	112	
54	Nguyễn Thái Học	Nguyễn Tất Thành	Lê Duẩn	400			
		Lê Duẩn	Trần Phú	280	200		
		Trần Phú	Hết thửa đất số 60, tờ bản đồ số 62	200	128		
55	Nguyễn Viết Xuân	Nguyễn Tất Thành	Lê Duẩn	400			
		Lê Duẩn	Trần Phú	280	200		
		Trần Phú	Ngô Thị Nhậm	200	128		
		Ngô Thị Nhậm	Lê Hồng Phong	160	128	112	
56	Nguyễn Trường Tộ	Nguyễn Tất Thành	Lê Duẩn	400			
57	Nguyễn Khuyến	Nguyễn Tất Thành	Bà Triệu	480			
		Bà Triệu	Huỳnh Thúc Kháng	400			
58	Nguyễn Tri Phương	Nguyễn Tất Thành	Bà Triệu	480			
		Bà Triệu	Huỳnh Thúc Kháng	400			
59	Nguyễn Cư Trinh	Nguyễn Tất Thành	Bà Triệu	480			
		Bà Triệu	Hà Huy Tập	400			
60	Nguyễn Du	Nguyễn Tất Thành	Bà Triệu	480			
		Bà Triệu	Hết ranh giới thửa đất số 1, tờ bản đồ số 50	400	200		
61	Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Lương Bằng	800			
		Nguyễn Lương Bằng	Văn Cao	640			
		Văn Cao	Đoàn Thị Điểm	560			
		Đoàn Thị Điểm	Hết ranh giới thửa đất số 52, tờ bản đồ số 56	400			
62	Ngô Quyền	Nguyễn Duy Trinh	Giải Phóng	320			
63	Nguyễn Văn Trỗi	Nguyễn Duy Trinh	Lê Đình Chinh	160			
64	Nguyễn Văn Linh	Y Thuyền Ksor	Trần Nhân Tông	320			
65	Nguyễn Trãi	Lý Tự Trọng	Xô Viết Nghệ Tĩnh	240	160		
66	Nguyễn Hữu Thấu	Lê Vụ	Hết ranh giới thửa đất số 85, tờ bản đồ số 74	480	400		
67	Nguyễn Thị Định	Quang Trung	Hai Bà Trưng	280			
68	Nguyễn Hồng	Nguyễn Cư Trinh	Nguyễn Du	280			
69	Nguyễn Lương Bằng	Nguyễn Văn Cừ	Lạc Long Quân	480			
		Lạc Long Quân	Phạm Văn Đồng	480			

70	Ngô Thị Nhậm	Nguyễn Viết Xuân	Hết ranh giới thửa đất số 13, tờ bản đồ số 31	140	112	104	
71	Nguyễn Xuân Nguyên	Đầu thửa đất số 133, tờ bản đồ số 42	Hết ranh giới thửa đất số 284, tờ bản đồ số 42	128	112	104	
72	Ngô Tất Tố	Nguyễn Cư Trinh	Nguyễn Du	360			
73	Ngô Gia Tự	Nguyễn Tất Thành	Bà Triệu	480			
		Bà Triệu	Hà Huy Tập	400			
		Hà Huy Tập	Hoàng Việt	200			
74	Nơ Trang Long	Nguyễn Duy Trinh	Giải Phóng	240			
75	Nơ Trang Gưh	Võ Nguyên Giáp	Trần Phú	160	120		
		Trần Phú	Võ Văn Kiệt	128			
76	Phạm Hùng	Nguyễn Tất Thành	Trường Chinh	400			
		Trường Chinh	Hết ranh giới thửa đất số 83, tờ bản đồ số 63	280	200		
		Hết ranh giới thửa đất số 83, tờ bản đồ số 63	Hết ranh giới thửa đất số 119, tờ bản đồ số 34	200	128	112	
77	Phan Chu Trinh	Nguyễn Tất Thành	Hết ranh giới thửa đất số 308, tờ bản đồ số 63	400			
		Hết ranh giới thửa đất số 308, tờ bản đồ số 63	Hết ranh giới thửa đất số 192, tờ bản đồ số 64	280	200		
		Hết ranh giới thửa đất số 192, tờ bản đồ số 64	Hết ranh giới thửa đất số 21, tờ bản đồ số 64	200	128	112	
78	Phan Đình Phùng	Nguyễn Tất Thành	Phù Đồng Thiên Vương	400			
		Phù Đồng Thiên Vương	Hết ranh giới thửa đất số 78, tờ bản đồ số 61	280	200		
		Hết ranh giới thửa đất số 78, tờ bản đồ số 61	Hết ranh giới thửa đất số 162, tờ bản đồ số 64	200	128	112	
79	Phạm Hồng Thái	Nguyễn Tất Thành	Phù Đồng Thiên Vương	400			
		Phù Đồng Thiên Vương	Hết ranh giới thửa đất số 29, tờ bản đồ số 61	280	200		
80	Phan Đăng Lưu	Nguyễn Tất Thành	Hết ranh giới thửa đất số 74, tờ bản đồ số 57	400			
		Hết ranh giới thửa đất số 74, tờ bản đồ số 57	Hết ranh giới thửa đất số 146, tờ bản đồ số 57	280	200		
		Hết ranh giới thửa đất số 146, tờ bản đồ số 57	Hết ranh giới thửa đất số 326, tờ bản đồ số 57	200			
81	Phan Bội Châu	Nguyễn Tất Thành	Bà Triệu	400			
		Bà Triệu	Hết ranh giới thửa đất số 96, tờ bản đồ số 53	280	200		
		Hết ranh giới thửa đất số 96, tờ bản đồ số 53	Hết ranh giới thửa đất số 39, tờ bản đồ số 28	200			
82	Phù Đồng Thiên Vương	Phan Đình Phùng	Hết ranh giới thửa đất số 226, tờ bản đồ số 60	200	160		
83	Phan Đình Giót	Trần Phú	Nguyễn Viết Xuân	160	120		
84	Quang Trung	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Thị Định	400			
		Nguyễn Thị Định	Lê Duẩn	280			
		Lê Duẩn	Trần Phú	200	140		
85	Siu Bleh	A Ma Pui	Nguyễn Xuân Nguyên	128	112	104	

86	Tổ Hữu	Nguyễn Tất Thành	Tôn Đức Thắng	400			
		Tôn Đức Thắng	Hết ranh giới thửa đất số 102, tờ bản đồ số 88	280	200	140	
87	Trần Khánh Dư	Nguyễn Tất Thành	Tôn Đức Thắng	400			
		Tôn Đức Thắng	Hết ranh giới thửa đất số 129, tờ bản đồ số 81	280	200	140	
88	Trần Nhân Tông	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Văn Linh	480			
		Nguyễn Văn Linh	Hết ranh giới thửa đất số 7, tờ bản đồ số 80	400	280		
		Hết ranh giới thửa đất số 7, tờ bản đồ số 80	Hết ranh giới thửa đất số 114, tờ bản đồ số 79	280	200	140	
89	Trương Chinh	Nguyễn Tất Thành	Xô Viết Nghệ Tĩnh	480			
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Phạm Hùng	400			
90	Tô Hiến Thành	Nguyễn Duy Trinh	Lê Đình Chinh	140	120		
91	Tôn Đức Thắng	Y Thuyền Ksor	Lê Thị Hồng Gấm	240			
92	Tôn Thất Tùng	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Văn Linh	240			
93	Trần Phú	Võ Nguyên Giáp	Lê Hồng Phong	320			
		Lê Hồng Phong	Nguyễn Hữu Thọ	240			
		Nguyễn Hữu Thọ	Nguyễn Thái Học	200			
		Nguyễn Thái Học	Hết ranh giới thửa đất số 29, tờ bản đồ số 55	160	120		
94	Trần Đại Nghĩa	Võ Nguyên Giáp	Trần Hưng Đạo	128	112		
95	Tú Xương	Huỳnh Thúc Kháng	Hoàng Việt	160			
96	Trần Hưng Đạo	Võ Nguyên Giáp	Trần Phú	380			
		Trần Phú	Võ Văn Kiệt	280	200		
		Võ Văn Kiệt	Cầu Ea Tút	200	160	112	
97	Trần Nhật Duật	Trần Đại Nghĩa	A Ma Zhao	160	128	104	
98	Thích Quảng Đức	Nguyễn Tất Thành	Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 5	160	136	120	
		thửa đất số 36, tờ bản đồ số 5	Hết ranh giới thửa đất số 72, tờ bản đồ số 7	128	120	112	104
99	Võ Văn Kiệt	Võ Nguyên Giáp	Nguyễn Hữu Thọ	160	120		
100	Văn Cao	Nguyễn Văn Cừ	Lạc Long Quân	400			
101	Võ Thị Sáu	A Ma Zhao	Lê Văn Nhiều	160	128	104	
102	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Nguyễn Tất Thành	Trương Chinh	680			
		Trương Chinh	Nguyễn Trãi	480	280	160	
		Nguyễn Trãi	Y Ngông Niê Kdăm	320	200		
		Y Ngông Niê Kdăm	Hết ranh giới thửa đất số 42, tờ bản đồ số 38	200	128		
103	Y Thuyền Ksor	Nguyễn Tất Thành	Tôn Đức Thắng	400			
		Tôn Đức Thắng	Hết ranh giới thửa đất số 74, tờ bản đồ số 88	280	200	140	
104	Y Ngông Niê Kdăm	Giải Phóng	Hết ranh giới thửa đất số 54, tờ bản đồ số 33	160	120		
105	Y Nuê B'krông	Đầu thửa đất số 586, tờ bản đồ số 68	Hết ranh giới thửa đất số 228, tờ bản đồ số 67	160			

106	Y Bih Alêô	Y Ngông Niê Kdăm	Hết ranh giới thửa đất số 81, tờ bản đồ số 38	140	112	104	
107	Y Ôn Niê	Siu Bleh	Hết ranh giới thửa đất số 392, tờ bản đồ số 42	128	112	104	
108	Y Jút Hwing	Vô Nguyên Giáp	Hết ranh giới thửa đất số 50, tờ bản đồ số 79	160	120	104	
109	Đường liên thôn	Từ thửa đất số 85, tờ bản đồ số 189	Ngã ba thôn Ea Ngai 3 thửa đất số 34, tờ bản đồ số 189	280	200	140	
		Ngã ba thôn Ea Ngai 3 thửa đất số 34, tờ bản đồ số 189	Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 204	200	140	112	
		Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 204	Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 225	160	128	112	
		Ngã ba thôn Ea Ngai 3 thửa đất số thửa đất số 34, tờ bản đồ số 189	Ngã tư thửa đất số 15, tờ bản đồ số 204	140	128	112	
		Đầu ranh giới thửa đất số 21, tờ bản đồ số 206 - Cổng chào thôn Ea Ngai 4	Hết ranh giới thửa đất số 67, tờ bản đồ số 204	120	112	104	
		Cầu Ea Tút bắt đầu từ thửa đất số 193, tờ bản đồ số 141	Hết ranh giới thửa đất số 49, tờ bản đồ số 185	160	120	104	
110	Đường liên thôn Tân Lập 3, Tân Lập 4 và Tân Lập 5	Tiếp giáp Quốc lộ 29	Đền giáp suối Krông Búk	200	160	120	
		Từ thửa đất số 172, tờ bản đồ số 151	Hết ranh giới thửa đất số 12, tờ bản đồ số 122	128	120	112	104
111	Các trục đường khu dân cư thôn Tân Lập 6			120	116	112	104
112	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200 m đến hết vị trí thửa đất (không tính hệ số khoảng cách). Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau:			96			
A35	XÃ KRÔNG BÚK						
1	Dọc Quốc lộ 14	Giáp ranh giới xã Pong Drang	Ngã ba thôn Kty 1 (thửa đất số 58, tờ bản đồ số 77)	640	200	140	100
		Ngã ba thôn Kty 1 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 77)	Hết ngã ba đường đi vào Đài tưởng niệm công thôn Kty (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 72)	680	220	140	100
		Hết Ngã ba đường đi vào Đài tưởng niệm công thôn Kty (thửa đất số 4, tờ bản đồ số 72)	Hết ngã ba đường vào xã Cư Pong (Km 57) (thửa đất số 4, tờ bản đồ số 47).	640	220	140	120
		Từ ngã ba đường vào xã Cư Pong (Km 57)	Cầu Krông Búk (Quốc lộ 14 mới)	560	200	140	120
		Cầu Krông Búk (Quốc lộ 14 mới)	Ngã ba đường vào Buôn Kmu	640	160	136	112
		Ngã ba đường vào Buôn Kmu	Hết Km 68 (giáp ranh giới xã Ea Khăl)	600	160	128	112
2	Đường tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường lên trụ sở UBND xã Chư K'Bô cũ)	Tiếp giáp Quốc lộ 14	Hết ranh giới thửa đất số 73, tờ bản đồ số 68.	200	140	120	100
3	Đường tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường lên Trường THCS Phan Bội Châu - thôn Nam Anh)	Tiếp giáp Quốc lộ 14	Hết ranh giới thửa đất số 110, tờ bản đồ số 67	168	140	120	100
4	Đường tiếp giáp Quốc lộ 14, thuộc thôn Kty	Từ tiếp giáp Quốc lộ 14	Đến hết ranh giới thửa 20, tờ bản đồ số 75	160	128	112	100
		Từ tiếp giáp Quốc lộ 14 đường đi vào Đài tưởng niệm	Đến hết ranh giới thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12	160	128	112	100
5	Đường đi vào Trường Tiểu Học Hai Bà Trưng	Tiếp giáp Quốc lộ 14 - Từ đường N6	Hết ranh giới thửa đất trường TH Hai Bà Trưng	152	120	112	100
		Từ tiếp giáp Quốc lộ 14 đi thôn Nam Thái, thôn Trung Lộc	Hết ranh giới thửa đất số 10, tờ bản đồ số 48 thôn Trung Lộc.	140	120	100	88
		Hết ranh giới thửa 10, tờ bản đồ số 48 thôn Trung Lộc	Đến hết ranh giới thửa đất số 8, tờ bản đồ số 43	200	180	112	100

		Hết ranh giới thửa đất trường TH Hai Bà Trưng	Hết ranh giới thửa đất số 26, tờ bản đồ số 34	180	128	112	100
6	Đường đi thôn Nam Thái	Tiếp giáp Quốc lộ 14 đầu cầu Krông Búk, thửa đất số 10, tờ bản đồ số 39	Đến hết ngã tư thuộc thửa đất số 6, tờ bản đồ số 41	160	128	112	100
7	Đường liên thôn Nam An đi thôn Trung Lộc	Từ ngã ba trạm Y tế xã, thửa đất số 47, tờ bản đồ số 73	Đến hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 3	160	128	112	100
8	Đường giao thông liên thôn (đoạn từ ngã ba đi Nông trường Cao su Chư K'Bô)	Tiếp giáp Quốc lộ 14	Đầu thửa đất số 17, tờ bản đồ số 103 (hết lộ Cao su Nông trường Chư K'Bô) thôn Quảng Hà	280			
9	Đường liên thôn buôn Ea Nho	Tiếp giáp Quốc lộ 14	Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 100	136	120	112	100
10	Đường song song Quốc lộ 14 (thôn Kty 1, đi thôn Nam Anh)	Từ thửa đất số 35, tờ bản đồ số 13 thôn Kty 2	Hết ranh giới thửa đất số 217, tờ bản đồ số 67 thôn Nam Anh.	128	112	100	
11	Đường giao thông liên thôn An Bình (Đoạn từ Cầu đến Trụ sở Nông trường Cao su) - xã Krông Búk	Đầu ranh giới thửa đất số 26, tờ bản đồ số 91	Hết ranh giới đất trụ sở Nông trường Cao su Chư K'Bô	300	180	140	112
		Đầu ranh giới thửa đất số 01, tờ bản đồ số 103 đầu thôn Quảng Hà	Đầu cầu Hồ nước An Bình	300	180	140	112
12	Đường giao thông liên thôn Hòa Lộc (đường tiếp giáp trụ sở Nông trường Cao su Chư K'bô) - xã Krông Búk	Ngã ba (hết ranh giới thửa đất số 143, tờ bản đồ số 92)	Hết ranh giới thửa đất số 1, tờ bản đồ số 85	240	160	128	112
13	Đường giao thông liên thôn (Quảng Hà - An Bình)	Đầu ranh giới thửa đất số 17, tờ bản đồ số 103	Hết ranh giới thửa đất số 74, tờ bản đồ số 96	200	144	120	100
		Hết ranh giới thửa đất số 74, tờ bản đồ số 96	Đầu thửa đất số 174, tờ bản đồ số 92 (sân bóng)	240	160	120	100
		Hết ranh giới thửa đất số 17, tờ bản đồ số 103 thôn Quảng Hà	Đến hết ranh giới thửa đất số 88, tờ bản đồ số 91	220	136	112	100
		Hết ranh giới thửa đất số 75, tờ bản đồ số 96	Ngã ba (thửa đất số 88, tờ bản đồ số 91)	240	160	112	100
14	Đường giao thông thôn Thống Nhất	Đầu cầu Nông trường Cao su	Hết ranh giới thửa đất số 26, tờ bản đồ số 97	200	152	120	100
15	Đường giao thông liên thôn (Nam Tân) đi thôn Trung Lộc	Từ tiếp giáp Quốc lộ 14 (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 66)	Đến hết ranh giới thửa đất số 15, tờ bản đồ số 02	184	128	112	100
		Hết ranh giới thửa đất số 15, tờ bản đồ số 02	Hết ranh giới thửa đất số 08, tờ bản đồ số 43	144	112	100	88
16	Đường đi vào buôn Drah 1 và buôn Drah 2	Giáp Quốc lộ 14 (đoạn Km 62)	Hết cầu buôn Drah (buôn Kmu)	160	120		
		Hết cầu buôn Drah (buôn Kmu)	Giáp ranh giới xã Ea Tòh	140	120	112	100
		Từ thửa đất số 44, tờ bản đồ số 225	Đến hết ranh giới thửa đất số 97, tờ bản đồ số 226	120	112	100	88
17	Đường đi Đập buôn Džia 1	Từ giáp Quốc lộ 14 (đoạn Km 62.5)	Hết đập buôn Džia 1	140	120	112	100
18	Điểm dân cư Buôn Džia 1 và Džia 2			96			
19	Đường vào thôn Ea Ngươi	Từ giáp Quốc lộ 14 (đoạn Km 68)	Hết ranh giới thửa đất số 3, tờ bản đồ số 263	240	192	128	112
		Hết ranh giới thửa đất số 3, tờ bản đồ số 263	Đến hết ranh giới thửa đất số 34, tờ bản đồ số 263	180	160	120	100
		Từ thửa đất số 96, tờ bản đồ số 261	Đến Hết ranh giới thửa đất số 7, tờ bản đồ số 192	120	112	100	88
20	Đường vào Thôn Ea Plai	Từ thửa đất số 85, tờ bản đồ số 256	Đến hết ranh giới thửa đất số 14, tờ bản đồ số 255	192	180	140	100

		Từ thửa đất số 107, tờ bản đồ số 256	Đến hết ranh giới thửa đất số 136, tờ bản đồ số 259	160	128	112	100
21	Đường thôn Ea Siêk đi Buôn Kô	Từ thửa đất số 3, tờ bản đồ số 271	Đến hết ranh giới thửa đất số 6, tờ bản đồ số 298	140	120	100	88
22	Đường vào xã Cư Pong	Từ giáp Quốc lộ 14 (đoạn Km 57)	Hết ranh giới thửa đất số 85, tờ bản đồ số 171	480	240	160	120
		Hết ranh giới thửa đất số 85, tờ bản đồ số 171	Giáp ranh giới xã Cư Pong	220	160	140	100
		Từ thửa đất số 105, tờ bản đồ số 332	Đến hết ranh giới thửa đất số 13, tờ bản đồ số 332	160	140	120	88
23	Đường đi vào buôn Ea Kroa	Đầu thửa đất số 116, tờ bản đồ số 221 (tiếp giáp khu tái định cư số 3)	Hết nhà văn hóa cộng đồng buôn Ea Kroa	180	120		
		Hết nhà văn hóa cộng đồng buôn Ea Kroa	Hết ranh giới thửa đất số 13, tờ bản đồ số 244	120	100	88	
24	Đoạn Km 65 đi vào xã Cư Pong	Tiếp giáp Quốc lộ 14	Cây xăng (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 264)	180	120		
		Cây xăng (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 264)	Đi xã Cư Pong	120	112		
25	Đường vào Buôn Đrao	Từ Quốc lộ 14 (từ Km 63.5)	Hết ranh giới hành lang lưới điện 500 kV	136	120	112	100
		Hết ranh giới hành lang lưới điện 500 kV	Hết ranh giới thửa đất số 57, tờ bản đồ số 282	120	112	100	88
26	Đường Buôn Kdrô 1	Tiếp giáp Quốc lộ 14	Đến hồ Ea Kroa	120	100	92	88
		Từ thửa đất số 34, tờ bản đồ số 310	Đến hết ranh giới thửa đất số 86, tờ bản đồ số 326	112	100	92	88
27	Đường Buôn Kdrô 2	Ngã ba công chào trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Hết thửa đất số 151, tờ bản đồ số 316	128	120	112	100
28	Đường vào trường dân tộc nội trú	Từ Quốc lộ 14	Hết ranh giới trường THPT Nguyễn Văn Cừ	160	120	112	100
		Hết ranh giới trường THPT Nguyễn Văn Cừ	Hết ranh giới thửa đất số 08, tờ bản đồ số 243	120	112	100	88
29	Đường Quốc lộ 14 cũ (đường vào cơ quan Quân sự Krông Búk cũ)	Từ tiếp giáp đường vào Cư Pong (Km 57)	Đến hết ranh giới thửa đất số 4, tờ bản đồ số 47 thôn Kty 5	240	180	120	100
30	Đường Quốc lộ 14 cũ (đã bàn giao cho địa phương quản lý)	Đầu ranh giới thửa đất số 20, tờ bản đồ số 267	Hết ranh giới thửa đất số 94, tờ bản đồ số 265	180	120		
31	Điểm dân cư Buôn Mùi			140			
32	Khu tái định cư thôn 6	Tiếp giáp đường Quốc lộ 14 (cũ)		1.325			
		Đường số N03		1.325			
		Đường số N02		1.124			
		Đường số N02 đến tiếp giáp N04		1.124			
		Đường số N04		1.124			
33	Khu tái định cư số 3	Đường N1		1.040			
		Đường N2		1.000			
		Đường N3		960			
		Đường N4		920			
		Đường N5		880			

		Đường N6		880			
		Đường Đ1		800			
		Đường Đ2		800			
		Đường Đ3		800			
34	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200 m đến hết vị trí thửa đất (không tính hệ số khoảng cách). Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau:			80			
A36	XÃ CƯ PONG						
1	Quốc lộ 29	Giáp ranh giới xã Pong Drang	Hết ngã ba buôn Cư Yuốt	480	336	136	112
		Hết ngã ba buôn Cư Yuốt	Hết ranh giới xã Cư Pong (giáp xã Ea Kiết)	280	160	120	
2	Đường liên xã (Quốc lộ 14 cũ đến trung tâm xã)	Ngã ba Quốc lộ 14 cũ	Hết ranh giới thửa đất số 24, tờ bản đồ số 16	560	392	156	
		Hết ranh giới thửa đất số 24, tờ bản đồ số 16	Hết ranh giới trường tiểu học La Văn Cầu	280	196	100	92
		Hết ranh giới trường tiểu học La Văn Cầu	Hết cầu suối Ea Súp	240	144	88	
		Hết cầu suối Ea Súp	Đầu ranh giới nhà văn hóa cộng đồng buôn Dray Huê	320	256	180	120
3	Đường liên xã Cư Pong - xã Pong Drang	Ngã ba Quốc lộ 29	Ngã ba thửa đất số 46, tờ bản đồ số 56	280	200	120	96
		Ngã ba hết ranh giới thửa đất số 46, tờ bản đồ số 56	Hết ranh giới trường tiểu học Phạm Hồng Thái	600	240	112	96
4	Đường liên xã Cư Pong - xã Krông Búk	Ngã ba thửa đất số 60, tờ bản đồ số 219	Hết ranh giới xã Cư Pong (giáp xã Krông Búk)	180	128	112	
5	Đường liên thôn	Ngã ba thửa đất số 121, tờ bản đồ số 109	Ngã ba chợ xã Cư Pong	400	280	160	
		Đầu thửa đất số 81, tờ bản đồ số 110	Hết ranh giới thửa đất số 200, tờ bản đồ số 108	400	280	140	
		Hết ranh giới Trường tiểu học Phạm Hồng Thái	Ngã tư thửa đất số 11, tờ bản đồ số 42	560	224	120	104
		Ngã tư thửa đất số 11, tờ bản đồ số 42	Cầu Ea Sin	140	120	104	
		Đầu ranh giới thửa đất số 13, tờ bản đồ số 95	Ngã ba đến hết ranh giới thửa đất số 103, tờ bản đồ số 12	140	128	112	
		Ngã ba đến hết ranh giới thửa đất số 103, tờ bản đồ số 12	Hết ngã ba công chào thôn Ea My	128	112	104	
		Hết ngã ba công chào thôn Ea My	Ngã ba đến hết ranh giới thửa đất số 60, tờ bản đồ số 219	112	104	100	92
		Ngã ba đến hết ranh giới thửa đất số 60, tờ bản đồ số 219	Cầu Ea Sin	104	100	96	88
6	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200 m đến hết vị trí thửa đất (không tính hệ số khoảng cách). Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau:			72			
A37	XÃ EA KHẮL						
1	Quốc lộ 14	Giáp địa giới xã Ea Drăng (Hai bên đường)	Hết ranh giới thửa đất vườn nhà ông Sáu (thửa 41; TĐĐ số 336) phía Tây đường và hết ranh giới thửa đất Nhà ông Tám, phía Đông đường	676	388	264	144

		Hết ranh giới thửa đất vườn nhà ông Sáu (thửa 41; TBD số 336) phía Tây đường và hết ranh giới thửa đất Nhà ông Tám, phía Đông đường	Giáp địa giới xã Ea Nam (Hai bên đường)	628	360	244	132
2	Đường liên xã	Giáp địa giới xã Ea Drăng (Thửa 2; TBD số 318)	Hết thửa đất nhà ở của bà Thương (Thửa 21; TBD số 323)	776	440	304	164
		Hết thửa đất nhà ở của bà Thương (Thửa 14; TBD số 322)	Cầu Buôn Đung (Thửa 20; TBD số 321)	460	264	180	96
		Cầu Buôn Đung (Thửa 31; TBD số 314)	Giáp ngã ba (Thửa đất hộ bà Mão) - thửa 68; TBD số 313)	352	200	136	76
		Ngã ba (Thửa đất hộ bà Mão) - Thửa 9; TBD số 195)	Cầu Lò Gạch (gần nhà ông Dũng) - Thửa 11; TBD số 186	140	80		
		Cầu Lò Gạch (gần nhà ông Dũng) - thửa 94; TBD số 186	Giáp ngã ba Rừng Nứa (Thửa 60; TBD số 193)	88	52		
		Ngã ba Rừng Nứa (Thửa 79; TBD số 193)	Ngã ba Cây Hương (Thửa 4; TBD số 192)	88	52		
		Ngã ba (Vườn nhà bà Mão) - thửa 13; TBD số 195	Giáp sân bóng buôn Đung (Thửa 7; TBD số 204)	184	104	72	
		Sân bóng buôn Đung (Thửa 9; TBD số 204)	Hết ranh giới nhà ông Trần Văn Diệu (Thửa 13; TBD số 214)	340	192	132	72
		Hết ranh giới nhà ông Trần Văn Diệu (Thửa 18; TBD số 214)	Giáp ngã ba cây khế thôn 8 (Thửa 59; TBD số 227)	268	152	104	
		Ngã ba cây khế thôn 8 (Thửa 85; TBD số 227)	Giáp địa giới xã Ea Nam (Thửa 51; TBD số 226)	192	112	76	
		Ngã ba cây khế thôn 8 (Thửa 105; TBD số 226)	Đầu Ranh giới thửa đất hộ ông Đình thôn phó (Thửa 83; TBD số 225)	220	124	88	
		Đầu Ranh giới thửa đất hộ ông Đình thôn phó (Thửa 82; TBD số 225)	Giáp xã Cư Mốt (Thửa 35; TBD số 209)	140	80		
		Ranh giới thửa đất hộ ông Mạnh (Đường vào buôn) - Thửa 11; TBD số 320)	Sân bóng buôn Đung (thửa 17; TBD số 326)	244	140	96	
		Hội trường thôn 9 (thửa 54; TBD số 256)	Hội trường thôn 12 (thửa 50; TBD số 266)	140	80		
		Hội trường thôn 12 (thửa 64; TBD số 266)	Ranh giới thửa đất cây xăng Lợi Thảo (thửa 101; TBD số 278)	220	124	88	
		Đường liên xã về mỗi phía còn lại		176	100	68	
3	Khu vực Cư K'tây	Ngã ba Cư K'tây (Đi 03 xã Ea Tір, Ea Wy, Ea Khāl - Thửa 8; TBD số 345)	Hướng Ea Khāl đến hết ranh giới thửa đất cây xăng Lợi Thảo (Thửa 91; TBD số 278	420	240	164	88
		Ngã ba Cư K'tây (Đi 03 xã Ea Tір, Ea Wy, Ea Khāl) - Thửa 6; TBD số 345)	Giáp đường vào mỏ đá (Hướng Ea Wy) - thửa 27; TBD số 344	420	240	164	88
		Giáp đường vào mỏ đá (Thửa 34; TBD số 127)	Giáp địa giới hành chính xã Ea Wy (Thửa 11; TBD số 74)	176	100	68	
		Ngã ba Cư K'tây (Đi 03 xã Ea Tір, Ea Wy, Ea Khāl) - thửa 28; TBD số 345	Hướng Ea Tір giáp cầu Cây Sung (Thửa 11; TBD số 345)	420	240	164	88
4	Đường liên thôn	Cổng chào thôn 3 (Thửa 2; TBD số 329)	Hết ranh giới thửa đất hộ ông Trưc (Thửa 63; TBD số 331)	264	152	104	
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Đặng Sỹ Lương (thửa 4 TBD 329)	Hết ranh giới thửa đất ông Trương Huy Trương (thửa 12 TBD 206)	192			
		Hết ranh giới thửa đất hộ ông Trưc (Thửa 5; TBD số 333)	Hết ranh giới thửa đất hộ ông Đặng Văn Thê (Thửa 90; TBD số 217)	140	80		

		Ngã ba nhà ông Trục (Thửa 9; TBD số 333)	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Lại (Thửa 52; TBD số 216)	112	64		
		Ngã ba quán ông Dương Thụ (Thửa 8; TBD số 330)	Ngã ba thửa đất hộ ông Trục (Thửa 65; TBD số 331)	220	124	88	
		Cầu ông Quốc (Thửa 16; TBD số 197)	Ngã tư thửa đất hộ ông Trương Văn Lại (Thửa 67; TBD số 216)	112	64		
		Ngã ba trạm biển áp thôn 7 (Thửa 19; TBD số 262)	Cống thoát nước giữa thôn 7, thôn 14 (Thửa 4; TBD số 271)	140	80		
		Cống thoát nước giữa thôn 7, thôn 14 (Thửa 60; TBD số 260)	Hội trường thôn 14 (199; TBD số 246)	112	64		
5	Đường khu dân cư thôn 1, thôn 2, thôn 10	Đầu ranh giới nhà ông Hồ Trọng Nhân (Thửa 127; TBD số 317)	Đầu ranh giới nhà ông Châu Văn Trung (Thửa 12; TBD số 316)	112	64		
		Ngã ba thửa đất ông Lê Quang Thêu (thôn 1) - thửa 51 TBD số 317	Ngã ba thửa đất ông Phạm Bá Được (thôn 2) - thửa 60; TBD số 323	300	172	116	64
		Cống chào thôn 1 (Đình Tiến Đông - thửa 14; TBD số 317)	Đập thủy lợi thôn 1 (Nguyễn Bá Ngọc - thửa 65; TBD số 317)	300	172	116	64
		Đập thủy lợi thôn 1 (Thửa 64; TBD số 317)	Giáp địa giới hành chính TT. Ea Drăng (Thửa 11; TBD số 318)	244	140	96	
		Ngã ba thửa đất nhà ông Đinh Minh Phú (Thửa 24; TBD số 317)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Hữu Thanh (Thửa 97; TBD số 317)	244	140	96	
		Ngã ba thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Mão (Thửa 39; TBD số 317)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Cường (Thửa 32; TBD số 324)	244	140	96	
		Cống chào thôn 10 (Thửa 1; TBD số 316)	Hết ranh giới thửa đất nhà bà Trần Thị Thanh Mai (Thửa 45; TBD số 324)	288	164	112	60
		Ngã ba từ thửa đất nhà ông Lê Văn Hiền (Thửa 9; TBD số 316)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hoàng Công Hoàng (Thửa 66; TBD số 323)	220	124	88	
		Ngã ba từ thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Cảnh (Thửa 15; TBD số 316)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Lịch (Thửa 73; TBD số 323)	220	124	88	
		Ngã ba từ thửa đất nhà ông Lê Hữu Tích (Thửa 48; TBD số 316)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Tấn (Thửa 52; TBD số 323)	244	140	96	
		Ngã ba từ thửa đất nhà ông Lê Quang Vinh (Thửa 21; TBD số 323)	Ngã ba thửa đất ông Phạm Bá Được (thôn 2) - thửa 60; TBD số 323	320	184	124	68
		Ngã ba từ thửa đất nhà ông Vũ Văn Thức (Thửa 16; TBD số 322)	Hết ranh giới thửa đất nhà bà Nguyễn Thị Lan (Thửa 39; TBD số 322)	308	176	120	64
		Ngã tư thửa đất nhà ông Thái Đức Long (Thửa 6; TBD số 324)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Tuấn (Thửa 64; TBD số 323)	220	124	88	
		Đầu ranh giới thửa đất ông Trần Huyền Vân (Thửa 70; TBD số 323)	Hết ranh giới thửa đất ông Võ Văn Tư (Thửa 8; TBD số 324)	264	152	104	
		Đầu ranh giới thửa đất bà Hồ Thị Tuyết Mai (Thửa 18; TBD số 318)	Ngã ba thửa đất ông Hồ Văn Bình (Thửa 22; TBD số 325)	308	176	120	64
		Cuối ranh giới thửa đất ông Trần Đình Thắng (Thửa 11; TBD số 325)	Giáp địa giới hành chính thị trấn Ea Drăng (Thửa 221; TBD số 318)	308	176	120	64
		Cuối ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn Doanh (Thửa 33; TBD số 325)	Giáp địa giới hành chính thị trấn Ea Drăng (Thửa 17; TBD số 325)	308	176	120	64

6	Đường vào Nghĩa địa thị trấn	Đầu đường (Quốc lộ 14) - Thửa 2; TBD số 336	Nghĩa địa thị trấn (Thửa 11; TBD số 231)	264	152	104	
		Nghĩa địa thị trấn (Thửa 15; TBD số 231)	Hết đường (Thửa 17; TBD số 231)	220	124	88	
7	Đường vào Thủy điện thị trấn	Đầu đường (Quốc lộ 14) - Thửa 16; TBD số 335	Hết thửa đất Nguyễn Thị Giới (Thửa 3; TBD số 335)	156	88	60	
		Hết thửa đất Nguyễn Thị Giới (Thửa 4; TBD số 335)	Hết đường (Thửa 1; TBD số 220)	132	76		
8	Đường đi bãi rác thị trấn	Giáp địa giới hành chính TT Ea Drăng	Bãi rác	220	124	88	
9	Đường song song Quốc lộ 14 (Khu đất phân lô Thôn 4)			276	160	108	60
10	Đường liên xã	Cầu Cây Sung (Thửa 10; TBD số 12)	Cầu Cây Đa (Thửa 58; TBD số 283)	104	60		
11	Đường liên thôn	Hết ranh giới thửa đất hộ Cung Phụng (Thửa 4; TBD số 277)	Ranh giới thửa đất hộ ông Mão thôn 2 (Thửa 22; TBD số 295)	80	44		
12	Đường liên xã	Cầu Cây Đa (Thửa 59; TBD số 283)	Hộ Nhà Ông Lực (X=458050.43; Y=1449835.71)	104	60		
13	Đường liên xã	Ngã Ba ông Lực (X=458039.42; Y=1449741.55)	Ngã Tư Trung tâm xã (X=455893.61, Y=1449603.00)	104	60		
14	Đường liên thôn	Ngã Tư Trung tâm xã (X=455796.66; Y=1449569.19)	Trạm 18 (X=454207.75; Y=1448804.64)	104	60		
15	Đường liên xã	Ngã Ba nhà ông Cẩm (Thửa 95; TBD số 283)	Cổng Chảo thôn 4 (X=455894.27; Y=1449935.34)	104	60		
16	Đường liên xã	Cổng Chảo thôn 4 (X=455894.27; Y=1449935.34)	Cầu suối Ea Rók (Thửa 1; TBD số 286)	168	96	64	
17	Đường liên xã	Cầu suối Ea Rók (Thửa 1; TBD số 286)	Ngã ba trường tiểu học Ea Tір (Thửa 41; TBD số 29)	132	76		
18	Đường liên xã	Ngã ba nhà ông Lực (X=458100.77; Y=1449745.77)	Ngã ba dự án (X=459501.02; Y=1449458.74), đường về Ea Nam	104	60		
19	Đường Liên Huyện Ea H'leo - Cư M'Gar	Ngã ba dự án (X=459481.28; Y=1449372.93)	Hết buôn Tiêu A (Thửa 11; TBD số 294)	80			
		Hết buôn Tiêu A (Thửa 11; TBD số 294)	Ngã ba Bình Sơn (Thửa 50; TBD số 301)	104	60		
		Ngã ba Bình Sơn (Thửa 51; TBD số 301)	Cầu suối Ea Súp (X=453899.62; Y=1444044.95)	80			
20	Đường liên thôn	Ngã ba Bình Sơn (Thửa 50; TBD số 301)	Hết ranh giới nhà ông Ninh A Sắt (Thửa 1; TBD số 300)	68			
21	Quốc lộ 14	Từ Trụ sở UBND xã Ea Khăl (Hướng đi Thị trấn Ea Drăng)	Hết ranh giới thửa đất cây xăng Hải Hà (Cây xăng ông Minh cũ)	2.200	1.256	860	464
		Hết ranh giới thửa đất cây xăng Hải Hà (Cây xăng ông Minh cũ)	Giáp địa giới xã Ea Khăl	660	376	256	140
		Từ Trụ sở UBND xã Ea Nam cũ (Hướng đi Buôn Ma Thuột)	Nút giao với đường tránh Trung tâm xã Ea Drăng	660	376	256	140
		Nút giao với đường tránh Trung tâm xã Ea Drăng	Giáp địa giới xã Cư Né	440	252	172	92
22	Đường hai bên hông chợ Ea Nam (Đường phía Đông chợ)	Đầu đường (nhà ông Lê Đình Thắm - thửa 38; TBD số 119)	Hết ranh giới thửa đất ở nhà bà Đinh Thị Tuyết (Thửa 103; TBD số 119)	1.268	724	496	268
		Hết ranh giới thửa đất ở nhà bà Đinh Thị Tuyết (Thửa 103; TBD số 119)	Hết Ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Long Bằng (Thửa 152; TBD số 119)	1.056	604	412	220

23	Đường hai bên hông chợ Ea Nam (Đường phía Tây chợ)	Đầu đường nhà ông Đỗ Thị Tam (Thửa 39; TBD số 119)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Văn Thái (Thửa 96; TBD số 119)	1.268	724	496	268
		Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Văn Thái (Thửa 96; TBD số 119)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Tri Mung (Thửa 111; TBD số 119)	1.056	604	412	220
24	Đường phía sau chợ Ea Nam	Đầu đường (Đất nhà ông Lương Thiên Tâm - thửa 158; TBD số 119)	Giáp đường vào buôn Riềng (Đất nhà ông Nguyễn Văn Sơn - thửa 66; TBD số 119)	1.028	588	400	216
25	Đường đi thôn 2	Quốc lộ 14 (Thửa 159; TBD số 119)	Đường đi Buôn Briềng (Hết thửa 37; TBD số 56)	220	124	88	
26	Đường phía sau Trụ sở UBND xã	Đầu đường giáp đường đi thôn 2	Đường đi thôn 2a	176	100	68	
27	Đường đi thôn 3	Ngã ba Quốc lộ 14 đi thôn 3 (Hội trường thôn 3 - thửa 42; TBD số 125)	Ngã tư đường rẽ vào trường Lê Duẩn (Hết thửa 33; TBD số 116)	208	120	80	
		Ngã tư đường rẽ vào trường Lê Duẩn (Hết thửa 33; TBD số 116)	Ngã tư đường Tránh Trung tâm thị trấn Ea Drăng (Thửa 35; TBD số 115)	160	92	64	
		Ngã tư đường Tránh Trung tâm thị trấn Ea Drăng (Hết Thửa 35; TBD số 115)	Đập tràn	124	72		
28	Đường đi buôn B'riềng	Ngã ba Quốc lộ 14 (Thửa 31; TBD số 119)	Hết ranh giới nhà Lê Ngọc Thủy (Thửa 129; TBD số 120)	580	332	228	124
		Hết ranh giới nhà Lê Ngọc Thủy (Thửa 129; TBD số 120)	Ngã ba đường vào Hội trường Buôn Riềng A (Thửa 4; TBD số 112)	264	152	104	
		Ngã ba đường vào Hội trường Buôn Riềng A (Thửa 4; TBD số 112)	Hết ranh giới Hội trường thôn 5 (Thửa 20; TBD số 108)	368	212	144	76
		Hết ranh giới Hội trường thôn 5 (Thửa 20; TBD số 108)	Ngã ba Ea Wa (Thửa 43; TBD số 11)	172	100	68	
29	Đường đi thôn Ea Sir	Quốc lộ 14 (Thửa 35; TBD số 57)	Hết ranh giới Hội trường thôn Ea Sir B (Thửa 84; TBD số 104)	156	88	60	
		Hết ranh giới Hội trường thôn Ea Sir B (Thửa 84; TBD số 104)	Hết đường (Nhà ông Hồ Văn Sinh - Thửa 23; TBD số 32)	152	88	60	
30	Đường đi thôn 7	Ngã ba Ea Wa (Thửa 43; TBD số 11)	Giáp thôn 9 xã Ea Khăl (Thửa 7; TBD số 15)	156	88	60	
		Ngã ba Ea Wa (Hướng buôn Đung) - Thửa 45; TBD số 11	Giáp ngã ba cây khế xã Ea Khăl	144	84		
	Đường song song với Quốc lộ 14	Thửa đất nhà ông Nguyễn Lệnh Ninh - Thửa 8; TBD số 117 (Đường vào Buôn Druh)	Thửa đất nhà ông Phan Văn Năm - Thửa 26; TBD số 125	244	140	96	
32	Đường Liên huyện Ea H'leo - Cư M'gar	Ngã ba Đường liên xã đi Ea Khăl (Ngã ba nông trường) - Thửa 7; TBD số 109	Hết địa giới hành chính xã Ea Nam (Thửa 9; TBD số 86)	88			
	Đường vào buôn Druh	Ngã ba Quốc lộ 14 (Thửa 9; TBD số 117)	Hết đường (Giáp nghĩa địa cũ) - Thửa 55; TBD số 114	124	72		
33	Đường song song với Quốc lộ 14 phía trước chợ Ea Nam	Đầu đường đối diện cây Xăng Hải Hà	Hết đường	192	112	76	
34	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200 m đến hết vị trí thửa đất (không tính hệ số khoảng cách). Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy theo mức giá như sau:			100			
A38	XÃ EA DRĂNG						
1	Ama Khê	Điện Biên Phủ	Trường Chinh	440	220	156	88
		Trường Chinh	Nguyễn Chí Thanh	520	260	184	104
		Nguyễn Chí Thanh	Giải Phóng	480	240	168	96

2	Điện Biên Phú (Tỉnh lộ 15)	Giải Phóng	Trần Phú (ngã tư ngân hàng)	2.640	1.320	924	528
		Trần Phú (ngã tư ngân hàng)	Nguyễn Trãi	3.680	1.840	1.288	736
		Bệnh viện Đa khoa Ea H'leo	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Yên (thửa số 24, tờ bản đồ số 42)	2.120	1.060	744	424
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Yên (thửa số 24, tờ bản đồ số 42)	Hết ranh giới đất nhà ông Đỗ Văn Minh (thửa số 80, tờ bản đồ số 42)	1.600	800	560	320
		Hết ranh giới đất nhà ông Đỗ Văn Minh (thửa số 80, tờ bản đồ số 42)	Giáp địa giới xã Dliê Yang	1.160	580	408	232
3	Đường xuống đập	Tỉnh lộ 15	Đập Ea Drăng	1.600	800	560	320
4	Đường vào xã Ea Khăl cũ	Nguyễn Văn Cừ	Giáp Nông trường cao su Ea Khăl	1.160	580	408	232
5	Đường chợ thị trấn (Phân khu A, B)	Giải Phóng	Trần Phú	4.760	2.380	1.668	952
6	Đường đi bãi rác	Giải Phóng	Hết đường	640	320	224	128
7	Đường vào Nghĩa địa (thị trấn Ea Drăng cũ)	Giải Phóng	Hết đường	280	140	100	
8	Đường vào Thủy điện Ea Drăng	Giải Phóng	Hết đường	200	100	72	
9	Đường vành đai hồ Sinh Thái	Giải Phóng (ngã ba nhà ông Lục)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Minh Lợi (thửa số 2, thửa số 7, tờ bản đồ số 23)	440	220	156	88
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Minh Lợi - thửa số 7, tờ bản đồ số 23 (phía Tây đường)	Hết ranh giới thửa đất nhà nghỉ Hoàng Long (phía Nam đường)	960	480	336	192
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Minh Lợi - thửa số 2, tờ bản đồ số 23 (phía Đông đường)	Hết ranh giới thửa đất nhà bà Doãn Thị Nga - thửa số 131, tờ bản đồ số 20 (phía Đông đường)	640	320	224	128
		Hết ranh giới thửa đất nhà bà Doãn Thị Nga - thửa số 131, tờ bản đồ số 20 (phía Đông đường)	Đến đường hẻm (phía Bắc đường), đối diện nhà nghỉ Hoàng Long	800	400	280	160
		Hết ranh giới thửa đất nhà nghỉ Hoàng Long (phía Nam đường) và đường hẻm (phía Bắc đường), đối diện nhà nghỉ Hoàng Long	Giải Phóng (ngã ba Trường TH Thuần Mẫn)	400	200	140	80
10	Đường đi Nhà máy nước sạch	Ngô Gia Tự (Ngã tư nhà ông Trần Văn Lễ) - thửa số 144, tờ bản đồ số 16	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Vũ Văn Thọ (thửa số 19, tờ bản đồ số 16)	400	200	140	80
11	Đường vành đai phía Tây	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Ngô Gia Tự	920	460	324	184
		Ngô Gia Tự	Đường đi bãi rác	560	280	196	112
		Nút giao đường đi bãi rác huyện (thửa đất nhà ông Bùi Văn Luận)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trương Tuấn Chính	440	220	156	88
12	Đường vành đai phía Đông	Lý Tự Trọng	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hoàng Ngọc Tuấn	400	200	140	80
13	Giải Phóng	Ngã ba đường vào nghĩa địa thị trấn	Ngã ba đường vào thủy điện	720	360	252	144
		Ngã ba đường vào thủy điện	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Năm (thửa số 25, tờ bản đồ số 26, phía Đông đường) và Trần Xuân Ba (thửa số 63, tờ bản đồ số 26, phía Tây đường)	720	360	252	144

		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Năm (thửa số 25, tờ bản đồ số 26, phía Đông đường) và Trần Xuân Ba (thửa số 63, tờ bản đồ số 26, phía Tây đường)	Ngã ba đường xuống hồ sinh thái (Ngã ba nhà ông Lục, phía Đông và đường hẻm đối diện Ngã ba, phía Tây đường)	1.160	580	408	232
		Ngã ba đường xuống hồ sinh thái (Ngã ba nhà ông Lục, phía Đông và đường hẻm đối diện Ngã ba, phía Tây đường)	Cầu Ea Khăl	1.440	720	504	288
		Cầu Ea Khăl	Nguyễn Văn Trỗi (phía Tây đường)	1.760	880	616	352
		Cầu Ea Khăl	Trần Quốc Toàn (phía Đông đường)	1.760	880	616	352
		Nguyễn Văn Trỗi (phía Tây đường)	Phan Chu Trinh (phía Tây đường)	2.520	1.260	884	504
		Trần Quốc Toàn (phía Đông đường)	Hết ranh giới thửa đất nhà bà Nguyễn Thị Thủy Đạt (thửa số 124, tờ bản đồ số 39, phía Đông đường)	2.520	1.260	884	504
		Hết ranh giới thửa đất nhà bà Nguyễn Thị Thủy Đạt (thửa số 124, tờ bản đồ số 39, phía Đông đường)	Lê Thị Hồng Gấm (phía Đông đường)	4.280	2.140	1.500	856
		Phan Chu Trinh (phía Tây đường)	Phạm Hồng Thái (phía Tây đường)	4.280	2.140	1.500	856
		Lê Thị Hồng Gấm (phía Đông đường)	Nguyễn Thị Minh Khai (phía Đông đường)	7.160	3.580	2.508	1.432
		Phạm Hồng Thái (phía Tây đường)	Hẻm Bình Tâm (phía Tây đường)	7.160	3.580	2.508	1.432
		Nguyễn Thị Minh Khai (phía Đông đường)	Lê Duẩn (phía Đông đường)	4.880	2.440	1.708	976
		Hẻm Bình Tâm (phía Tây đường)	Xô Viết Nghệ Tĩnh (phía Tây đường)	4.880	2.440	1.708	976
		Lê Duẩn (phía Đông đường)	Điện Biên Phủ (phía Đông đường)	4.120	2.060	1.444	824
		Xô Viết Nghệ Tĩnh (phía Tây đường)	Ngô Gia Tự (phía Tây đường)	4.120	2.060	1.444	824
		Điện Biên Phủ (phía Đông đường)	Hết ranh giới thửa đất nhà bà Phạm Thị Nhon (thửa số 45, tờ bản đồ số 31, phía Đông đường)	2.520	1.260	884	504
		Ngô Gia Tự (phía Tây đường)	Đường vào Nghĩa địa thị trấn (phía Tây đường)	2.520	1.260	884	504
		Đường vào Nghĩa địa thị trấn (phía Tây đường) và Hết ranh giới thửa đất nhà bà Phạm Thị Nhon (thửa số 45, tờ bản đồ số 31, phía Đông đường)	Ngã ba (Trạm Khí tượng thủy văn)	1.800	900	632	360
		Ngã ba (Trạm Khí tượng thủy văn)	Đường Ama Khê (phía Đông đường) và đường hẻm (phía Tây đường)	2.000	1.000	700	400
		Đường Ama Khê (phía Đông đường) và đường hẻm (phía Tây đường)	Giáp địa giới xã Ea Răl	1.800	900	632	360
14	Hoàng Hoa Thám	Thanh Tịnh	Hết đường (hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Đào)	160	80		
15	Lê Duẩn	Giải Phóng	Quang Trung	1.440	720	504	288
16	Lê Thị Hồng Gấm	Giải Phóng	Trần Phú	3.160	1.580	1.108	632
17	Lý Tự Trọng	Điện Biên Phủ (ngã tư ngân hàng)	Nơ Trang Long	1.960	980	688	392

		Nơ Trang Long	Nguyễn Chí Thanh	1.560	780	548	312
		Nguyễn Chí Thanh	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Phi Long (thửa số 1, tờ bản đồ số 32)	1.240	620	436	248
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Phi Long (thửa số 1, tờ bản đồ số 32)	Giải Phóng	1.160	580	408	232
18	Lý Thường Kiệt	Điện Biên Phủ	Quang Trung	2.440	1.220	856	488
19	Mạc Thị Bưởi	Giải Phóng	Nguyễn Chí Thanh	1.320	660	464	264
20	Ngô Gia Tự	Giải Phóng	Y Jút	1.320	660	464	264
		Y Jút	Đường hẻm (hết ranh giới thửa số 128 cũ phía Nam và thửa số 112 phía Bắc, tờ bản đồ số 16 mới)	960	480	336	192
		Đường hẻm (hết ranh giới thửa số 128 cũ phía Nam và thửa số 112 phía Bắc, tờ bản đồ số 16 mới)	Hết đường (giáp đường vành đai phía Tây)	800	400	280	160
21	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Thị Minh Khai	Nơ Trang Long	2.640	1.320	924	528
		Nơ Trang Long	Lý Tự Trọng	2.040	1.020	716	408
		Lý Tự Trọng	Ama Khê	1.160	580	408	232
22	Nguyễn Thị Minh Khai	Giải Phóng	Trần Phú	4.000	2.000	1.400	800
23	Nguyễn Trãi	Điện Biên Phủ	Hết đường	1.320	660	464	264
24	Nguyễn Văn Trỗi	Giải Phóng	Giáp địa giới xã Ea Khăl	920	460	324	184
25	Nguyễn Văn Cừ	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Phan Chu Trinh	1.480	740	520	296
		Phan Chu Trinh	Giáp địa giới xã Ea Khăl (đường dây 500KV)	1.000	500	352	200
26	Nơ Trang Long	Giải Phóng	Trường Chinh	2.120	1.060	744	424
27	Phạm Hồng Thái	Giải Phóng	Nguyễn Văn Cừ	520	260	184	104
28	Phan Chu Trinh	Giải Phóng	Nguyễn Văn Cừ	1.040	520	364	208
29	Quang Trung	Nơ Trang Long	Ngã ba đường Lê Duẩn và Quang Trung (thửa đất nhà ông Tuấn)	2.120	1.060	744	424
		Ngã ba đường Lê Duẩn và Quang Trung (thửa đất nhà ông Tuấn)	Trần Phú	1.840	920	644	368
		Trần Phú	Trần Quốc Toàn	1.040	520	364	208
30	Trần Phú	Điện Biên Phủ	Đường Chợ khu A - B (thửa đất nhà ông Đỗ Hồng Thái, thửa số 21, tờ bản đồ số 56)	4.480	2.240	1.568	896
		Đường Chợ khu A - B (thửa đất nhà ông Đỗ Hồng Thái, thửa số 21, tờ bản đồ số 56)	Lê Thị Hồng Gấm	3.400	1.700	1.192	680
		Lê Thị Hồng Gấm	Giải Phóng	1.320	660	464	264
31	Trần Quốc Toàn	Điện Biên Phủ	Hết thửa đất hộ ông Nguyễn Thành (thửa số 59, tờ bản đồ số 37 phía Bắc và hết ranh giới thửa đất 24, tờ bản đồ số 40)	2.120	1.060	744	424
		Hết thửa đất hộ ông Nguyễn Thành (thửa số 59, tờ bản đồ số 37 phía Bắc và hết ranh giới thửa đất 24, tờ bản đồ số 40)	Giải Phóng	2.360	1.180	828	472
32	Trường Chinh	Điện Biên Phủ	Nơ Trang Long	2.200	1.100	772	440

		Nơ Trang Lơng	Ama Khê	1.120	560	392	224
		Ama Khê	Hết đường	480	240	168	96
33	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Giải Phóng	Hết thửa đất Nhà máy mù Công ty cao su Ea H'leo	2.120	1.060	744	424
34	Y Jút	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Hết đường	1.160	580	408	232
35	Nguyễn Chánh	Đặng Thái Thân	Đến hết ranh giới nhà ông Nguyễn Kiêm (thửa số 32, tờ bản đồ số 34)	120			
36	Quốc lộ 14	UBND xã Ea Drăng (hướng cầu 110) và Hết ranh giới Trường TH Lê Văn Tám	Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Thành Công (thửa số 233, tờ bản đồ số 98) phía Đông đường và thửa số 230, tờ bản đồ số 98 phía Tây đường	728	408	284	168
		Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Thành Công (thửa số 233, tờ bản đồ số 98) phía Đông đường và thửa số 230, tờ bản đồ số 98 phía Tây đường	Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Duy Thanh (thửa số 76, tờ bản đồ số 95) phía Đông đường và thửa số 74, tờ bản đồ số 95 phía Tây đường	1.212	676	472	280
		Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Duy Thanh (thửa số 76, tờ bản đồ số 95) phía Đông đường và thửa số 74, tờ bản đồ số 95 phía Tây đường	Hết ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn Tinh (thửa số 93, tờ bản đồ số 94) phía Đông đường và Đường vào nghĩa địa thôn 3, phía Tây đường	676	380	264	156
		Hết ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn Tinh (thửa số 93, tờ bản đồ số 94) phía Đông đường và Đường vào nghĩa địa thôn 3, phía Tây đường	Hết Ranh giới thửa đất ở ông Trần Hữu Quyết (thửa số 14, tờ bản đồ số 93) phía Đông đường và thửa số 3, tờ bản đồ số 92 phía Tây đường	364	204	140	84
		Hết Ranh giới thửa đất ở ông Trần Hữu Quyết (thửa số 14, tờ bản đồ số 93) phía Đông đường và thửa số 3, tờ bản đồ số 92 phía Tây đường	Giáp ranh giới Xã Ea H'leo	340	188	132	80
		UBND xã Ea Drăng (hướng Buôn Ma Thuột và Hết ranh giới Trường TH Lê Văn Tám	Hết ranh giới nhà Đội NTCS Ea Răi phía Đông đường và đường vào khu bảo tồn thông nước phía Tây đường	776	432	304	180
		Hết ranh giới nhà Đội NTCS Ea Răi phía Đông đường và đường vào khu bảo tồn thông nước phía Tây đường	Hội trường thôn 5 phía Đông đường và Cổng chào thôn 5 phía Tây đường	676	380	264	156
		Hội trường thôn 5 phía Đông đường và Cổng chào thôn 5 phía Tây đường	Hết ranh giới thửa đất ở Nguyễn Đình Hướng (thửa số 168, tờ bản đồ số 129) phía Đông đường và đường ranh giới Cụm CN Ea Răi phía Tây đường	792	444	308	184
		Hết ranh giới thửa đất ở Nguyễn Đình Hướng (thửa số 168, tờ bản đồ số 129) phía Đông đường và đường ranh giới Cụm CN Ea Răi phía Tây đường	Giáp địa giới hành chính thị trấn Ea Drăng (hai bên đường)	1.212	676	472	280
37	Đường vào xã Cư Mốt - Ea Wy	Ngã ba Quốc lộ 14	Hết Ranh giới thửa đất ở hộ ông Nhân (Đối diện là thửa đất nhà ở ông Trần Lắm, thửa số 61, tờ bản đồ số 97)	316	176	124	72
		Hết Ranh giới thửa đất ở hộ ông Nhân (Đối diện là thửa đất nhà ở ông Trần Lắm, thửa số 61, tờ bản đồ số 97)	Giáp địa giới xã Cư Mốt	232	132	92	
38	Đường vào buôn Tùng Thăng	Ngã ba Quốc lộ 14	Nhà cộng đồng buôn Tùng Xê	156	88		
		Nhà cộng đồng buôn Tùng Xê	Cầu Đá Trần	72			
39	Đường vào Trường THPT Phan Chu Trinh	Quốc lộ 14	Cuối đường (Cổng trường Phan Chu Trinh)	704	396	276	164
40	Đường giao thông nông thôn (Đối diện Cụm công nghiệp)	Ngã ba nhà ông Nguyễn Trọng Lắm (thửa số 100, tờ bản đồ số 129)	Giáp địa giới hành chính Thị trấn	132	76		

41	Đường thôn 8 đi Núi Ngang	Ranh giới đất nhà ông Thân Danh Côi (thửa số 6, tờ bản đồ số 33)	Ranh giới thửa đất ở ông Trần Việt Tín Nghĩa (thửa số 4, tờ bản đồ số 93)	200	112	76	
		Ranh giới thửa đất ở ông Trần Việt Tín Nghĩa (thửa số 4, tờ bản đồ số 93)	Núi Ngang (đầu vườn cao su của công ty cao su Ea H'leo)	132	76		
42	Đường khu dân cư Thôn 1	Từ ranh giới thửa đất ở nhà ông Đoàn Quang Thanh (thửa số 81, tờ bản đồ số 114)	Ranh giới thửa đất ở hộ ông Võ Trường Đông (thửa số 38, tờ bản đồ số 106)	132	76		
		Ranh giới thửa đất ở ông Mai Hữu Khoa (thửa số 48, tờ bản đồ số 113)	Hết Ranh giới thửa đất ở Trần Vĩnh Ninh (thửa số 67, tờ bản đồ số 105)	124			
43	Đường khu dân cư Thôn 2	Ranh giới thửa đất ở ông Trần Văn Nhất (thửa số 76, tờ bản đồ số 105)	Hết Ranh giới thửa đất ở ông Huỳnh Văn Cảnh (thửa số 55, tờ bản đồ số 105)	132	76		
		Ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Luận (thửa số 38, tờ bản đồ số 104)	Hết Ranh giới thửa đất ở ông Phan Văn Hồng (thửa số 42, tờ bản đồ số 103)	132	76		
44	Đường khu dân cư Thôn 3	Ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Duy Thanh (thửa số 76, tờ bản đồ số 95)	Hết Ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Đình Địch (thửa số 22, tờ bản đồ số 44)	124			
		Ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Văn Tinh (thửa số 93, tờ bản đồ số 94)	Hết Ranh giới thửa đất ở ông Đỗ Đình Luận (thửa số 112, tờ bản đồ số 33)	124			
45	Đường khu dân cư Thôn 4	Ranh giới thửa đất ở ông Y Giáp Ksor (thửa số 95, tờ bản đồ số 129)	Hết Ranh giới thửa đất ở ông Phạm Mạnh Ân (thửa số 36, tờ bản đồ số 135)	212	120	84	
		Ranh giới thửa đất ở ông Cao Anh Vinh (thửa số 261, tờ bản đồ số 117)	Hết Ranh giới thửa đất ở ông Lê Quang Hưng (thửa số 109, tờ bản đồ số 124)	132	76		
		Ranh giới thửa đất ở ông Phan Văn Thuận	Hết ranh giới thửa đất ông Phan Văn Lộc	156	88		
46	Đường khu dân cư Thôn 5	Ranh giới thửa đất ở ông Trần Hữu Hồng (thửa số 131, tờ bản đồ số 129)	Hết Ranh giới thửa đất của ông Hoàng Xuân Miến (thửa số 23, tờ bản đồ số 129)	132	76		
		Cổng chào thôn 5	Hết ranh giới thửa đất ông Hoàng Văn Dân (thửa số 2, tờ bản đồ số 129)	132	76		
		Ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Thanh Tiến (thửa số 10, tờ bản đồ số 124)	Hết Ranh giới thửa đất ở ông Phan Trọng Đăng (thửa số 256, tờ bản đồ số 117)	80			
47	Đường khu dân cư Thôn 6; 6 A	Ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Văn Phương (thửa số 216, tờ bản đồ số 117)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Quang Tá (thửa số 1, tờ bản đồ số 110)	96			
		Ranh giới thửa đất ở ông Hoàng Đình Nhân (thửa số 21, tờ bản đồ số 117)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Lê Thế Dũng (thửa số 8, tờ bản đồ số 116), Giáp Ngã ba	96			
		Ranh giới thửa đất ở ông Trần Như Thủy (thửa số 161, tờ bản đồ số 116)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Phước (thửa số 3, tờ bản đồ số 108)	156	88		
48	Đường khu dân cư Thôn 7	Ranh giới thửa đất ở ông Đinh Văn Hiếu (thửa số 74, tờ bản đồ số 115)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Trần Vĩnh Hạnh (thửa số 13, tờ bản đồ số 115)	96			
		Cổng chào thôn 7	Hết ranh giới thửa đất ở bà Phạm Thị Mí (thửa số 20, tờ bản đồ số 107)	96			
49	Tỉnh lộ 14B	Ngã ba trường THCS Y Jút	Hết rẫy ông Lưu Chí Công (thửa số 36, tờ bản đồ số 46)	112			
		Hết rẫy ông Lưu Chí Công (thửa số 36, tờ bản đồ số 46)	Ranh giới hành chính thôn 5 (hết rẫy ông Võ Hồng Sơn, thửa số 41, tờ bản đồ số 57)	88			
		Từ đất ông Huỳnh Trần Chúng (thửa số 15, tờ bản đồ số 107)	Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Thìn (thửa số 33, tờ bản đồ số 109)	96			

50	Tỉnh lộ 15	Giáp địa giới thị trấn Ea Drăng (Hai bên đường)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Uy Huân (thửa số 10, tờ bản đồ số 146) phía Bắc đường và hết ranh giới thửa số 34, tờ bản đồ số 46 phía Nam đường	740	416	288	172
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Uy Huân (thửa số 10, tờ bản đồ số 146) phía Bắc đường và hết ranh giới thửa số 34, tờ bản đồ số 46 phía Nam đường	Nút giao với đường Tránh xã Ea Drăng	532	300	208	124
		Nút giao với đường Tránh Trung tâm xã Ea Drăng	Giáp Ngã ba đi thôn 1	184	104	72	
		Ngã ba đi thôn 1	Giáp Ngã tư (Hết thửa đất nhà ông Ksor Y Kít, thửa số 3, tờ bản đồ số 135)	272	152	108	
		Giáp Ngã tư (Hết thửa đất nhà ông Ksor Y Kít, thửa số 3, tờ bản đồ số 135)	Ngã ba Ea Sol - Ea Hiao (Hết vườn nhà ông Hoàng Thanh Lợi, thửa số 35, tờ bản đồ số 126)	332	184	128	76
		Ngã ba Ea Sol - Ea Hiao (Hết vườn nhà ông Hoàng Thanh Lợi, thửa số 35, tờ bản đồ số 126)	Giáp địa giới xã Ea Sol	272	152	108	
51	Đường giao thông đi xã Ea Hiao	Ngã ba (Ea Sol - Ea Hiao cũ) (Vườn nhà ông Hoàng Thanh Lợi, thửa số 35, tờ bản đồ số 126)	Ngã ba (Giáp thửa đất nhà ông Hoàng Văn Nghệ - thửa số 9, tờ bản đồ số 127)	184	104	72	
		Ngã ba (Giáp thửa đất nhà ông Hoàng Văn Nghệ - thửa số 9, tờ bản đồ số 127)	Giáp địa giới xã Ea Hiao	168	92		
52	Đường giao thông nông thôn	Ngã ba Tỉnh lộ 15 (Hướng buôn Sek)	Ngã ba (Hết thửa đất nhà ông Lê Ba - thửa số 26, tờ bản đồ số 139)	272	152	108	
		Ngã ba (Hết thửa đất nhà ông Lê Ba - thửa số 26, tờ bản đồ số 139)	Cầu buôn Sek	212	120	84	
		Cầu buôn Sek	Hết đất nhà ông Adrong Y Plô (thửa số 43, tờ bản đồ số 130)	184	104	72	
		Hết đất nhà ông Adrong Y Plô (thửa số 43, tờ bản đồ số 130)	Ngã tư tỉnh lộ 15 (thửa đất nhà ông Ksor Y Kít, thửa số 3, tờ bản đồ số 135)	124			
		Ngã ba tỉnh lộ 15 (thửa đất nhà ông Đặng Xuân Vinh, thửa số 62, tờ bản đồ số 147)	Ngã tư (Vườn nhà ông Tâm, thửa số 63, tờ bản đồ số 150)	156	88		
		Ngã ba nhà ông Trần Minh Tiến (thửa số 16, tờ bản đồ số 124)	Hết đất nhà ông Nguyễn Quang Tiến (thửa số 77, tờ bản đồ số 126)	156	88		
53	Đường nội bộ trong khu dân cư Trường Chinh			112			
A39	XÃ EA WY						
1	Đường liên xã Ea Drăng - Ea Rôk (Ea H'leo - Ea Súp cũ)	thửa đất Cây xăng ông Cộng (Đi về Cư Mốt) - thửa số 208, tờ bản đồ số 121	Giáp Ngã ba cây xoài (Đường vào nhà ông Sơn) - thửa số 222, tờ bản đồ số 123	1.720	688	516	344
		Ngã ba cây xoài (thửa số 207, tờ bản đồ số 123)	Ngã ba đường vào sân bóng Quang Trung (thửa số 152, tờ bản đồ số 124)	1.400	560	420	280
		Ngã ba đường vào sân bóng Quang Trung (thửa số 5, tờ bản đồ số 124)	Hết trường Tô Hiệu	1.000	400	300	200
		Hết trường Tô Hiệu	Ngã ba dốc đá	600	240	180	120
		Chợ Ea Wy (Trụ sở UBND xã Cư Mốt cũ) (Hướng 92)	Cầu Ri	480	192	144	96
		Cầu Ri	Giáp địa giới xã Ea Drăng (xã Ea Răl cũ)	220	96	72	

		Chợ Ea Wy (Trụ sở UBND xã Cư Mốt cũ) (Hướng 92)	Ngã ba xường cưa (thửa số 37, tờ bản đồ số 98)	720	224	168	112
		Ngã ba xường cưa (thửa số 41, tờ bản đồ số 98)	Ngã ba dốc đá	560	160	120	80
		Công an xã Ea Wy (Trụ sở UBND xã Cư A Mung cũ)	Ngã ba (thửa số 37, tờ bản đồ số 359)	480	192	144	96
		Ngã ba (thửa số 37, tờ bản đồ số 359)	Cầu Ea Wy	360	144	108	72
		Hết Trụ sở Công an xã Ea Wy (Trụ sở UBND xã Cư A Mung cũ)	Ranh giới thửa đất Trường TH Lê Đình Chính	400	160	120	80
		Đầu ranh giới đất Trường TH Lê Đình Chính	Hết buôn Tơ Roa (Hết địa giới xã)	260	104	78	
2	Đường liên xã	Ngã ba cây xoài (đường vào nhà ông Sơn) - thửa số 222, tờ bản đồ số 123	Hết ranh giới thửa đất hộ ông Hiếu (thửa số 163, tờ bản đồ số 129)	520	208	156	104
		Hết ranh giới thửa đất hộ ông Hiếu (thửa số 163, tờ bản đồ số 129)	Cầu Bằng Lăng	320	128	96	64
		Cầu Bằng Lăng	Hết thửa đất ông Trần Duy Thạch (thửa đất số 199, tờ bản đồ số 205)	280	112	84	
		Hết thửa đất ông Trần Duy Thạch (thửa đất số 199, tờ bản đồ số 205)	Địa giới hành chính xã Ea Khăl	120	48		
		Phân trường Ea Wy	Giáp địa giới xã Cư Mốt cũ	100			
		Giáp Phân trường Ea Wy	Ngã ba Tiến Hạ	200	80		
		Ngã ba Tiến Hạ	Ngã ba đường đến trung tâm xã	280	112	84	
		Ngã ba thửa đất hộ Toàn Tuyết (thửa số 4, tờ bản đồ số 49)	Hết xã Cư A Mung cũ đường đi thôn 2b, Ea Wy cũ	120			
		Ngã ba Tiến Hạ	Ngã ba đường liên xã Ea H'leo - Ea Súp	280	112	84	
		Từ Ngã ba đường liên xã đường đi xã Ea Tір	Ngã tư đường trung tâm xã	240	96	72	
		Ngã tư đường trung tâm xã	Đi vào lỗ ô	180	72		
3	Đường liên thôn	Ngã ba chợ Ea Wy (thửa số 238, tờ bản đồ số 121)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Huy Hướng (thửa số 122, tờ bản đồ số 121)	1.720	688	516	344
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Huy Hướng (thửa số 122, tờ bản đồ số 121)	Hết ranh giới đất Trường Trần Quốc Toàn (thửa số 367, tờ bản đồ số 114)	1.400	560	420	280
		Hết ranh giới đất Trường Trần Quốc Toàn (thửa số 367, tờ bản đồ số 114)	Cầu Sắt (thửa số 380, tờ bản đồ số 114)	1.000	400	300	200
		Cầu Sắt (thửa số 79, tờ bản đồ số 114)	Giáp Ngã ba Bảy Đạo (thửa số 187, tờ bản đồ số 107)	480	192	144	96
		Giáp Ngã ba Bảy Đạo (thửa số 187, tờ bản đồ số 107)	Đầu ranh giới đất kho lương thực cũ (thửa số 22, tờ bản đồ số 47)	360	144	108	72
4	Đường liên thôn	Từ thửa đất hộ ông Nguyễn Văn Mông (thửa số 12, tờ bản đồ số 51) về hướng Bắc	Hết đường	120			
		Ngã ba Tung Phương (Đi thôn 3 sinh Hà Dưng)	Hết đường	120			
		Từ phân hiệu Lê Đình Chính tại thôn 3	Hết ranh giới thửa đất nhà ở ông Ma Văn Cây (thửa số 160, tờ bản đồ số 27)	160	64		

		Từ điểm trường chính Lê Đình Chinh	Hết ranh giới thửa đất nhà ở ông Lương Văn Trọng (thửa số 61, tờ bản đồ số 14)	160	64		
		Ngã ba đường liên xã Ea H'leo - Ea Súp (nhà ông Nông Văn Phông thửa số 63, tờ bản đồ số 61)	Hết ranh giới đất trường mẫu giáo Tuổi Ngọc	160	64		
		Ngã ba đường liên xã Ea H'leo - Ea Súp (nhà ông Lương Văn Phô thửa số 24, tờ bản đồ số 61)	Cổng thôn 5 (đường vào sinh bò)	100			
5	Đường liên thôn	Ngã ba UBND xã	Giáp Ngã tư (thửa đất hộ ông Mai Xuân Thắng thửa số 14, tờ bản đồ số 94)	320	128	96	64
		Ngã ba nhà ông Lê Minh Lập (thửa số 16, tờ bản đồ số 95)	Cầu Cây Sung	160	64		
		Ngã ba cây sung	Giáp Ngã tư (thửa đất hộ ông Trần Trung Việt thửa số 55, tờ bản đồ số 109)	160	64		
		Ngã tư (thửa đất hộ ông Trần Trung Việt thửa số 55, tờ bản đồ số 109)	Giáp Ngã tư (hội trường thôn 6A)	160	64		
		Ngã tư (thửa đất hộ ông Mai Xuân Thắng thửa số 14, tờ bản đồ số 94)	Giáp Ngã tư (thửa đất hộ ông Phan Thành Thọ thửa số 104, tờ bản đồ số 94)	160	64		
		Ngã tư (thửa đất hộ ông Phan Thành Thọ thửa số 104, tờ bản đồ số 94)	Giáp Ngã tư Trạm Y tế xã	160	64		
		Giáp Ngã tư Trạm Y tế xã	Giáp Ngã ba (Hết thửa đất ở hộ ông Đào Văn Hào thửa số 12, tờ bản đồ số 99)	220	88	66	
6	Đường nội thôn	Đầu ranh giới đất kho lương thực cũ (thửa số 22, tờ bản đồ số 47)	Đường liên xã (thửa số 94, tờ bản đồ số 112)	200	80		
		Đầu thôn 7B (thửa số 50, tờ bản đồ số 124)	Đầu thôn 1A (thửa số 208, tờ bản đồ số 108)	320	128	96	64
		Từ nhà ông Đoàn Ngọc Sơn	Sân kho lương thực cũ	240	96	72	
		Từ thửa đất hộ ông Nguyễn Thanh Truyền	Ranh giới thửa đất hộ bà Phở (thôn 2B)	360	144	108	72
		Hết ranh giới thửa đất hộ bà Phở (thôn 2B)	Ngã ba thửa đất hộ ông Nguyễn Hoàng Tuấn Việt (thôn 2B)	160	64		
		Từ thửa đất hộ ông Vũ Tuấn Khanh (thửa số 182, tờ bản đồ số 121)	thửa đất hộ bà Mạc Thị Lâm (thôn 11)	640	256	192	128
		Từ thửa đất hộ ông Hà Văn Thật (thửa số 167, tờ bản đồ số 121)	thửa đất hộ ông Trần Văn Toàn (thôn 11) - thửa số 251, tờ bản đồ số 121	520	208	156	104
		Đầu thôn 2B	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Lê Văn Tín	120			
		Đầu ranh giới đất nhà ông Võ Văn Sâm (thửa số 280, tờ bản đồ số 107)	Nghĩa địa thôn 2A	220	88	66	
		Hết ranh giới sân kho lương thực cũ (thửa số 22, tờ bản đồ số 47)	Thủy điện Ea Drăng II	220	88	66	
		Đầu ranh giới thửa đất ông Lê Văn Mai (thửa số 83, tờ bản đồ số 104)	Ngã ba thủy điện Ea Drăng II (thửa số 1, tờ bản đồ số 105)	220	88	66	
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Bảy Thắng (thửa số 335, tờ bản đồ số 108)	Đầu ranh giới thửa đất ông Lê Văn Mai (thửa số 83, tờ bản đồ số 104)	260	104	78	
		Trường tiểu học Trần Quốc Toàn	Thôn 1B và thôn 8B	160	64		

		Hết ranh giới đất kho lương thực cũ (thửa số 22, tờ bản đồ số 47)	Khu vực Bình Sơn Thôn 1C (X=454119.46; Y=1463433.12)	180	72		
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Nông Văn Tứng thôn 5B (thửa số 322, tờ bản đồ số 129)	Hội trường thôn 5B (thửa số 271, tờ bản đồ số 129)	180	72		
7	Đường Ngã ba xường cưa đi sinh thông (Giáp đường liên xã Ea Wy-Cư Mốt- Ea Khăl cũ)	Ngã ba xường cưa (Nhà ông Nguyễn Văn Thông thửa số 41, tờ bản đồ số 98)	Giáp Ngã ba (Nhà ông Nguyễn Văn Minh thửa số 4, tờ bản đồ số 109)	320	128	96	64
		Ngã ba (Nhà ông Nguyễn Văn Minh thửa số 4, tờ bản đồ số 109)	Giáp Ngã ba (Nhà ông Lữ Đình Hoàng thửa số 19, tờ bản đồ số 118)	260	104	78	
		Ngã ba (Nhà ông Lữ Đình Hoàng thửa số 19, tờ bản đồ số 118)	Giáp Đường liên xã Ea Wy - Cư Mốt - Ea Khăl	240	96	72	
	Đường Ea Wy - Cư Mốt - Ea Khăl	Giáp xã Ea Khăl	Trường Bùi Thị Xuân	260	104	78	
		Trường Bùi Thị Xuân	Giáp địa giới xã Ea Wy	220	88	66	
	Đường Cư A Mung - Cư Mốt - Ea Khăl	Ranh giới xã Cư A Mung	Địa giới xã Ea Khăl	140			
8	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200 m đến hết vị trí thửa đất (không tính hệ số khoảng cách). Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy theo mức giá như sau:			100			
A40	XÃ EA H'LEO						
1	Quốc lộ 14	UBND Xã Ea H'leo, hướng đi Buôn Ma Thuột - thửa số 29, tờ bản đồ số 148 (phía Tây đường) và thửa số 28, tờ bản đồ số 148 (phía Đông đường)	Hết ranh giới thửa đất hộ ông Nay Y Ble - thửa số 17, tờ bản đồ số 159 (phía Tây đường) và thửa số 22, tờ bản đồ số 159 (phía Đông đường)	760	304	228	152
		Hết ranh giới thửa đất hộ ông Nay Y Ble - thửa số 17, tờ bản đồ số 159 (phía Tây đường) và thửa số 22, tờ bản đồ số 159 (phía Đông đường)	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Trinh, thửa số 30, tờ bản đồ số 175 (phía Đông đường) và thửa số 27, tờ bản đồ số 175 (phía Tây đường)	560	224	168	112
		Hết ranh giới đất vườn nhà ông Trinh, Chủ tịch UBND xã - thửa số 30, tờ bản đồ số 175 (phía Đông đường) và thửa số 27, tờ bản đồ số 175 (phía Tây đường)	Hết ranh giới đất Hội trường thôn 8 - thửa số 15, tờ bản đồ số 184 (phía Tây đường) và thửa số 19, tờ bản đồ số 184 (phía Đông đường)	720	288	216	144
		Hết ranh giới đất Hội trường thôn 8 - thửa số 15, tờ bản đồ số 184 (phía Tây đường) và thửa số 19, tờ bản đồ số 184 (phía Đông đường)	Giáp địa giới xã Ea Răl (Hai bên đường)	400	160	120	80
		UBND Xã Ea H'leo (hướng cầu 110) - thửa số 29, tờ bản đồ số 148 (phía Tây đường) và thửa số 28, tờ bản đồ số 148 (phía Đông đường)	Hết ranh giới thửa đất Trường THCS Chu Văn An và thửa số 34, tờ bản đồ số 141 (phía Đông đường)	1.240	496	372	248
		Hết ranh giới thửa đất Trường THCS Chu Văn An và thửa số 34, tờ bản đồ số 141 (phía Đông đường)	Giáp Ngã ba vào buôn Dang - thửa số 25, tờ bản đồ số 134 (phía Đông đường) và thửa số 28, tờ bản đồ số 134 (phía Tây đường)	1.560	624	468	312
		Giáp Ngã ba vào buôn Dang - thửa số 25, tờ bản đồ số 134 (phía Đông đường) và thửa số 28, tờ bản đồ số 134 (phía Tây đường)	Giáp Ngã ba - thửa số 65, tờ bản đồ số 127 (phía Tây đường) và thửa số 53, tờ bản đồ số 127 (phía Đông đường)	800	320	240	160
		Giáp Ngã ba - thửa số 65, tờ bản đồ số 127 (phía Tây đường) và thửa số 53, tờ bản đồ số 127 (phía Đông đường)	Hết ranh giới thửa đất 28, tờ bản đồ số 112 (phía Tây đường) và đường hẻm vào nhà bà Tục (phía Đông đường)	520	208	156	104

		Hết ranh giới thửa đất số 28, tờ bản đồ số 112 (phía Tây đường) và đường hẻm vào nhà bà Tục (phía Đông đường)	Hết ranh giới đất Xí nghiệp gỗ Thanh Nguyên - thửa số 17, tờ bản đồ số 3 (phía Đông đường) và thửa số 127, tờ bản đồ số 2 (phía Tây đường)	360	144	108	72
		Hết ranh giới đất Xí nghiệp gỗ Thanh Nguyên - thửa số 17, tờ bản đồ số 3 (phía Đông đường) và thửa số 127, tờ bản đồ số 2 (phía Tây đường)	Cầu 110 (Hai bên đường)	400	160	120	80
2	Đường trong khu dân cư thôn 2 A	Quốc lộ 14 Nhà ở ông Trà Văn Hiệp (thửa số 54, tờ bản đồ số 127)	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Hòa (thửa số 90, tờ bản đồ số 23)	120			
3	Đường trong khu dân cư thôn 2 B	Trường Chu Văn An (thửa số 58, tờ bản đồ số 141)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Trần Văn Chí (thửa số 252, tờ bản đồ số 140)	120			
		Quốc lộ 14 Nhà ở ông Nguyễn Toàn (thửa số 54, tờ bản đồ số 135)	thửa đất ông Phan Hữu Bi (thửa số 43, tờ bản đồ số 135)	120			
		thửa đất nhà ở ông Đoàn (thửa số 25, tờ bản đồ số 134)	Hết ranh giới thửa đất ông Trịnh Bốn (thửa số 7, tờ bản đồ số 132)	120			
4	Đường trong khu dân cư thôn 2 C (Đường Pháp)	Ngã ba Buôn Dang (Nhà ông Cảnh - thửa số 60, tờ bản đồ số 129)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Phan Văn Chúng (thửa số 2, tờ bản đồ số 132)	120			
		Ngã ba Buôn Dang (Chuồng Trâu) - thửa số 60, tờ bản đồ số 129	Hết ranh giới thửa đất ở ông Phùng Văn Nhở (thửa số 48, tờ bản đồ số 16)	120			
5	Đường trong khu dân cư thôn 3	Quốc lộ 14 nhà bà Đỗ Thị Hồng (thửa số 76, tờ bản đồ số 148)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Bùi Văn Dũng (thửa số 118, tờ bản đồ số 154)	120			
6	Đường trong khu dân cư thôn 4	Hết ranh giới thửa đất ở ông Bùi Văn Dũng (thửa số 118, tờ bản đồ số 154)	Giáp Quốc lộ 14 (thửa số 171, tờ bản đồ số 154)	120			
		thửa đất nhà ở ông Nguyễn Hữu Thông (thửa số 14, tờ bản đồ số 160)	Suối nước Đục (thửa số 32, tờ bản đồ số 158)	160	64		
		thửa đất nhà ông Nguyễn Đình Phương (thửa số 202, tờ bản đồ số 154)	Hết ranh giới hội trường thôn 4 (thửa số 97, tờ bản đồ số 154)	120			
		Hết ranh giới hội trường thôn 4 (thửa số 97, tờ bản đồ số 154)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Đức Cảnh (thửa số 147, tờ bản đồ số 154)	120			
7	Đường trong khu dân cư thôn 5	thửa đất nhà ở ông Đỗ Hữu Tiến (thửa số 44, tờ bản đồ số 171)	Hội trường thôn 5 (thửa số 35, tờ bản đồ số 171)	160	64		
8	Đường trong khu dân cư thôn 6	Hội trường thôn 6 (thửa số 16, tờ bản đồ số 179)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Mai Chí Bốn (thửa số 162, tờ bản đồ số 79)	120			
		Quốc lộ 14 Nhà ở ông Lê Trọng Lan (thửa số 26, tờ bản đồ số 171)	Nhà điều hành Hồ thủy lợi Ea H'leo 1 (thửa số 1, tờ bản đồ số 87)	280	112	84	
9	Đường trong khu dân cư thôn 7	Hội trường thôn 7 (thửa số 57, tờ bản đồ số 181)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Văn Quyết (thửa số 37, tờ bản đồ số 182)	240	96	72	
10	Đường trong khu dân cư thôn 8	Quốc lộ 14 Nhà ông Đào Quyết Chiến (thửa số 9, tờ bản đồ số 181)	Cầu suối Ea Ooc (thửa số 61, tờ bản đồ số 85)	160	64		
		Quốc lộ 14 Nhà ông Nguyễn Xuân Đạm (thửa số 3, tờ bản đồ số 180)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lê Văn Cấp (thửa số 42, tờ bản đồ số 85)	120			
		Quốc lộ 14 hội trường thôn 8 (thửa số 15, tờ bản đồ số 184)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Văn Dũng (thửa số 1, tờ bản đồ số 184)	200	80	60	

11	Đường trong khu dân cư thôn 9	Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Văn Dũng (thửa số 1, tờ bản đồ số 184)	Hết ranh giới thửa đất ông Phan Tiến Dũng (thửa số 171, tờ bản đồ số 85)	120			
12	Đường trong khu dân cư buôn Dang	Ngã ba buôn Dang nhà ông Chiến Thảo (Quốc lộ 14) - thửa số 57, tờ bản đồ số 134	Nghĩa địa Buôn Dang (thửa số 9, tờ bản đồ số 120)	160	64		
13	Đường trong khu dân cư buôn Săm A+B	Thửa đất nhà ở ông Rmah H'Muong (thửa số 71, tờ bản đồ số 141)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Đình Phương (thửa số 38, tờ bản đồ số 154)	160	64		
14	Đường trong khu dân cư buôn Săm A	Hết ranh giới thửa đất ở bà Nay Y Bint (thửa số 13, tờ bản đồ số 153)	Hết ranh giới thửa đất ở bà Nguyễn Thị Xếp (thửa số 80, tờ bản đồ số 153)	120			
		Ranh giới thửa đất ở Nay H'Mut (thửa số 10, tờ bản đồ số 148)	Hết ranh giới thửa đất ở Nay Y H'Nô (thửa số 43, tờ bản đồ số 141)	160	64		
15	Đường trong khu dân cư buôn Treng	Ranh giới thửa đất ở bà Nguyễn Thị Luân (thửa số 108, tờ bản đồ số 164)	Hết ranh giới thửa đất ở ông R'Căm Y Kriat (thửa số 7, tờ bản đồ số 160)	160	64		
16	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200 m đến hết vị trí thửa đất (không tính hệ số khoảng cách). Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy theo mức giá như sau:			100			
A41	XÃ EA HIAO						
1	Tỉnh lộ 15	Trụ sở UBND xã Ea Hiao (Bao gồm cả thửa đất Bưu điện xã)	Hết ranh giới thửa đất Sân bóng xã Ea Hiao	728	420	296	168
		Hết ranh giới thửa đất Sân bóng xã Ea Hiao	Ngã ba Tý Xuyên (phía đông đường) và hết ranh giới thửa số 42, tờ bản đồ số 232 (phía Tây đường)	872	504	356	200
		Ngã ba Tý Xuyên (phía đông đường) và hết ranh giới thửa số 42, tờ bản đồ số 232 (phía Tây đường)	Ngã tư, hết ranh giới thửa số 76, tờ bản đồ số 227 (phía Đông đường) và hết ranh giới thửa số 83, tờ bản đồ số 227 (phía Tây đường)	532	308	220	124
		Ngã tư, hết ranh giới thửa số 76, tờ bản đồ số 227 (phía Đông đường) và hết ranh giới thửa số 83, tờ bản đồ số 227 (phía Tây đường)	Ngã ba buôn Ta Ly, hết ranh giới thửa số 33, tờ bản đồ số 218 (phía Tây đường) và hết ranh giới thửa số 28, tờ bản đồ số 218 (phía Đông đường)	276	160	112	64
		Ngã ba buôn Ta Ly, hết ranh giới thửa số 33, tờ bản đồ số 218 (phía Tây đường) và hết ranh giới thửa số 28, tờ bản đồ số 218 (phía Đông đường)	Hết ranh giới thửa số 1, 2, tờ bản đồ số 216 (Hai bên đường)	220	128	92	
		Trụ sở UBND xã Ea Hiao (Bao gồm cả thửa đất Bưu điện xã)	Trường Nguyễn Bình Khiêm, Trường Nguyễn Khuyến	556	320	228	128
		Trường Nguyễn Bình Khiêm, Trường Nguyễn Khuyến	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Phan Văn Thắng (thửa số 34, tờ bản đồ số 237)	508	296	208	116
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Phan Văn Thắng (thửa số 34, tờ bản đồ số 237)	Hết ranh giới thửa đất DNTN thương mại Quang Hợp (thửa số 90, tờ bản đồ số 254)	332	192	136	76
		Hết ranh giới thửa đất DNTN thương mại Quang Hợp (thửa số 90, tờ bản đồ số 254)	Giáp địa giới hành chính xã Diê Yang	292	168	120	68
		Tỉnh lộ 15 còn lại		184	108	76	
2	Đường liên xã	Ngã ba Tý Xuyên (Hương Ea Hiao)	Ngã tư (thửa đất nhà bà Nguyễn Thị Huyền thửa số 120, tờ bản đồ số 232)	272	160	112	64
		Ngã tư (thửa đất nhà bà Nguyễn Thị Huyền thửa số 120, tờ bản đồ số 232)	Hết ranh giới đất Trường tiểu học Ea Sol	184	108	76	
		Hết ranh giới đất Trường tiểu học Ea Sol	Hết khu dân cư Buôn Kri	132	76		

		Ngã tư (thửa đất nhà bà Nguyễn Thị Huyền thửa số 120, tờ bản đồ số 232), hướng buôn Mnút	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Ma Thế (thửa số 92, tờ bản đồ số 240)	96			
3	Đường Liên xã đi Diê Yang	Cầu (3 xã) về hướng Đông	Hết đường (giáp địa giới hành chính xã Ea Hiao)	96			
4	Đường liên thôn	Ngã ba cây xăng Ông Danh, thửa số 11, tờ bản đồ số 254 (hướng nông trường cao su)	Hết ranh giới đất nhà ông Hoàng Văn Tiến (thửa số 110, tờ bản đồ số 249)	176	104	72	
		Hết ranh giới đất nhà ông Hoàng Văn Tiến (thửa số 110, tờ bản đồ số 249)	Nông trường cao su	96			
		Nhà ông Lưu Đức Dương thôn 3 (thửa số 23, tờ bản đồ số 238)	Ngã tư (thửa đất của thửa số 148, tờ bản đồ số 232)	112	64		
		Ngã ba Trạm xá Ea Sol	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Đức Nhuận (thửa số 67, tờ bản đồ số 231), giáp Ngã tư	96			
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Đức Nhuận (thửa số 67, tờ bản đồ số 231), giáp Ngã tư	Ngã ba nhà ông Ksor Năng, buôn Tang (thửa số 10, tờ bản đồ số 237)	96			
5	Đường liên xã Ea Hiao đi xã Ea H'leo	Ngã ba buôn Ta Ly phía nam thửa số 70, tờ bản đồ 218, phía bắc thửa số 34, tờ bản đồ 218	Hết cầu buôn Ta ly phía nam thửa số 22, tờ bản đồ số 123, phía bắc thửa số 375, tờ 320	96			
		Cầu buôn Ta ly phía nam thửa số 19, tờ bản đồ số 123, phía bắc thửa số 21, tờ 123	Giáp ranh giới Công ty TNHH Đăk Nguyên phía nam thửa số 7, tờ bản đồ số 64, phía bắc thửa số 6, tờ 64	68			
6	Khu trung tâm chợ xã Ea Hiao	Ngã tư chợ về phía Tây hướng 82 (thửa số 225, tờ bản đồ số 122)	Giáp nghĩa địa Ea Hiao 1 (thửa số 11, tờ bản đồ số 25)	728	420	296	168
		Ngã tư chợ về phía UBND xã (thửa số 225, tờ bản đồ số 122)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Đình Cư (thửa số 245, tờ bản đồ số 122)	676	392	280	156
		Ngã tư chợ về phía Nam đi thôn 4A (thửa số 225, tờ bản đồ số 122)	Cầu 135 (thửa số 220, tờ bản đồ số 122)	628	364	260	144
		Ngã tư chợ về phía Bắc (thửa số 225, tờ bản đồ số 122)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hoàng Bốc (thửa số 32, tờ bản đồ số 122)	580	336	240	132
7	Trục đường số 1	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Đình Cư (thửa số 245, tờ bản đồ số 122)	Hết ranh giới thửa đất nhà Thế Giới Di Động (thửa số 31, tờ bản đồ số 122)	484	280	200	112
		Hết ranh giới thửa đất nhà Thế Giới Di Động (thửa số 31, tờ bản đồ số 122)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Phan Thái Lai (thửa số 109, tờ bản đồ số 110)	308	180	128	72
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Phan Thái Lai (thửa số 109, tờ bản đồ số 110)	Giáp Ngã ba buôn Bir- thửa số 50, tờ bản đồ số 104	156	88	64	
		Giáp Ngã ba buôn Bir - thửa số 51, tờ bản đồ số 104	Cầu buôn Kra (thửa số 56, tờ bản đồ số 17)	112	64		
8	Trục đường số 2	Cầu 135 (thửa số 196, tờ bản đồ số 122)	Ngã ba nhà Ông Phạm Xuân Thảo (thửa số 100, tờ bản đồ số 26)	220	128	92	
9	Trục đường số 3	Nghĩa địa Ea Hiao (thửa số 11, tờ bản đồ số 25)	Hết ranh giới Trường THCS Lê Lợi (thửa số 95, tờ bản đồ số 120)	220	128	92	
10	Trục đường số 4	Cầu buôn Kra (thửa số 38, tờ bản đồ số 17)	Ngã ba Nông trường Cao su (thửa số 31, tờ bản đồ số 105)	88			
11	Trục đường số 5	Hết ranh giới Trường THCS Lê Lợi (thửa số 95, tờ bản đồ số 120)	Giáp ranh giới xã Ea Sol phía Đông đường, phía tây đường hết đất nhà ông Phạm Phú Viễn (thửa số 28, tờ bản đồ số 118)	200	116	80	

12	Trục đường số 6	phía tây đường hết đất ông Phạm Phú Viễn - thửa số 28, tờ bản đồ số 118 (Hường 82)	Cầu sắt (thửa số 5, tờ bản đồ số 113)	132	76		
13	Trục đường thôn 2	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hoàng Bốc (thửa số 32, tờ bản đồ số 122)	Giáp cao su	244	140	100	
14	Đường thôn 4B	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Mão (thửa số 77, tờ bản đồ số 123)	Ngã ba nhà ông Nguyễn Thanh Chùy (Huyền) - thửa số 5, tờ bản đồ số 36	84			
15	Đường thôn 7B tuyến 1	Ngã ba Nông trường Cao su (thửa số 31, tờ bản đồ số 105)	Trường tiểu học Lê Lai (thửa số 72, tờ bản đồ số 112)	76			
16	Đường liên thôn 8 đi 9	Ngã ba đất nhà ông Thống hướng sang xã Ea Tân	Cầu hết ranh giới xã (Hai bên đường)	112	64		
17	Đường liên thôn 8B đi 9B	Ngã ba đất nhà ông Thống hướng Trụ sở Đảng ủy xã Ea Hiao	Hết ranh giới đất bố trí giãn dân thôn 8B và 9B hai bên đường	88			
18	Đường liên thôn 9A đi 9B	Ngã ba nhà Ông Sơn và Bà Miên (thửa số 106, tờ bản đồ số 79)	Đầu ranh giới nhà Ông Lý Dũng Kiều (thửa số 3, tờ bản đồ số 88)	88			
19	Đường giao thông buôn Bir	Ngã ba buôn Bir, đất ông Ksor Y Lúc (Hai bên đường) - (thửa số 37, tờ bản đồ số 104)	Giáp cao su Nông trường đến hết đất sản bóng chuyển Buôn Bir (thửa số 8, tờ bản đồ số 101)	96			
20	Đường giao thông buôn Krái	Ngã ba (Nhà ông Ksor Y Nroi và Ksor H Mlai) hai bên đường - thửa số 155, tờ bản đồ số 17	Giáp cao su Nông trường (đất nhà Nay Y Grang) - thửa số 12, tờ bản đồ số 102	88			
21	Đường thôn 8A	Cổng văn hóa thôn 8A	Cầu buôn Sek Diết xã Dliê Yang	96			
22	Đường trong khu dân cư thôn 9B	Đất của ông Phan Văn Huệ thôn 9b hướng đi thôn 10	Nhà ông Nguyễn Công Nhận	72			
23	Đường trong khu dân cư thôn 10	Đất bà Vương Thị Tăng	Cổng văn hóa thôn 10 hết đất ông Hoàng Văn Tịch	72			
24	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200 m đến hết vị trí thửa đất (không tính hệ số khoảng cách). Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy theo mức giá như sau:			100			
A42	XÃ KRÔNG PÁC						
1	Bình Thới	Hoàng Hoa Thám	Ngô Thi Nhậm	1.400	760	620	
2	Bùi Thị Xuân	Giải Phóng	Lý Thường Kiệt	3.528	1.844	1.420	
		Lý Thường Kiệt	Nguyễn Chí Thanh	1.496	748	620	
3	Các đường số 6, 7, 19, 20, 27			3.640			
4	Các đường số 9, 10, 11, 18, 21			3.360			
5	Cao Bá Quát	Giải Phóng	Quang Trung	1.480	1.000	640	
6	Cao Thắng	Quang Trung	Nguyễn Lương Bằng	1.280	720	520	
7	Chu Văn An	Ngô Quyền	Quảng trường (Tân Đà)	6.552	1.964	1.440	
		Quảng trường (Tân Đà)	Nguyễn Chí Thanh	3.128	1.840	1.360	
8	Đào Duy Từ	Tú Xương	Y Jút	2.024	660	532	
9	Đào Tấn	Huỳnh Thúc Kháng	Tô Ký	1.440	720	520	
10	Điện Biên Phủ	Lê Duẩn	Giáp suối Ea Yông	1.800	780	540	
11	Đinh Công Tráng	Lê Duẩn	Nơ Trang Long	1.800	740	530	
		Nơ Trang Long	Mạc Đình Chi	1.120	732	528	
12	Đinh Tiên Hoàng	Quảng trường	Ngô Quyền	3.712	1.856	1.484	

		Ngô Quyền	Y Jút (xã Ea Yông)	2.120	748	600	
13	Đoàn Thị Diễm	Trần Hưng Đạo	Ngô Đức Kế	1.496	720	520	
14	Đoàn Văn Bơ	Đường Ngô Quyền	Y Jút	1.916	724	540	
15	Đường D2 quy hoạch 12m	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Nguyễn Thị Minh Khai	4.200	952	836	
16	Đường đi nghĩa địa Ea Yông	Tỉnh lộ 9	Giáp nghĩa địa Ea Yông	560	240	180	
17	Đường đi Tân Lập	Tỉnh lộ 9	Ngã tư Chùa Phước Quang	640	220	180	
18	Đường đi thôn 1	Ngã tư Nhà cộng đồng buôn Kam Rong	Ngã ba thôn 1 A, 1 B	760	320	180	140
		Ngã ba thôn 1 A, 1 B	Ngã Tư chùa Phước Quang	480	260	180	
		Ngã ba thôn 1 A, 1 B	Cuối đường thôn 1	400	260	180	160
19	Đường đi trường Trần Bình Trọng	Tỉnh lộ 9	Trường cấp 1 Trần Bình Trọng	380	220	180	
20	Đường đi xã Ea Hiu cũ	Tỉnh lộ 9	Cổng thôn văn hóa Tân Thành	820	320	180	
		Cổng thôn văn hóa Tân Thành	Ranh giới xã Ea Hiu cũ	556	300	180	
21	Đường khu vực có mặt tiền đối diện chợ (xã Hòa Tiến cũ)			864	560	300	
22	Đường Lê Lai	Giải Phóng	Hoàng Hoa Thám	1.200	780	540	
23	Đường liên thôn (Tỉnh lộ 9 đi buôn Ea Wi xã Ea Yông cũ)	Ngã ba trung tâm (xã Hoà Tiến cũ)	Ngã tư thôn 2 A	712	260	192	
		Ngã tư thôn 2A	Ngã ba thôn 4 A	468	240	180	
		Ngã ba thôn 4 A	Buôn Ea Wi (xã Ea Yông cũ)	468	240	180	
		Ngã tư thôn 3	Cách các bên 100m	468	260	180	
24	Đường liên thôn, buôn (buôn Kam Rong đi thôn 3)	Quốc lộ 26	Ngã tư nhà cộng đồng buôn Kam Rong	812	240	180	
		Ngã tư nhà Cộng đồng buôn Kam Rong	Ngã ba vào sân vận động xã	576	240	180	
		Ngã ba vào Sân vận động xã	Đi Tỉnh lộ 9	640	240	180	
25	Đường liên thôn, buôn (buôn Pan đi buôn Pan B)	Ngã ba nghĩa địa buôn Pan	Cầu quận 10	440	240	208	
26	Đường liên thôn, buôn (buôn Yông A đi thôn Phước An 5)	Ngã năm buôn Yông A (nhà Y Sen Byă thửa đất số 510, tờ bản đồ số 160)	Đường Điện Biên Phủ	1.040	540	260	
		Hết trụ sở Hợp tác xã Ea Mlô	Ngã ba nghĩa địa buôn Pan	936	340	260	
27	Đường liên thôn, buôn (buôn Yông A đi thôn Tân Sơn)	Ngã tư buôn Yông A (nhà bà Tyru, thửa đất số 296, tờ bản đồ số 160)	Ngã ba sang buôn Yông B (rẫy ông Chiến đường đi vào Thạch Lũ, thửa đất số 218, tờ bản đồ số 107)	520	352	260	
		Ngã ba sang buôn Yông B (rẫy ông Chiến đường đi vào Thạch Lũ, thửa đất số 218, tờ bản đồ số 107)	Cuối thôn Tân Sơn	300	200	160	
28	Đường liên thôn, buôn (thôn 6A đi thôn 8)	Quốc lộ 26	Ngã tư thôn Thăng Tiến 1	840	240	180	140
		Ngã tư thôn Thăng Tiến 1	Cổng thôn văn hóa Thăng Tiến 3	560	240	180	
		Cổng thôn văn hóa Thăng Tiến 3	Đi hết thôn 8	248	220	180	
29	Đường liên thôn, buôn (thôn Phước Thành đi thôn Phước Hòa)	Ngã ba Quốc lộ 26	Ngã ba khu di tích Ca Da	1.452	560	280	
		Ngã ba khu di tích Ca Da	Hết hội trường Phước Thành	1.308	260	180	
		Hội trường Phước Thành	Hội trường thôn Phước Hòa	616	400	220	
		Nhà văn hoá thôn Phước Hòa	Đường đi thôn Thạch Lũ	748	260	180	
		Nhà văn hoá thôn Phước Hòa	Cuối đường	400	260	180	
30	Đường liên thôn, buôn (thôn Tân Lập đi buôn Pan B)	Ngã ba Quốc lộ 26	Phía Tây Trường Nguyễn Bình Khiêm nhà ông Sầm Văn Kính (thửa đất số 332, tờ bản đồ số 148) dài 420m	1.400	500	200	

		Nhà ông Sầm Văn Kinh (thửa đất số 332, tờ bản đồ số 148) dài 420m	Sân thể thao buôn Pan	1.220	536	248	
31	Đường liên thôn, buôn (thôn Tân Tiến đi buôn Ea Wi)	Ngã tư Ea Yông	Ngã ba thôn Tân Tiến (nhà ông Hãnh, thửa đất số 1519, tờ bản đồ số 153)	3.800	820	520	
		Ngã ba thôn Tân Tiến	Hết trụ sở Hợp tác xã Ea Yông A	1.800	480	280	
		Hợp tác xã Ea Yông A	Ranh giới xã Hòa Tiến cũ	800	440	260	208
32	Ngô Mây	Đường Giải Phóng	Đập 31	1.800	720	528	
33	Phạm Ngọc Thạch	Nguyễn Lương Bằng	Ngô Thi Nhậm	820	540	460	
34	Phạm Ngũ Lão	Giải Phóng	Nguyễn Thị Minh Khai	1.800	628	548	
35	Đường số 1	Lê Duẩn	Đường số 14	2.700			
	Đường số 1	Đường số 14	Đường số 17	2.400			
36	Đường số 12	Lê Duẩn	Tô Hiến Thành	3.640			
37	Đường số 14	Ngã tư Đường số 5 và đường Tô Hiến Thành	Đường số 1	3.640			
38	Đường số 15, 16			3.080			
39	Đường số 17	Nguyễn Trường Tộ	Đường số 5	3.640			
	Đường số 17	Đường số 5	Đường số 1	3.080			
40	Đường số 2	Lê Duẩn	Đường số 4	2.700			
41	Đường số 24 và đường số 25			3.920			
42	Đường số 3 và đường số 22			3.000			
43	Đường số 4 và đường số 13			3.300			
44	Đường số 5	Lê Duẩn	Tô Hiến Thành	3.920			
		Tô Hiến Thành	Đường số 17	3.360			
45	Đường số 8	Lê Duẩn	Đường số 18	3.640			
46	Đường Tân Lập đi Tân Thành	Ngã tư chùa Phước Quang	Giáp đường đi xã Ea Hiu	260	180	140	
47	Đường thôn 6 B	Quốc lộ 26	Ngã tư nhà bà Bùi Thị Loan	360	168	128	
48	Đường Tô Hiến Thành	Trần Phú	Nguyễn Thị Minh Khai	4.200	1.980	1.460	
49	Giá đất khu thương mại (chợ)	Khu chợ lồng		1.092			
		Khu xây dựng mặt trước		1.880			
		Khu xây dựng mặt sau		892			
50	Giang Văn Minh	Bùi Thị Xuân	Giáp suối Ea Yông	1.360	728	532	
51	Hà Huy Giáp	Nguyễn An Ninh	Ngô Đức Kế	1.000	780	540	
52	Hoàng Hoa Thám	Giải Phóng	Trần Hưng Đạo	2.404	784	580	
53	Hoàng Văn Thụ	Hoàng Hoa Thám	Cuối đường	1.520	748	520	
54	Hùng Vương	Giải Phóng	Lý Thường Kiệt	2.432	1.860	1.464	
55	Huỳnh Thúc Kháng	Trần Hưng Đạo	Cao Bá Quát	1.280	792	548	
56	Kha Vạn Cân	Nguyễn An Ninh	Nguyễn Lương Bằng	900	716	532	
57	Khu dân cư Thái Bình Dương	Vị trí 2		2.400			

		Vị trí 3		1.800			
		Vị trí 4		1.400			
58	Khu Trung tâm chợ (xã Hòa Tiến cũ)			2.104	1.368	600	
59	Khu Trung tâm thương mại (thị trấn Phước An cũ)			12.168	8.516	7.908	
60	Kỳ Đồng	Hoàng Hoa Thám	Trần Hưng Đạo	1.000	576	488	
61	Lê Đại Hành	Nơ Trang Long	Mạc Đình Chi	1.700	760	580	
		Mạc Đình Chi	Nguyễn An Ninh	1.500	696	596	
62	Lê Duẩn	Giải Phóng	Quang Trung	11.200	2.240	1.640	
		Quang Trung	Xô Viết Nghệ Tĩnh	8.132	1.840	1.400	
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Nguyễn Chí Thanh	3.244	1.296	600	
		Giải Phóng	Nguyễn Thị Minh Khai	8.872	3.548	1.700	
		Nguyễn Thị Minh Khai	Trần Phú	6.284	2.512	1.400	
		Trần Phú	Lê Lợi	5.492	1.340	720	
		Lê Lợi	Đường số 5	5.148	1.028	532	
		Đường số 5	Đường số 1	4.120	824	520	
63	Lê Đức Thọ	Đường Quang Trung	Nguyễn An Ninh	820	576	488	
64	Lê Hồng Phong	Giải Phóng	Quang Trung	5.200	1.920	1.480	
		Quang Trung	Xô Viết Nghệ Tĩnh	3.400	1.280	760	
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Nghĩa địa thôn 3	2.120	840	600	
65	Lê Lợi	Lê Duẩn	Y Jút	2.576	660	572	
66	Lê Quý Đôn	Giải Phóng	Nguyễn Chí Thanh	3.600	1.940	1.480	
67	Lê Thánh Tông	Đinh Công Tráng	Nguyễn Chí Thanh	1.748	720	528	
68	Lương Thế Vinh	Lê Duẩn	Nguyễn Đình Chiểu	1.440	708	628	
69	Lý Thường Kiệt	Lê Duẩn	Nguyễn Chí Thanh	5.912	1.980	1.472	
		Nguyễn Chí Thanh	Phan Chu Trinh	5.492	1.852	1.388	
		Phan Chu Trinh	Cuối đường	1.720	660	536	
70	Lý Tự Trọng	Nguyễn Viết Xuân	Xô Viết Nghệ Tĩnh	1.028	720	520	
71	Mạc Đình Chi	Quang Trung	Lê Hồng Phong	2.016	900	600	
72	Mai Xuân Thưởng	Trần Hưng Đạo	Hoàng Hoa Thám	1.260	1.004	632	
73	Ngô Đức Kế	Trần Hưng Đạo	Lê Hồng Phong	1.400	912	632	
74	Ngô Quyền	Giải Phóng	Trần Phú	4.460	1.300	900	
		Trần Phú	Lê Lợi	3.088	1.100	880	
		Lê Lợi	Hết đường	2.060	796	576	
75	Ngô Thi Nhậm	Trần Hưng Đạo	Lê Hồng Phong	1.296	844	584	
76	Nguyễn An Ninh	Lê Đại Hành	Mạc Đình Chi	732	576	488	
77	Nguyễn Bình Khiêm	Nơ Trang Long	Lê Hồng Phong	1.996	760	580	
		Lê Hồng Phong	Quang Trung	1.300	684	544	
78	Nguyễn Chí Thanh	Trần Phú	Giải Phóng (Quốc lộ 26)	5.148	1.840	1.480	
		Giải phóng (Quốc lộ 26)	Quang Trung	7.920	1.880	1.500	

		Quang Trung	Xô Viết Nghệ Tĩnh	3.328	1.840	1.400	
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Lê Duẩn	2.216	744	600	
		Lê Duẩn	Nơ Trang Long	1.600	700	560	
79	Nguyễn Đình Chiểu	Trần Phú	Lê Lợi	1.600	740	528	
80	Nguyễn Du	Nơ Trang Long	Mạc Đình Chi	1.920	720	580	
81	Nguyễn Đức Cảnh	Nơ Trang Long	Lê Hồng Phong	1.996	760	580	
82	Nguyễn Hữu Thọ	Y Wang	Ngô Thị Nhậm	1.200	780	540	
83	Nguyễn Lương Bằng	Trần Hưng Đạo	Lê Hồng Phong	2.060	720	520	
84	Nguyễn Thị Định	Quang Trung	Trần Hưng Đạo	1.280	792	548	
85	Nguyễn Thị Minh Khai	Lê Duẩn	Nguyễn Văn Trỗi	4.800	1.420	1.060	
		Lê Duẩn	Huyền Đoàn	2.588	1.340	940	
86	Nguyễn Thượng Hiền	Hoàng Hoa Thám	Trần Hưng Đạo	2.292	744	540	
87	Nguyễn Trãi	Nguyễn Chí Thanh	Lê Duẩn	2.808	744	532	
88	Nguyễn Tri Phương	Hoàng Hoa Thám	Cuối đường	1.280	748	544	
89	Nguyễn Trung Trực	Trần Hưng Đạo	Hoàng Hoa Thám	1.220	792	548	
90	Nguyễn Trường Tộ	Lê Duẩn	Tô Hiến Thành	5.680			
		Tô Hiến Thành	Đường số 17 (Trung tâm y tế dự phòng)	4.868			
		Đường số 17 (Trung tâm y tế dự phòng)	Nguyễn Văn Trỗi	4.460	1.116	848	
91	Nguyễn Văn Trỗi	Giải Phóng	Nguyễn Thị Minh Khai	3.628	1.864	1.500	
		Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Trường Tộ	2.996	748	568	
		Nguyễn Trường Tộ	Hết đường	1.940	776	520	
92	Nguyễn Viết Xuân	Quang Trung	Xô Viết Nghệ Tĩnh	2.048	784	576	
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Nguyễn Chí Thanh	1.920	704	544	
93	Nơ Trang Long	Giải Phóng	Quang Trung	6.732	1.928	1.520	
		Quang Trung	Xô Viết Nghệ Tĩnh	6.176	1.864	1.460	
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Hết đường	2.540	760	520	
94	Phan Ảnh	Hoàng Hoa Thám	Ngô Thị Nhậm	1.400	760	620	
95	Phan Bội Châu	Giải Phóng	Quang Trung	8.872	2.200	1.800	
96	Phan Chu Trinh	Chu Văn An	Lý Thường Kiệt	5.092	2.036	1.520	
		Lý Thường Kiệt	Hết đường	2.540	752	560	
97	Phan Đình Giót	Giải Phóng	Lý Thường Kiệt	2.432	1.860	1.464	
98	Phan Huy Chú	Nguyễn Văn Trỗi	Cuối đường	2.080	1.240	736	
99	Phú Châu	Quang Trung	Xô Viết Nghệ Tĩnh	1.960	752	580	
100	Quang Trung	Trần Hưng Đạo	Nơ Trang Long	4.460	2.240	1.880	
		Nơ Trang Long	Lê Duẩn	7.888	1.840	1.400	
		Lê Duẩn	Nguyễn Chí Thanh	6.864	1.840	1.400	
101	Quốc lộ 26	Xã Ea Phê	Km 119 + 647 m	2.200	476	428	
		Km 119 + 647 m	Km 119 + 964 m	2.520	632	528	
		Km 119 + 964 m	Giáp đường Giải Phóng	2.160	500	452	

		Giáp đường Giải Phóng	Hoàng Hoa Thám	3.088	772	616	
		Hoàng Hoa Thám	Trần Hưng Đạo	5.148	1.028	652	
		Trần Hưng Đạo	Nguyễn Văn Trỗi	6.864	1.080	800	
		Nguyễn Văn Trỗi	Nguyễn Chí Thanh	10.296	1.880	1.480	
		Nguyễn Chí Thanh	Ngô Quyền	7.864	1.840	1.400	
		Ngô Quyền	Y Jút	6.000	1.236	792	
		Y Jút	Ngã ba công chào thôn Tân Lập	4.756	872	640	
		Ngã ba công chào thôn Tân Lập	Ngã tư công chào thôn 19/5	4.064	812	620	
		Ngã tư công chào thôn 19/5	Hết khu dân cư Thái Bình Dương	3.160	632	568	
		Hết khu dân cư Thái Bình Dương	Ranh giới xã Ea Knuéc	2.360	552	424	
102	Tân Đà	Chu Văn An	Lê Lợi	1.680	792	548	
103	Thái Phiên	Đoàn Thị Diễm	Nguyễn Thượng Hiền	1.096	576	488	
104	Tỉnh lộ 9 đi xã Dang Kang	Cuối đường Trần Hưng Đạo	Ngã ba thôn 1	3.432	516	448	
		Ngã ba thôn 1	Ngã ba rẽ vào xã Ea Phê	3.168	476	412	
		Ngã ba rẽ vào xã Ea Phê	Xã Tân Tiến	1.880	340	260	
		Ranh giới xã Hòa An	Đầu ranh giới thửa đất số vườn nhà ông Võ Thanh Sơn (thửa đất số 448, tờ bản đồ số 11)	1.584	300	220	180
		Đầu vườn nhà ông Võ Thanh Sơn (thửa đất số 448, tờ bản đồ số 11)	Đầu ranh giới thửa đất số vườn nhà ông Nhạc (thửa đất số 869, tờ bản đồ số 11)	1.800	360	240	180
		Đầu vườn nhà ông Nhạc (thửa đất số 869, tờ bản đồ số 11)	Ranh giới xã Tân Tiến	1.400	300	220	
105	Tô Hiến Thành	Nguyễn Trường Tộ	Đường số 5	5.240			
		Nguyễn Trường Tộ	Trần Phú	5.240			
106	Tô Ngọc Vân	Giải Phóng	Cuối đường	1.024	628	548	
107	Tôn Thất Tùng	Trần Phú	Đào Duy Từ	1.520	748	540	
108	Trần Bình Trọng	Lê Duẩn	Nguyễn Chí Thanh	1.872	1.860	1.464	
109	Trần Đại Nghĩa	Y Wang	Ngô Thi Nhậm	1.200	580	540	
110	Trần Hưng Đạo (Tỉnh lộ 9 đi xã Dang Kang)	Giải Phóng	Ngô Thi Nhậm	5.176	1.036	776	
111	Trần Khánh Dư	Bùi Thị Xuân	Giáp suối Ea Yông	1.480	728	532	
112	Trần Phú	Lê Duẩn	Ngô Quyền	2.744	1.100	824	
		Ngô Quyền	Y Jút (xã Ea Yông)	2.400	840	528	
		Ngã tư Lê Duẩn	Hết đường (đến đường D2)	3.432	1.896	1.460	
113	Trần Quý Cáp	Giải Phóng	Cuối đường	1.024	720	528	
114	Trục đường chính buôn Jung	Ngã ba Quốc lộ 26	Đi buôn Jung +400m (đầu Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi)	1.200	500	264	
		Đi buôn Jung +400m (đầu trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi)	Cuối đường + 500m nhà Y Duẩn (thửa đất số 860, tờ bản đồ số 153)	1.452	540	260	
115	Trục đường chính buôn Pan B	Ngã ba nghĩa địa buôn Pan	Hết đường nhựa (dài 750 m)	520	300	200	
116	Trục đường chính thôn 19/5	Quốc lộ 26	Hội trường thôn 19/5	1.452	480	260	

		Hội trường thôn 19/5	Vào 1400 m (rẫy ông Nguyễn Văn Hòa, thửa đất số 862, tờ bản đồ số 104)	616	260	180	
		Ngã ba Quốc lộ 26 nhà ông Thuần Mai (thửa đất số 703, tờ bản đồ số 148)	Ngã tư (dài 620 m)	1.452	381	220	
		Quốc lộ 26 Km 126+390 nhà ông Cơ (thửa đất số 715, tờ bản đồ số 146)	Cuối đường	664	340	260	
117	Trục đường chính thôn 19/8	Ngã ba Quốc lộ 26	Cuối thôn 19/8	400	260	180	
		Quốc lộ 26 Km 128 + 710 (nhà ông Phạm Minh Xứng thửa đất số 2, tờ bản đồ số 146)	Vào 140m (nhà bà Phương thửa đất số 65, tờ bản đồ số 146) thôn 19/8	400	340	240	208
		Quốc lộ 26 Km 128+730 (nhà ông Yếm thửa đất số 5, tờ bản đồ số 146)	Vào 140m (nhà ông Nguyễn Mạnh Trường thửa đất số 63, tờ bản đồ số 146) thôn 19/8	640	416	288	
118	Trục đường chính thôn 1 B	Công ty xăng dầu Đắk Lắk	Nhà ông Đinh Đặc Linh (thửa đất số 848, tờ bản đồ số 175)	600	252	180	
119	Trục đường chính thôn 4 A	Thôn 4 A	Cuối đường bê tông (thửa đất số 254, tờ bản đồ số 198)	360	220	180	
		Ranh giới xã Tân Tiến	Giáo xứ Thuận Hoà	560	240	220	180
120	Trục đường chính thôn Tân Lập	Quốc lộ 26 Km 125+960 (Công ty Đoàn Kết)	Vào 500m (nhà ông Thái Văn Lâm, thôn Tân Lập thửa đất số 141, tờ bản đồ số 146)	640	416	288	
121	Trục đường chính thôn Tân Tiến	Quốc lộ 26 Km 125 + 510 nhà ông Thọ (thửa đất số 107, tờ bản đồ số 148)	Hết hội trường Tân Tiến	860	260	180	
		Hội trường Tân Tiến	Cuối đường + 600 m	664	340	260	
		Quốc lộ 26 Km 125+710 (nhà ông Phái)	Vào 400m (nhà bà Hiền - thôn Tân Tiến)	1.000	500	252	
122	Trục đường chính thôn, buôn	Quốc lộ 26 (nhà ông Hoà)	Vào 300m	1.068	404	260	
		Quốc lộ 26 Km 127+515 nhà ông Linh (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 147)	Vào 300m	1.068	404	260	
		Khu vực thôn Lạng Sơn (vị trí 1 các trục đường chính)		300	240	180	140
		Khu vực thôn Cao Bằng (vị trí 1 các trục đường chính)		300	240	180	140
123	Trương Công Định	Hoàng Hoa Thám	Hết đường	1.800	780	588	
124	Tú Xương	Trần Phú	Hết đường	2.024	912	608	
125	Võ Đức Tấn	Y Wang	Ngô Thi Nhậm	1.200	780	540	
126	Võ Thị Sáu	Giải Phóng	Nguyễn Thị Minh Khai	2.340	1.464	1.100	
127	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Nguyễn Chí Thanh	Lê Duẩn	3.088	772	588	
		Lê Duẩn	Lê Hồng Phong	4.460	1.116	640	
		Lê Hồng Phong	Hết đường	2.540	636	556	
128	Y Jút	Giải Phóng	Trần Phú	5.040	1.260	656	
		Trần Phú	Đào Duy Từ	2.496	900	540	
		Đào Duy Từ	Hợp tác xã Ea Mlô	1.840	716	540	
129	Y Wang	Trần Hưng Đạo	Lê Hồng Phong	1.216	792	548	
130	Đối với các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau			100			
A43	XÃ EA KNUẾC						
1	Chợ xã Ea Kênh			2.178			

2	Đường dân sinh hai bên cao tốc	Từ nút giao Hòa Đông		Giáp xã Krông Pắc	320	200	180	160
3	Đường Hồ Chí Minh (đoạn tránh đông)	Quốc lộ 26		Đường nhựa rẽ vào cổng chào buôn Puôr Ta Ra	1.600	560	280	160
		Đường nhựa rẽ vào cổng chào buôn Puôr Ta Ra		Hết địa bàn xã Ea Knuéc	1.400	480	260	160
4	Đường liên thôn (thôn Hòa Thành đi thôn Ea Kmát)	Đường nhựa Hòa Thắng (từ Quốc lộ 26)		Ngã tư đường rẽ vào buôn Puôr Ta Ra	760	320	220	160
		Đường nhựa thôn Hòa Thành		Cổng chào buôn Ea Kmát	680	300	220	160
		Từ Cổng chào buôn Ea Kmát		Hết khu dân cư buôn Ea Kmát (thửa đất số 167, tờ bản đồ số 160)	520	280	200	160
5	Đường liên thôn (thôn Tân Bắc đi thôn Tân Đức)	Đường vào thôn Tân Bắc		Cổng thủy lợi Phước Lợi	480	240	180	160
		Cổng thủy lợi Phước Lợi		Hết thôn Tân Đức	360	200	180	160
6	Đường liên thôn Tân Hòa 1 và 2	Bắt đầu từ Ngã ba đường đi xã Ea Ning (thửa đất số 27, tờ bản đồ số 211)		Cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột	640	300	220	160
7	Đường liên thôn, buôn (buôn Briêng A đi buôn Briêng B)	Quốc lộ 26		Cổng chào buôn Briêng A	3.520			
		Cổng chào buôn Briêng A		Cổng chào buôn Briêng B	720	320	220	160
		Cổng chào buôn Briêng B		Xã Cuôr Đăng	520	280	200	160
8	Đường liên thôn, buôn (thôn Hòa Thành đi buôn Puôr Ta Ra, buôn Cuôr Tara)	Đường vào Đoàn đặc công 19/8 (từ đường nhựa thôn Hòa Thành)		Đến hết đường	640	300	220	160
9	Đường liên thôn, buôn (thôn Hòa Thành đi buôn Puôr Ta Ra, buôn Cuôr Tara)	Đường cổng sau Đoàn đặc công 19/8 (từ đường nhựa thôn Hòa Thành)		Đường Tránh đông	480	260	180	160
10	Đường liên xã đi xã Cuôr Đăng	Ngã ba đường 1/5		Giáp xã Ea Ning	620	300	220	160
		Km 136 Quốc lộ 26 thôn 17		Xã Cuôr Đăng	520	280	200	160
11	Đường vào buôn Cuôr Tara	Từ ngã ba buôn Puôr Ta Ra		Hết khu dân cư (thửa đất số 462, tờ bản đồ số 155)	680	300	220	160
12	Đường vào Công ty 15	Quốc lộ 26		Cổng trường THCS Trần Văn Ôn	3.520			
		Cổng trường THCS Trần Văn Ôn		Cổng chào Tân Hòa 1	920	340	240	160
		Cổng chào Tân Hòa 1		Giáp xã Ea Ning	1.000	360	260	160
13	Đường vào hồ Phước Mỹ 2	Từ Quốc lộ 26		Hết đường bê tông chạy quanh hồ	600	280	220	160
14	Đường vào thôn 12	Từ Quốc lộ 26		Hết khu dân cư thôn 12	1.040	600	340	160
15	Đường vào thôn 2	Quốc lộ 26		Nghĩa địa thôn 2	640	300	220	160
16	Khu dân cư Tân Sơn - Cao Bằng (vị trí 1 các trục đường chính)				400	220	180	160
17	Khu dân cư thôn Hòa An (vị trí 1 các trục đường chính)				400	240	180	160
18	Khu dân cư thôn Hòa Nam (vị trí 1 các trục đường chính)				400	240	180	160
19	Khu dân cư thôn Nam Thắng (vị trí 1 các trục đường chính)				400	240	180	160
20	Khu dân cư thôn Tân Hưng - Tân Bình (vị trí 1 các trục đường chính)				400	220	180	160
21	Khu dân cư thôn Tân Lập (vị trí 1 các trục đường chính)				400	240	180	160
22	Khu dân cư thôn Tân Nam (vị trí 1 các trục đường chính)				360	200	180	160
23	Khu dân cư thôn Tân Quảng	Từ Quốc lộ 26		Hết khu dân cư	400	240	180	160
24	Khu vực dự án điểm dân cư Ea Kênh	Đường D1. D3 (giao với Quốc lộ 26)			3.360			
		Đường N2 (Từ trục D1 đến trục D3)			3.120			
		Đường D2 (Từ trục N1 đến trục N3)			3.360			
		Đường N1 (từ trục D1 đến trục D3)			3.360			
		Đường N3 (Từ trục D3 đến trục D2)			3.360			
25		Đường N1 rộng 18m (trùng với 1 đoạn đường vào công ty 15)			4.380			

	Khu vực dự án Hạ tầng khu dân cư xã Ea Knuéc	Đường N6 rộng 18m (trùng với 1 đoạn đường liên thôn)		4.380			
		Đường N4 rộng 20m (giao với Quốc lộ 26)		4.380			
		Đường N5 rộng 20m giao với Quốc lộ 26)		4.380			
		Đường N2, N3, N7, N8, N9 rộng 16m (song song với Quốc lộ 26)		3.600			
		Đường N3a rộng 12 m (từ trục N2 đến trục N3)		3.000			
		Đường N10 rộng 16m (Từ trục N9 đến trục N5)		3.000			
26	Quốc lộ 26	Ranh giới xã Krông Pắc	Đường vào thôn Tân Bắc	2.200	440	340	
		Đường vào thôn Tân Bắc	Ngã ba (chùa Quảng Đức)	2.560	640	380	
		Ngã ba (chùa Quảng Đức)	Cầu 35 (Ea Knuéc)	2.200	440	340	
		Cầu 35 (Ea Knuéc)	Ngã ba Phước Hưng	6.400	800	520	
		Ngã ba Phước Hưng	Cầu 36	2.200	440	340	
		Cầu 36	Hết ngã ba đường đi xã Ea Ning	1.600	380	240	
		Hết ngã ba đường đi xã Ea Ning	Ngã ba vào buôn Puôr Ta Ra	2.400	560	360	240
		Ngã ba vào buôn Puôr Ta Ra	Trường THPT Quang Trung	3.000	720	480	320
		Trường THPT Quang Trung	Đền giáp phường Tân An	4.400	1.000	576	
27	Trục đường chính thôn Hòa Thành	Quốc lộ 26 đi thôn Hòa Thành	Giáp đường tránh Đông	760	320	220	160
28	Trục đường chính buôn Đrao	Đường Tân Quảng (đi vào buôn Đrao)	Giáp phường Cư Bao	480	260	180	160
29	Trục đường chính buôn Ea Đun	Từ Quốc lộ 26 (cổng chào buôn Ea Đun)	Cánh đồng buôn Ea Đun	480	240	200	160
30	Trục đường chính buôn Yế	Đường Tân Thành (đi vào buôn Yế)	Hết khu dân cư	400	240	180	160
31	Trục đường chính thôn Tân Mỹ	Từ Quốc lộ 26 (cây xăng Thương Thương)	Hết khu dân cư	640	300	220	160
32	Các tuyến đường còn lại trong các khu dân cư chưa có tên trong bảng giá			160			
33	Đối với các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau			160			
A44	XÃ TÂN TIỀN						
1	Đường liên thôn, buôn (buôn Kniêr đi thôn Tân Lợi 1)	Ngã ba Tân Tiến (Km +0)	Km 0 + 100m (về phía C 180)	1.280	340	260	160
		Km 0 + 100m (về phía C 180)	Đường vào C 180	880	220	180	160
		Đường vào C 180	Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 117	480	200	180	160
2	Đường liên thôn, buôn (thôn Tân Lợi 1 đi buôn Kon H'ring)	Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 117	Km 0 + 1500m ranh giới thôn Tân Lợi 2 và buôn Hăng 1A	360	252	120	100
		Km 0 + 1500m ranh giới thôn Tân Lợi 2 và buôn Hăng 1A	Ngã tư buôn Đăk Rleng 1 đi buôn Hăng 1C	480	336	120	100
		Ngã tư buôn Đăk Rleng 1 đi buôn Hăng 1C	Ranh giới xã Ea Yiêng cũ	320	220	120	100
3	Đường thôn, buôn (buôn Kon H'ring đi trung tâm xã Ea Yiêng cũ)	Ranh giới xã Ea Yiêng cũ	Cách Trung tâm UBND xã cũ 200m	180	140	100	80
		Cách trung tâm UBND xã cũ 200m	Ngã ba trung tâm (thửa đất số 1033, tờ bản đồ số 170)	200	140	100	80
4	Khu dân cư buôn Cư Drang (thửa đất số 896, tờ bản đồ số 180 đến thửa đất số 566, tờ bản đồ số 181)			100	88	80	72
5	Khu dân cư buôn Ea Draí, Ea Draí A (Trường Tiểu học Tân Tiến buôn Ea Draí A đến thửa đất số 15, tờ bản đồ số 38)			120	100	88	80
6	Khu vực Trung tâm (thửa đất số 896, tờ bản đồ số 170 đến thửa đất số 1024, tờ bản đồ số 170)			400	240	160	100
7	Tỉnh lộ 9 đi xã Dang Kang	Ranh giới xã Krông Pắc	Đường vào nghĩa địa thôn 2	1.800	300	240	160
		Đường vào nghĩa địa thôn 2	Cách ngã ba Tân Tiến Km 0 + 200m (về phía xã Krông Pắc)	1.880	320	260	160

		Cách ngã ba Tân Tiến Km 0 + 200m (về phía xã Krông Pắc)	Cách ngã ba Tân Tiến Km 0 + 200m (về phía Cầu buôn Kniêr)	2.240	380	280	160
		Cách ngã ba Tân Tiến Km 0 + 200m (về phía Cầu buôn Kniêr)	Cầu buôn Kniêr	2.080	340	200	160
		Cầu buôn Kniêr	Cổng chào thôn 5	1.220	280	180	160
		Cổng chào thôn 5	Đường vào nghĩa địa thôn 5	1.120	240	180	160
		Đường vào nghĩa địa thôn 5	Ranh giới xã Dang Kang	800	220	180	160
8	Trục đường chính buôn Hăng 1 C	Cổng chào buôn Hăng 1C	Hết khu dân cư buôn Hăng 1 C (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 154)	100	80	68	
9	Trục đường chính buôn Kon Wang, buôn Ea Mao	Ngã ba trung tâm (thửa đất số 1033, tờ bản đồ số 170)	Cuối buôn Ea Mao (thửa đất số 366, tờ bản đồ số 176)	180	140	100	80
		Ngã ba trung tâm (thửa đất số 1033, tờ bản đồ số 170)	Hết đường đi buôn Kon Wang	140	128	100	80
10	Trục đường chính thôn 11	Thửa đất số 186, tờ bản đồ số 133	Giáp xã Vụ Bồn (thửa đất số 3, tờ bản đồ số 122)	160	140	120	88
11	Trục đường chính thôn 14	Thửa đất số 9, tờ bản đồ số 142	Giáp xã Vụ Bồn (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 133)	160	140	120	88
12	Trục đường chính thôn 8	Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 142	Giáp xã Vụ Bồn (thửa đất số 72, tờ bản đồ số 122)	160	140	120	88
13	Trung tâm thương mại (khu vực chợ thửa đất số 212, tờ bản đồ số 85 đến thửa đất số 123, tờ bản đồ số 85)			2.240			
14	Các trục đường của khu dân cư buôn Hăng 1 C đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá xây dựng thì lấy giá theo giá như sau			68			
15	Các trục đường của khu dân cư Ea Draí, Ea Draí A đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá xây dựng thì lấy giá theo giá như sau			80			
16	Các trục đường của khu dân cư thôn 8, 11, 14, Tân Lợi 1, Tân Lợi 2, buôn Hăng 1 A, Đăk Rleng 1, Đăk Rleng 2 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá xây dựng thì lấy giá theo giá như sau			88			
17	Các trục đường của thôn 1, 2, 3, 4, 4 A, 5, 6, buôn Kniêr, buôn Kplang các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá xây dựng thì lấy giá theo giá như sau			160			
18	Đối với các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá xây dựng thì lấy giá theo giá như sau			72			
A45	XÃ EA PHÊ						
1	Đường khu dân cư thôn 4	Từ Đường đi xã Ea Kuăng cũ	Mương thủy lợi Ea Kuăng (kênh T9 thửa đất số 121, tờ bản đồ số 103)	1.120	360		
		Quốc lộ 26 (thửa đất số 344, tờ bản đồ số 203)	Ngã ba trường mẫu giáo Phụng Lan (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 103)	1.584			
		Quốc lộ 26 (thửa đất số 338, tờ bản đồ số 203)	Ngã ba chùa Phước Nghiêm (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 103)	1.584			
2	Đường khu dân cư thôn 4B	Ngã ba nhà bà Nguyễn Thị Trường (thửa đất số 60, tờ bản đồ số 103)	Ngã ba nhà ông Phan Đình Lợi (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 102)	1.210			
		Quốc lộ 26 (thửa đất số 95, tờ bản đồ số 103)	Ngã ba nhà ông Sanh (thửa đất số 211, tờ bản đồ số 102)	1.210			
3	Đường liên thôn (Phước Trạch 2)	Quốc lộ 26 cống thủy lợi cấp 1 (thửa đất số 363, tờ bản đồ số 203)	Ngã tư hội trường Phước Trạch 1 (thửa đất số 124, tờ bản đồ số 102)	1.220	360	160	
		Ngã tư hội trường Phước Trạch 1 (thửa đất số 124, tờ bản đồ số 102)	Cầu Phước Trạch II (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 96)	840	320	160	
		Cầu Phước Trạch II (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 96)	Giáp ranh giới xã Krông Pắc (thửa đất số 148, tờ bản đồ số 95)	600	260	160	

4	Đường liên thôn (thôn Phước Lộc 4 đi thôn Phước Trạch 2)	Quốc lộ 26 (nhà ông Hồ Bé thừa đất số 115, tờ bản đồ số 105)	Hết đất nhà ông Phan Trọng Kiên (thửa đất số 39, tờ bản đồ số 100)	380	260	160	
		Hết đất nhà ông Phan Trọng Kiên (thửa đất số 39, tờ bản đồ số 100)	Hết đất nhà ông Lương Phú Dương thôn Phước Trạch 2 (thửa đất số 156, tờ bản đồ số 95)	320	220	160	
5	Đường liên thôn (vào buôn Phê)	Quốc lộ 26 (thửa đất số 395, tờ bản đồ số 98)	Cầu thôn 6 (thửa đất số 323, tờ bản đồ số 91)	465	260	160	
		Cầu thôn 6 (thửa đất số 323, tờ bản đồ số 91)	Cổng trường TH Kim Đồng 1 (thửa đất số 52, tờ bản đồ số 91)	380	260	160	
		Cổng trường TH Kim Đồng 1 (thửa đất số 52, tờ bản đồ số 91)	Cầu Lâm nghiệp thôn 6B (thửa đất số 115, tờ bản đồ số 152)	340	260	160	
		Cầu Lâm nghiệp thôn 6B (thửa đất số 115, tờ bản đồ số 152)	Ngã ba trường Hà Huy Tập (thửa đất số 189, tờ bản đồ số 77)	200	180	160	
6	Đường liên thôn (vào thôn 4B)	Quốc lộ 26 (thửa đất số 322, tờ bản đồ số 203)	Ngã tư vào lò mổ ông Điều (thửa đất số 201, tờ bản đồ số 103)	2.218			
		Ngã tư vào lò mổ ông Điều (thửa đất số 201, tờ bản đồ số 103)	Ngã tư nhà ông Đỗ Minh Cảnh (thửa đất số 362, tờ bản đồ số 97)	844	360		
7	Đường liên xã Ea Phê đi xã Krông Pắc	Ranh giới xã Krông Pắc (thửa đất số 39, tờ bản đồ số 243)	Hội trường buôn Ját A	238	180	140	
		Hội trường buôn Ját A	Cánh đồng Ea Hiu (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 237)	200	160	140	
8	Đường liên xã Ea Phê đi xã Tân Tiến	Ngã ba đường đi xã Vụ Bồn (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 247)	Ngã ba xóm Huế Tân Lập 1 (thửa đất số 190, tờ bản đồ số 261)	240	180	140	
		Ngã ba xóm Huế Tân Lập 1 (thửa đất số 190, tờ bản đồ số 261)	Giáp xã Tân Tiến	200	180	140	
9	Đường liên xã Ea Phê đi xã Vụ Bồn	Cầu thủy lợi buôn Roang Đông (thửa đất số 278, tờ bản đồ số 244)	Cầu thủy lợi đầu thôn Đức Tân và thôn Tân Bình (thửa đất số 171, tờ bản đồ số 250)	180	160	140	
		Cầu thủy lợi đầu thôn Đức Tân và thôn Tân Bình (thửa đất số 171, tờ bản đồ số 250)	Sân vận động thôn Nghĩa Tân (thửa đất số 369, tờ bản đồ số 258)	216	160	140	
		Từ Quốc lộ 26 (thửa đất số 164, tờ bản đồ số 224)	Mương thủy lợi Phước Hòa (thửa đất số 404, tờ bản đồ số 224)	1.742	360	140	
		Mương thủy lợi Phước Hòa (thửa đất số 404, tờ bản đồ số 224)	Cổng chào Phước Tân 1 (thửa đất số 564, tờ bản đồ số 229)	792	320	140	
		Cổng chào Phước Tân 1 (thửa đất số 564, tờ bản đồ số 229)	Ngã ba đường đi xã Vụ Bồn (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 247)	668	300	140	
		Ngã ba đường đi xã Vụ Bồn	Trường TH Quang Trung	340	260	140	
		Trường TH Quang Trung	Giáp xã Vụ Bồn	216	180	140	
10	Đường vào hồ Krông Búk hạ	Quốc lộ 26 (thửa đất số 113, tờ bản đồ số 86)	Cầu thủy lợi buôn Puăn (thửa đất số 182, tờ bản đồ số 86)	1.690	320	160	
		Cầu thủy lợi buôn Puăn (thửa đất số 182, tờ bản đồ số 86)	Cổng trường THCS Ea Phê (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 80)	696	300	160	
		Cổng trường THCS Ea Phê (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 80)	Hồ Krông Búk hạ (thửa đất số 13, tờ bản đồ số 80)	464	280	160	
		Hồ Krông Búk hạ (thửa đất số 13, tờ bản đồ số 80)	Ngã ba đi thôn 7A	280	260	160	
		Nhà ông Hà Văn Văn thôn 7B (thửa đất số 212, tờ bản đồ số 77)	Ngã ba đường vào đập thôn 7 (thửa đất số 195, tờ bản đồ số 76)	494	280	160	

		Ngã ba đường vào đập thôn 7 (thửa đất số 195, tờ bản đồ số 76)	Đền giáp phường Cư Bao (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 72)	360	260	160	
11	Khu phía Tây Chợ Ea Phê			1.108			
12	Khu Trung tâm xã	Từ ngã ba trung tâm xã (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 244)	Cầu thủy lợi buôn Roang Đông (thửa đất số 278, tờ bản đồ số 244)	238	180	140	
13	Khu vực sau chợ lồng, khu dân cư thôn 4 B			1.056			
14	Khu vực xung quanh chợ lồng, 12 ki ốt phía trước chợ rau			2.218			
15	Quốc lộ 26	Ranh giới xã Krông Pắc (thửa đất số 207, tờ bản đồ số 104)	Ngã tư đường vào nghĩa địa Phước Lộc (thửa đất số 110, tờ bản đồ số 105)	2.112	360	160	
		Ngã tư đường vào nghĩa địa Phước Lộc (thửa đất số 110, tờ bản đồ số 105)	Cột mốc km 117 (thửa đất số 604, tờ bản đồ số 102)	2.200	360	220	160
		Cột mốc km 117 (thửa đất số 604, tờ bản đồ số 102)	Cổng thủy lợi cấp I (thửa đất số 95, tờ bản đồ số 103)	2.600	380	220	
		Cổng thủy lợi cấp I (thửa đất số 95, tờ bản đồ số 103)	Cổng ông Cừ (thửa đất số 139, tờ bản đồ số 196)	3.960	600	380	160
		Cổng ông Cừ (thửa đất số 139, tờ bản đồ số 196)	Cầu buôn Phê (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 191)	2.852	420	220	
		Cầu buôn Phê (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 191)	Cổng qua đường Phước Thọ 2 (thửa đất số 531, tờ bản đồ số 93)	1.690	280	220	160
		Cổng qua đường Phước Thọ 2 (thửa đất số 531, tờ bản đồ số 93)	Ngã tư đường vào mỏ đá 42 (thửa đất số 705, tờ bản đồ số 86)	1.510	280	160	
		Ngã tư đường vào mỏ đá 42 (thửa đất số 705, tờ bản đồ số 86)	Cột mốc Km 112 (thửa đất số 395, tờ bản đồ số 86)	1.690	320	160	
		Cột mốc Km 112 (thửa đất số 395, tờ bản đồ số 86)	Cổng qua đường kênh Chính Đông (đường vào chợ 42 cũ thửa đất số 113, tờ bản đồ số 86)	2.006	380	200	
		Cổng qua đường kênh Chính Đông (đường vào chợ 42 cũ thửa đất số 113, tờ bản đồ số 86)	Cầu Krông Buk (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 135)	1.520	280	160	
16	Trục đường chính thôn Phước Lộc 2	Giáp Quốc lộ 26 (thửa đất số 547, tờ bản đồ số 102) thôn Phước Lộc 2	Giáp kênh Chính Tây (thửa đất số 160, tờ bản đồ số 106)	380	260		
		Giáp kênh Chính Tây (thửa đất số 160, tờ bản đồ số 106)	Thửa đất số (thửa đất số 268, tờ bản đồ số 212)	290	260	160	
		Thửa đất số (thửa đất số 268, tờ bản đồ số 212)	Cuối đường giáp mỏ đất (thửa đất số 246, tờ bản đồ số 220)	220	180	160	
17	Trục đường chính thôn Phước Lộc 3	Trường Mạc Thị Bưởi thôn Phước Trạch 2 (thửa đất số 186, tờ bản đồ 96)	Giáp kênh Chính Tây đất ông Võ Quang (thửa đất số 37, tờ bản đồ 96)	290	180	160	
		Trường Mạc Thị Bưởi thôn Phước Trạch 2 (thửa đất số 186, tờ bản đồ 96)	Giáp đất vườn nhà ông Lưu Công Sang (thửa đất số 86, tờ bản đồ 101)	320	220		
		Giáp đất vườn nhà ông Lưu Công Sang (thửa đất số 86, tờ bản đồ 101)	Quốc lộ 26 (sân vận động Phước Lộc 3)	380	260	160	
18	Các tuyến đường còn lại trong các khu dân cư chưa có tên trong bảng giá			128			
19	Đối với các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau			128			
A46	XÃ EA KLY						
1	Chợ Ea Kly (đường quanh chợ lồng)			1.469	490		

2	Đường liên thôn (thôn 3 A đi thôn 11)	Ngã tư thôn 3 A	Hội trường thôn 11	300	180	140	100
3	Đường liên thôn (thôn 3A đi thôn 5A)	Ngã tư thôn 3 A	Ngã tư đập nước thôn 5 A	300	180	140	100
4	Đường liên thôn (thôn 8A đi thôn 9A)	Ngã tư Công ty 719	Cổng văn hoá thôn 6	691	220	140	
		Cổng văn hoá thôn 6	Thôn 9 A (ngã ba nhà văn hoá thôn 9 A)	300	180	100	
5	Đường liên thôn (thôn Bình Minh đi thôn 15)	Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 213	Ngã ba thôn 15 (thửa đất số 363, tờ bản đồ số 206)	300	180	100	
6	Đường liên thôn (thôn Bình Minh đi thôn 18)	Cổng chào thôn Bình Minh	Ngã ba thôn 18 (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 206)	300	180	100	
7	Đường liên thôn thôn 9A	Ngã ba thôn 7 A	Thôn 9 A	600	200	140	
8	Đường liên xã Ea Kly đi xã Ea Ô	Ngã ba thôn 7	Giáp xã Ea Ô	240	180	140	
9	Đường liên xã Ea Kly đi xã Ea Phê	Ngã tư Công ty 719	Cánh đồng thôn 3 A	440	200	160	100
		Cánh đồng thôn 3 A	Ngã tư thôn 3 A	348	180	140	100
		Ngã tư thôn 2 A	Giáp xã Ea Phê	240	180	140	100
10	Đường liên xã Ea Kly đi xã Vụ Bón	Quốc lộ 26 (đường vào UBND xã Ea Kly)	Cổng thủy lợi đập A 2	864	259	216	
		Cổng thủy lợi đập A 2	Ngã ba thôn 7 A	1.469	490		
		Ngã ba thôn 7 A	Ranh giới xã Vụ Bón	518	200	140	100
11	Đường từ km 49 đi thôn 6	Ngã ba Km 49	Thửa 356, tờ bản đồ số 48	404	220	160	100
		Thửa 356, tờ bản đồ số 48	Hết thôn 17	283	180	140	100
		Hết thôn 17	Hội trường thôn 16	172	140	120	100
		Hội trường thôn 16	Nhà văn hoá thôn 5	172	140	120	100
		Nhà văn hoá thôn 5	Ngã ba thôn 6	172	140	120	100
12	Khu vực chợ xã Krông Búk (phía trong chợ)			910			
13	Khu vực sau chợ			389			
14	Quốc lộ 26	Ranh giới xã Ea Phê	Đường vào buôn Mbê	1.386	280		
		Đường vào buôn Mbê	Ngã ba đường vào buôn Ea Oh (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 211)	1.600	640	360	
		Ngã ba đường vào buôn Ea Oh (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 211)	Cổng chào thôn 7 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 201)	1.124	260	180	100
		Cổng chào thôn 7 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 201)	Giáp xã Ea Kar	1.296	432	346	
15	Trục đường chính buôn Krai	Ngã ba đi vào buôn Krai	Cuối đường bê tông (giáp cổng thủy lợi)	300	180	100	
16	Trục đường chính buôn Krông Búk	Ngã ba đi vào buôn Krông Búk	Cuối đường bê tông (thửa đất số 36, tờ bản đồ số 231)	300	180	100	
17	Trục đường chính buôn Krông Pắc	Cổng văn hóa buôn Krông Pắc	Ngã ba thôn 17	340	220	180	100
18	Trục đường chính buôn Mbê	Ngã ba đường vào buôn Mbê	Ngã ba hồ nước	300	220	140	100
19	Trục đường chính thôn 10	Ngã ba đường vào thôn 10	Giáp xã Ea Kar (xã Cư Huê cũ)	300	220	140	100
20	Trục đường chính thôn 10 A	Trạm bơm thủy lợi 719	Hội trường thôn 10 A	404	200	140	

		Hội trường thôn 10 A	Cầu 13/C	340	200	140	
21	Trục đường chính thôn 4	Ngã ba đường vào thôn 4	Đến hết đoạn đường nhựa	328	140	100	
22	Trục đường chính thôn 6 B	Cổng chào thôn 6 B	Ngã ba thôn 17 B	234	140	100	
23	Trục đường chính thôn 8 A	Đập thủy lợi A2	Trường THCS 719	300	180	100	
		Cổng thủy lợi Đập A 2	Trạm bơm thủy lợi 719	346	140	100	
24	Trục đường chính thôn Ea Kung, thôn 5	Ngã ba đường vào thôn 18	Ngã ba thôn Ea Kung và thôn 5	220	180	140	100
25	Đối với các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau			100			
A47	XÃ VỤ BÓN						
1	Đường liên xã Vụ Bón đi xã Cư Pui	Ngã ba (Trường mẫu giáo Sao Mai)	Cổng chào thôn 13 (thửa đất số 245, tờ bản đồ số 162)	720	240	180	100
		Cổng chào thôn 13 (thửa đất số 245, tờ bản đồ số 162)	Cầu suối Nước trong (thửa đất số 285, tờ bản đồ số 165)	440	180	140	100
		Cầu suối Nước trong (thửa đất số 285, tờ bản đồ số 165)	Cầu giữa thôn 10 và thôn 12 (thửa đất số 207, tờ bản đồ số 242)	280	160	120	100
		Cầu giữa thôn 10 và thôn 12 (thửa đất số 207, tờ bản đồ số 242)	Ngã tư thôn 12+300m (thửa đất số 304, tờ bản đồ số 192)	520	220	140	100
		Ngã tư thôn 12+300m (thửa đất số 304, tờ bản đồ số 192)	Ngã ba thôn 9 (thửa đất số 813, tờ bản đồ số 117)	240	160	120	100
		Ngã ba thôn 9 (thửa đất số 813, tờ bản đồ số 117)	Đi xã Cư Pui	160	140	120	100
2	Đường liên xã Vụ Bón đi xã Ea Ô	Ngã ba (trường mẫu giáo Sao Mai)	Ngã ba đường đi Nông trường 719	340	180	140	100
		Ngã ba đường đi Nông trường 719	Đập C10 Nông trường 716	240	160	140	100
		Ngã ba đường đi Nông trường 719	Cầu suối Mây	200	160	120	100
3	Đường liên xã Vụ Bón đi xã Ea Phê	Ngã ba (trường mẫu giáo Sao Mai)	Km 0 + 500m thôn Thăng Quý (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 232)	340	220	140	
		Km 0 + 500m thôn Thăng Quý (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 232)	Cầu suối Nước đục	280	180	140	
4	Đường liên xã Vụ Bón đi xã Tân Tiến	Ngã ba thôn Phú Quý (thửa đất số 695, tờ bản đồ số 232)	Giáp thôn 14 (xã Tân Tiến)	380	180	140	100
		Ngã ba thôn 13 (thửa đất số 557, tờ bản đồ số 162)	Giáp thôn 14 (xã Tân Tiến)	200			
		Ngã tư thôn Đoàn Kết	Giáp thôn 11 (xã Tân Tiến)	220	160	140	100
		Ngã tư thôn Đoàn Kết	Giáp thôn 8 (xã Tân Tiến)	140			
5	Khu trung tâm chợ			920			
6	Đối với các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau			100			
A48	XÃ EA KAR						
1	Quốc lộ 26 (Ea Kmút cũ)	Cầu số 30 - Km 50	Ranh giới thửa đất nhà Ông Võ Đức Hùng (thửa đất số 379, tờ bản đồ số 101)	880	528	352	264
		Ranh giới thửa đất số nhà Ông Võ Đức Hùng (thửa đất số 379, tờ bản đồ số 101)	Ngã ba đường đi thôn Ninh Thanh	1.040	624	416	312
		Ngã ba đường đi thôn Ninh Thanh	Ngã ba đường đi thôn Tứ Lộc	1.440	864	576	432

		Ngã ba đường đi thôn Tứ Lộc	Nghĩa trang Liệt Sĩ	2.640	1.584	1.056	792
		Nghĩa trang liệt sĩ huyện	Cầu 52	2.760	1.656	1.104	828
2	Quốc lộ 26 (Cư Huê cũ)	Cầu số 30 - Km 50	Ranh giới thửa đất nhà Ông Võ Đức Hùng (thửa đất số 379, tờ bản đồ số 101)	880	528	352	264
		Ranh giới thửa đất nhà Ông Võ Đức Hùng (thửa đất số 379, tờ bản đồ số 101)	Ngã ba đường đi thôn Ninh Thanh	1.040	624	416	312
		Ngã ba đường đi thôn Ninh Thanh	Ngã ba đường đi thôn Tứ Lộc	1.440	864	576	432
		Ngã ba đường đi thôn Tứ Lộc	Nghĩa trang liệt sĩ huyện	2.640	1.584	1.056	792
		Nghĩa trang liệt sĩ huyện	Cầu 52	2.760	1.656	1.104	828
3	Nguyễn Tất Thành (Quốc lộ 26)	Cầu 52	Hoàng Văn Thụ	5.600	3.360	2.240	1.680
		Hoàng Văn Thụ	Ngô Gia Tự	6.160	3.696	2.464	1.840
		Ngô Gia Tự	Trần Hưng Đạo	6.720	4.032	2.688	2.016
		Trần Hưng Đạo	Hoàng Diệu	9.200	5.520	3.680	2.760
		Hoàng Diệu	Km 53 (đường phía Đông chợ)	9.520	5.712	3.808	2.856
		Km 53 (đường phía Đông chợ)	Mai Hắc Đế	8.000	4.800	3.200	2.400
		Mai Hắc Đế	Trần Phú	5.600	3.360	2.240	1.680
		Trần Phú	Lê Thánh Tông	4.200	2.520	1.680	1.260
		Lê Thánh Tông	Hết ranh giới Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em	3.920	2.352	1.568	1.176
		Hết ranh giới Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em	Km 54+700 (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 104)	2.700	1.880	1.348	800
4	Quốc lộ 26 (Ea Đar cũ)	Km 54+700 (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 104)	Km 55 + 554 (ngã tư hai buôn)	1.840	1.104	736	552
		Km 55 + 554 (ngã tư hai buôn)	Ngã ba đường vào vùng cà phê 30 ha	960	576	384	288
		Ngã ba đường vào vùng cà phê 30 ha	Km 57	800	480	320	240
		Km 57	Ngã ba đường đi thôn 10	1.320	792	528	396
		Ngã ba đường đi thôn 10	Cổng trường Dân tộc nội trú	1.440	864	576	432
		Cổng trường Dân tộc nội trú	Ngã ba đường vào hội trường thôn Hữu Nghị	1.680	1.008	672	504
		Ngã ba đường vào hội trường thôn Hữu Nghị	Ngã ba thôn Hữu Nghị - Nhà ông Tiễn	1.080	648	432	324
		Ngã ba thôn Hữu Nghị - Nhà ông Tiễn	Ranh giới Ea Kar - Ea Knốp	720	432	288	216
5	Ama Pui	Lê Thị Hồng Gấm	Đỉnh Núp	520	312	208	156
		Đỉnh Núp	Phan Bội Châu	440	264	176	132
6	Ấu Cơ	Hai Bà Trưng	Lê Thị Hồng Gấm	1.200	780	580	
		Lê Thị Hồng Gấm	Đỉnh Núp	720	432	288	216
		Đỉnh Núp	Hết đường	600	360	240	180
7	Bà Triệu	Quang Trung	Trần Hưng Đạo	600	360	240	180
8	Cao Bá Quát	Ngô Gia Tự	Nguyễn Văn Cừ	620	372	248	184
9	Chu Văn An	Nguyễn Tất Thành	Hai Bà Trưng	2.160	1.512	1.080	
10	Đỉnh Núp	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Trãi	740	444	296	224

		Nguyễn Trãi	Mai Hắc Đế	1.120	672	448	336
		Mai Hắc Đế	Trần Phú	1.180	760	560	
11	Đường 13/9 (phía Tây)	Giáp ranh giới đập Nông trường 720	Nguyễn Tất Thành	720	432	288	216
12	Đường 13/9 (Đông)	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Thiệp	Giáp đập Nông trường 720	1.060	636	424	320
13	Đường 720B (Ngô Gia Tự)	Trần Huy Liệu	Nguyễn Văn Cừ	1.120	672	448	336
		Nguyễn Văn Cừ	Giáp đập Nông trường 720	800	480	320	240
14	Đường chợ phía Đông	Quốc lộ 26	Hai Bà Trưng	5.940	4.156	2.968	
15	Đường đi Buôn Thung	Tỉnh lộ ĐT 699	Ngã ba đi đập Ea Ruôi	260	160	120	76
		Ngã ba đi đập Ea Ruôi	Giáp Thôn 13 (xã Ea Đar cũ)	160	120	100	
16	Đường đi Ea Sô (ĐT 691B)	Quốc lộ 26	Sông Krông Năng	400	240	160	120
17	Đường đi liên thôn (đường đi Bãi rác)	Quốc lộ 26	Ngã ba thôn 9 (ranh quy hoạch 857)	340	240	180	120
		Ngã ba thôn 9 (đối diện đất Cty cà phê 52)	Nghĩa trang nhân dân	200	160	140	100
		Nghĩa trang nhân dân	Giáp thôn 9 Ea Kar	120	100	80	60
18	Đường đi thôn 5 Cư Ni đến thôn 23			160	140	120	100
19	Đường đi vùng dự án Cao su Nông trường 720	ĐT 699B	Hết ranh giới trường Nguyễn Bá Ngọc	240	184	136	112
		Hết ranh giới trường Nguyễn Bá Ngọc	Ngã ba đường liên thôn 2 Xuân Phú	180	160	140	120
		Ngã ba đường liên thôn 2 Xuân Phú	Giáp sông Krông Năng	160	152	132	104
20	Đường đi xã Ea Knốp (xã Ea Sar cũ)	Quốc lộ 26	Ranh quy hoạch 857	340	208	136	104
		Ranh quy hoạch 857	Cầu treo	160	140	120	100
21	Đường liên thôn (thôn 4 thị trấn Ea Kar cũ đi xã Ea Đar cũ)	Từ Ngã ba đường Hồ Xuân Hương (nhà ông Vinh Mùi)	Ngã ba thôn 8 (nhà bà Nhẫn)	220	180	140	120
22	Đường liên thôn (trong quy hoạch 857)	Nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng 3 buôn	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hải (Thị hành án)	800	480	320	240
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hải (Thị hành án)	Ngã ba đường Trần Hưng Đạo - Trần Huy Liệu	800	480	320	240
23	Đường liên thôn đi Ninh Thanh	Quốc lộ 26	Ngã tư Trạm Y tế xã Ea Kmút cũ	720	432	288	216
		Ngã tư Trạm Y tế xã Ea Kmút cũ	Hết thửa đất số 66, tờ bản đồ số 85	612	368	244	184
		Hết thửa đất số 66, tờ bản đồ số 85	Ngã tư trạm hạ thế (Nhà bà Vân)	468	280	188	140
		Ngã tư trạm hạ thế (Nhà bà Vân)	Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ số 97	468	280	188	140
		Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ số 97	Hết thửa đất số 352, 353 tờ bản đồ số 33	260	200	180	132
		Hết thửa đất số 352, 353 tờ bản đồ số 33	Hết thửa đất số 210 và 290, tờ bản đồ số 57	200	180	160	120
		Hết thửa đất số 210 và 290, tờ bản đồ số 57	Cầu Ea Ô (thôn 5 B địa phận xã Ea Ô)	160	140	120	100
24	Đường liên thôn đi Tứ Lộc	Quốc lộ 26	Cổng chào buôn Djă	1.040	624	416	312

		Cổng chào buôn Dĩa	Cổng chào thôn Cư Nghĩa	1.060	636	424	320
		Cổng chào thôn Cư Nghĩa	Hết ranh giới đất Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	672	400	268	200
		Hết ranh giới đất Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	Hết ranh giới đất trường Tiểu học Ngô Quyền	340	244	176	140
		Hết ranh giới đất trường Tiểu học Ngô Quyền	Hết đường	220	180	160	128
25	Đường liên xã	Ngã ba đường Trần Phú (nhà bà Vinh- Thủy)	Ngã ba đi đập Ea Ruôi	260	180	160	100
26	Đường Liên xã (thị trấn Ea Kar cũ đi xã Ea Đar cũ)	Ngã ba đập Ea Ruôi	Giáp xã Ea Đar (cũ)	220	180	140	120
		Từ ngã ba đường đi bãi rác (thôn 4)	Giáp xã Ea Đar (cũ)	220	180	140	120
27	Đường liên xã Cư Ni - Ea Ô	Ngã ba (ranh giới thửa đất nhà ông Sơn Bà Chỉ)	Nghĩa địa thôn 23	160			
28	Đường liên xã Ea Kar - Ea Ô (xã Cư Ni cũ - Ea Ô)	Km 0 + 350 (ranh giới xã Cư Ni - thị trấn Ea Kar cũ)	Bà Triệu	2.980	1.788	1.192	896
		Bà Triệu	Km 2 (nhà sinh hoạt cộng đồng 3 buôn)	1.920	1.152	768	576
		Km 2 (nhà sinh hoạt cộng đồng 3 buôn)	Giáp ranh giới chợ xã Cư Ni	1.780	1.068	712	532
		Giáp ranh giới chợ xã Cư Ni	Km 2 + 850 (Ngã ba vào đội 8 Nông trường 720)	1.920	1.152	768	576
		Km 2 + 850 (Ngã ba vào đội 8 Nông trường 720)	Hết nghĩa địa thôn 4 Cư Ni	820	492	328	244
		Hết nghĩa địa thôn 4 Cư Ni	Đường vào trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	800	480	332	252
		Đường vào trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	Đường vào Trạm Y tế Nông trường 721	1.000	600	416	316
		Đường vào Trạm Y tế Nông trường 721	Cầu Ea Ô (giáp ranh giới xã Ea Ô)	480	288	192	144
29	Đường liên xã Ea Kar - Ea Ô (Xã Ea Kmút cũ)	Hết nghĩa địa thôn 4 Cư Ni	Đường vào trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	800	480	332	252
		Đường vào trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	Đường vào Trạm Y tế Nông trường 721	1.000	600	416	316
		Đường vào Trạm Y tế Nông trường 721	Cầu Ea Ô (giáp ranh giới xã Ea Ô)	480	288	192	144
30	Đường liên xã Ea Kar - Ea Pál	Ranh giới xã Ea Knốp - Ea Pál	Ngã ba đường đi Cư Prông	400	240	160	120
		Ngã ba đường đi xã Cư Prông	Hết đất nhà ông Thụng	520	312	208	156
		Hết đất nhà ông Thụng	Ngã tư 714	600	360	240	180
		Ngã tư 714	Hết ranh giới Trường THPT Nguyễn Thái Bình	520	312	208	156
		Hết ranh giới Trường THPT Nguyễn Thái Bình	Ngã ba nhà ông Sóc	220	132	88	68
31	Đường liên xã Ea Kar - Ea Pál (Cư Ni - Ea Pál cũ)	Đường liên xã Cư Ni - Ea Ô	Ngã tư cổng văn hóa thôn 7 Cư Ni	800	480	320	240
		Ngã tư cổng văn hóa thôn 7 Cư Ni	Ngã ba vào thôn Quảng Cư 1 A	600	360	240	180
		Ngã ba vào thôn Quảng Cư 1 A	Ngã ba nhà Hà Văn Bộ	340	204	136	104
		Ngã ba nhà ông Hà Văn Bộ	Ngã tư 714	480	288	192	144
32	Đường Quy hoạch 10m			300			
33	Đường Quy hoạch 13m			308			

34	Đường Quy hoạch 17m			320			
35	Đường Quy hoạch 23m			340			
36	Đường thôn 4 Cư Ni	Ngô Gia Tự	Ngã tư công đoàn Nông trường 720	600	360	240	180
		Ngã tư công đoàn Nông trường 720	Ngã tư sân kho đội 7 Nông trường 720	600	360	240	180
37	Đường từ trạm điện đi thôn 13 Ea Đar	Quốc lộ 26	Ngã ba đi nghĩa trang buôn Tong Sinh	332	200	132	100
		Ngã ba đi nghĩa trang buôn Tong Sinh	Đường nghĩa trang thôn 13	200	120	80	60
38	Đường vào đội 6. thôn 1A	Đường Quang Trung	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hùng (Hẻm 2)	1.000	600	400	300
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hùng	Hết đường	760	456	304	228
39	Hai Bà Trưng	Hoàng Văn Thụ	Hoàng Diệu	2.376	1.660	1.200	720
		Hoàng Diệu	Đường chợ phía Đông	4.320	3.024	2.160	
		Đường chợ phía Đông	Âu Cơ	2.972	2.040	1.480	
40	Hồ Xuân Hương	Trần Phú	Hết ranh giới Trường tiểu học Ngô Thị Nhậm	520	312	208	156
		Hết ranh giới Trường tiểu học Ngô Thị Nhậm	Hết đường	440	264	176	132
41	Hoàng Diệu	Nguyễn Tất Thành	Hai Bà Trưng	5.940	4.156	2.968	
42	Hoàng Văn Thái	Trần Bình Trọng	Trần Hưng Đạo	520	312	208	156
43	Hoàng Văn Thụ	Nguyễn Tất Thành	Hai Bà Trưng	1.900	1.328	948	
		Hai Bà Trưng	Lê Thị Hồng Gấm	1.040	624	416	312
44	Huỳnh Thúc Kháng	Trần Phú	Lê Đức Thọ	520	312	208	156
45	Khu dân cư thôn Hưng Long, thôn Vạn Phúc	Đường quy hoạch từ 6-10m		300			
		khu dân cư Các trục đường còn lại		280			
46	Khu dân cư thôn 2 Cư Ni, thôn 3 Cư Ni, thôn 4 Cư Ni (trừ đường đã có tên)	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		480			
		Đường quy hoạch từ 17m		360			
		Đường quy hoạch từ 13m		320			
		Đường quy hoạch từ 10m		300			
		Các trục đường còn lại		264			
47	Khu dân cư 3 buôn, thôn 1 A, 1 B	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		480			
		Đường quy hoạch 17m		360			
		Đường quy hoạch 13m		320			
		Đường quy hoạch 10m		300			
		Các trục đường còn lại		264			
48	Khu dân cư 6 buôn đồng bào	Đường quy hoạch từ 6 -10m		280			
		Khu dân cư các trục đường còn lại		272			
49	Khu dân cư 6 buôn đồng bào, thôn An Cư (trừ đã có tên đường)	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		304			
		Đường quy hoạch từ 17m		296			
		Đường quy hoạch từ 13m		288			
		Đường quy hoạch từ 10m		280			
		Đường quy hoạch từ 06m		272			

		Các trục đường còn lại		264			
50	Khu dân cư buôn Êga	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		192			
		Đường quy hoạch từ 17m		176			
		Đường quy hoạch từ 13m		168			
		Đường quy hoạch từ 10m		160			
		Đường quy hoạch từ 06m		152			
		Các trục đường còn lại		144			
51	Khu dân cư suối cạn thuộc thôn 6			120			
52	Khu dân cư thôn Đoàn Kết	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		192			
		Đường quy hoạch từ 17m		180			
		Đường quy hoạch từ 13m		168			
		Đường quy hoạch từ 10m		148			
		Đường quy hoạch từ 06m		140			
		Các trục đường còn lại		132			
53	Khu dân cư thôn 1, thôn 7	Đường quy hoạch từ 6 -10m		172			
		Các trục đường còn lại		164			
54	Khu dân cư thôn 10 Cư Ni, thôn Ea Sinh 1, Ea Sinh 2	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		100			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		80			
		Các trục đường còn lại		60			
55	Khu dân cư thôn 11, thôn 12 Cư Ni	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		180			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		152			
		Các trục đường còn lại		120			
56	Khu dân cư thôn 12	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		136			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		96			
		Các trục đường còn lại		80			
57	Khu dân cư thôn 2 Xuân Phú, thôn 7 Xuân Phú	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		144			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		120			
		Các trục đường còn lại		96			
58	Khu dân cư thôn 2, thôn 3	Đường quy hoạch từ 6 -10m		252			
		khu dân cư Các trục đường còn lại		244			
59	Khu dân cư thôn 5 Cư Ni và thôn 6 Cư Ni	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		180			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		140			
		Các trục đường còn lại		100			
60	Khu dân cư thôn 5 và thôn Hợp Thành	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		96			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		80			

		Các trục đường còn lại		60			
61	Khu dân cư thôn 5, buôn Suk và buôn Tong Sinh	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		340			
		Đường quy hoạch từ 17m		332			
		Đường quy hoạch từ 13m		324			
		Đường quy hoạch từ 10m		316			
		Đường quy hoạch từ 06m		308			
		Các trục đường còn lại		300			
62	Khu dân cư thôn 6	Đường quy hoạch từ 6 -10m		124			
		Các trục đường còn lại		116			
63	Khu dân cư Thôn 6, thôn 9 Ea Đar và thôn 10, thôn 15 Ea Đar	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		332			
		Đường quy hoạch từ 17m		240			
		Đường quy hoạch từ 13m		200			
		Đường quy hoạch từ 10m		120			
		Các trục đường còn lại		100			
64	Khu dân cư thôn 7 Cư Ni, thôn 8 Cư Ni, thôn 9 Cư Ni	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		180			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		140			
		Các trục đường còn lại		100			
65	Khu dân cư thôn 7, thôn 8, thôn Hữu Nghị, thôn 1, thôn 2 và thôn 14	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		332			
		Đường quy hoạch từ 17m		300			
		Đường quy hoạch từ 13m		240			
		Đường quy hoạch từ 10m		160			
		Các trục đường còn lại		120			
66	Khu dân cư thôn 8, thôn 9, thôn 10	Đường quy hoạch từ 06m		120			
		Các trục đường còn lại		108			
67	Khu dân cư thôn Chư Cúc	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		200			
		Đường quy hoạch từ 17m		188			
		Đường quy hoạch từ 13m		180			
		Đường quy hoạch từ 10m		152			
		Đường quy hoạch từ 06m		144			
		Các trục đường còn lại		140			
68	Khu dân cư thôn Cư An, Hợp Thành	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		176			
		Đường quy hoạch từ 17m		168			
		Đường quy hoạch từ 13m		160			
		Đường quy hoạch từ 10m		152			
		Đường quy hoạch từ 06m		144			
		Các trục đường còn lại		136			
69	Khu dân cư thôn Cư Nghĩa	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		144			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		136			

		Các trục đường còn lại		104			
70	Khu dân cư thôn Ninh Thanh 1	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		192			
		Đường quy hoạch từ 17m		180			
		Đường quy hoạch từ 13m		156			
		Đường quy hoạch từ 10m		148			
		Đường quy hoạch từ 06m		140			
		Các trục đường còn lại		132			
71	Khu dân cư thôn Ninh Thanh 2	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		136			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		96			
		Các trục đường còn lại		80			
72	Khu dân cư thôn Quảng Cư 1 A, Quảng Cư 1 B, Quảng Cư 2	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		120			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		104			
		Các trục đường còn lại		80			
73	Khu trụ sở cơ quan xã Ea Kar (thôn 6 và thôn 9)	Đường quy hoạch từ 17m trở lên		2.320	1.392	928	696
		Đường quy hoạch dưới 17m		1.920	1.152	768	576
74	Khu trung tâm hành chính mới xã Ea Kar (Thôn 6 và thôn 9)	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		1.000	600	400	300
		Đường quy hoạch dưới 20m		800	480	320	240
75	Khu vực các Buôn Tong Kroa, Tân Tiến, Ea Kung, Đồng Tâm, Tân Lộc	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		100			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		80			
		Các trục đường còn lại		60			
76	Khu vực các thôn 1 Ea Kmút, thôn 2 Ea Kmút, Thôn 3 Ea Kmút, Thôn 4 Ea Kmút (721)	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		136			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		96			
		Các trục đường còn lại		80			
77	Khu vực các thôn 22, thôn 23 (trừ đã có tên đường)	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		100			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		80			
		Các trục đường còn lại		60			
78	Khu vực các thôn Điện Biên 1, Điện Biên 2, Điện Biên 3	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		80			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		72			
		Các trục đường còn lại		60			
79	Khu vực các thôn Tứ Xuân, Sơn Lộc, Đoàn Kết 2	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		160			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		140			
		Các trục đường còn lại		104			
80	Khu vực các thôn: thôn 1 Xuân Phú, 3 Xuân Phú, 4 Xuân Phú	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		160			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		140			
		Các trục đường còn lại		96			

81	Khu vực các thôn: thôn Hàm Long, Hạ Điền, Suối Cát, Trung Nguyên, Trung Hòa, Thanh Phong, Thanh Ba, Cao Sơn	Đường quy hoạch từ 13m trở lên		88			
		Đường quy hoạch từ 6 đến dưới 13m		72			
		Các trục đường còn lại		60			
82	Khu vực thôn 3, thôn 4, thôn 11, thôn 13, thôn 16	Đường quy hoạch từ 20m trở lên		120			
		Đường quy hoạch từ 17m		112			
		Đường quy hoạch từ 13m		104			
		Đường quy hoạch từ 10m		96			
		Các trục đường còn lại		88			
83	Kim Đồng	Trần Hưng Đạo	Trần Thánh Tông	1.200	720	480	360
84	Lạc Long Quân	Trần Hưng Đạo	Trần Bình Trọng	1.040	624	416	312
85	Lê Đại Hành	Nguyễn Tất Thành	Lê Thị Hồng Gấm	480	288	192	144
		Lê Thị Hồng Gấm	Hết đường	2.720	1.904	1.360	
86	Lê Hồng Phong	Lê Thị Hồng Gấm	Đinh Núp	640	384	256	192
		Đinh Núp	Phan Bội Châu	500	300	200	152
87	Lê Lợi	Nguyễn Tất Thành	Lê Thị Hồng Gấm	1.296	908	648	
		Lê Thị Hồng Gấm	Trần Quang Khải	740	444	296	224
88	Lê Quý Đôn	Hai Bà Trưng	Đinh Núp	640	384	256	192
		Đinh Núp	Nguyễn Thị Minh Khai	500	300	200	152
89	Lê Thánh Tông	Nguyễn Tất Thành	Huỳnh Thúc Kháng	600	360	240	184
90	Lê Thị Hồng Gấm	Hoàng Văn Thụ	Nguyễn Trãi	1.200	780	580	
		Nguyễn Trãi	Âu Cơ	1.800	1.080	720	540
		Âu Cơ	Mai Hắc Đế	1.600	960	640	480
		Mai Hắc Đế	Mạc Đĩnh Chi	1.800	1.080	720	540
		Mạc Đĩnh Chi	Trần Phú	2.000	1.400	1.000	
		Trần Phú	Đường xuyên qua Trần Quang Khải	1.000	600	400	300
		Đường xuyên qua Trần Quang Khải	Lê Đại Hành	740	444	296	224
91	Lương Thế Vinh	Nguyễn Văn Trỗi	Phạm Ngũ Lão	520	312	208	156
92	Lý Thường Kiệt	Trần Hưng Đạo	Quang Trung	1.600	960	640	480
93	Mạc Đĩnh Chi	Nguyễn Tất Thành	Lê Thị Hồng Gấm	1.200	780	580	
		Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Chí Thanh	1.000	600	400	300
94	Mạc Thị Bưởi	Ngô Gia Tự	Nguyễn Văn Cừ	580	348	232	176
95	Mai Hắc Đế	Nguyễn Tất Thành	Lê Thị Hồng Gấm	2.268	1.584	1.132	
		Lê Thị Hồng Gấm	Đinh Núp	1.400	980	700	
		Đinh Núp	Phan Bội Châu	800	480	320	240
96	Ngô Gia Tự	Nguyễn Tất Thành	Cổng thoát nước ở phía Nam Nhà máy nước đá	2.800	1.960	1.400	
		Cổng thoát nước ở phía Nam Nhà máy nước đá	Phạm Ngũ Lão	2.040	1.428	1.020	
		Phạm Ngũ Lão	Trần Huy Liệu	1.400	980	700	
		Trần Huy Liệu	Nguyễn Văn Cừ	1.120	672	448	336

		Nguyễn Văn Cừ	Giáp đập Nông trường 720	800	480	320	240
97	Ngô Quyền	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Trãi	600	360	240	184
		Nguyễn Trãi	Mai Hắc Đế	660	396	264	200
		Mai Hắc Đế	Trần Phú	720	432	288	216
98	Nguyễn Bình Khiêm	Ngô Gia Tự	Nguyễn Văn Cừ	540	324	216	160
99	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Trãi	660	396	264	200
		Nguyễn Trãi	Mai Hắc Đế	720	432	288	216
		Mai Hắc Đế	Trần Phú	756	452	280	
100	Nguyễn Công Trứ	Lê Thị Hồng Gấm	Đinh Núp	520	312	208	156
		Đinh Núp	Nguyễn Thị Định	440	264	176	132
101	Nguyễn Du	Trần Quang Khải	Lê Đại Hành	480	288	192	144
102	Nguyễn Khuyến	Trần Bình Trọng	Trần Hưng Đạo	520	312	208	156
103	Nguyễn Thái Học	Ngô Gia Tự	Nguyễn Văn Cừ	540	324	216	160
104	Nguyễn Thị Định	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Trãi	440	264	176	132
		Nguyễn Trãi	Trần Phú	520	312	208	156
105	Nguyễn Thị Minh Khai	Hai Bà Trưng	Lê Thị Hồng Gấm	1.000	600	400	300
		Lê Thị Hồng Gấm	Đinh Núp	800	480	320	240
		Đinh Núp	Nguyễn Thị Định	600	360	240	180
		Nguyễn Thị Định	Tỉnh lộ 3 (Km 2)	440	264	176	132
106	Nguyễn Trãi	Hai Bà Trưng	Lê Thị Hồng Gấm	2.160	1.512	1.080	
		Lê Thị Hồng Gấm	Đinh Núp	1.800	1.080	720	540
		Đinh Núp	Nguyễn Thị Định	1.200	780	580	
107	Nguyễn Tri Phương	Nguyễn Bình Khiêm	Nguyễn Văn Cừ	620	372	248	184
108	Nguyễn Văn Cừ (vành đai cũ)	Nguyễn Bình Khiêm	Nguyễn Thái Học	580	348	232	176
		Nguyễn Thái Học	Ngô Gia Tự	600	360	240	180
109	Nguyễn Văn Trỗi	Trần Hưng Đạo	Lương Thế Vinh	600	360	240	180
110	Phạm Ngũ Lão	Ngô Gia Tự	Trần Hưng Đạo	720	432	288	216
111	Phan Bội Châu	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Trãi	440	264	176	132
		Nguyễn Trãi	Mai Hắc Đế	480	288	192	144
		Mai Hắc Đế	Trần Phú	520	312	208	156
112	Quang Trung	Nguyễn Tất Thành	Lý Thường Kiệt	4.600	3.200	2.280	
		Lý Thường Kiệt	Km 0 + 350 (ngã ba đi đội 6, thôn 1A - xã Cư Ni)	3.900	2.700	1.948	
		Km 0 + 350 (ngã ba đi đội 6, thôn 1 A - xã Cư Ni)	Bà Triệu	2.980	2.128	1.520	
113	Tỉnh lộ ĐT 699	UBND xã Xuân Phú cũ	Đường đi vào vùng dự án Cao su Nông trường 720	500	300	200	152
		Đường đi vào vùng dự án Cao su Nông trường 720	Ranh giới xã Ea Kar - xã Phú Xuân	400	280	180	136
114	Tỉnh lộ ĐT 699	Ranh thị trấn Ea Kar cũ	Hết ranh giới UBND xã	540	324	216	160
		Hết ranh giới UBND xã	Đường đi vùng dự án Cao su Nông trường 720	500	300	200	152
		Đường đi vùng dự án Cao su Nông trường 720	Ranh giới xã Ea Kar - Xã Phú Xuân	400	280	200	160
115	Trần Bình Trọng	Lạc Long Quân	Bà Triệu	920	560	400	
116	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Tất Thành	Y Thuyền Ksor	4.320	3.024	2.160	

		Y Thuyền Ksor	Trần Huy Liệu	2.240	1.540	1.100	
117	Trần Huy Liệu	Trần Hưng Đạo	Ngô Gia Tự	720	432	288	216
		Trần Hưng Đạo	Ngô Gia Tự	720	432	288	216
118	Trần Nhân Tông	Cao Bá Quát	Nguyễn Văn Cừ	600	360	240	180
119	Trần Phú	Nguyễn Tất Thành	Lê Thị Hồng Gấm	3.240	2.268	1.620	
		Lê Thị Hồng Gấm	Hồ Xuân Hương	2.440	1.708	1.220	
		Hồ Xuân Hương	Hết Km 1	1.600	960	640	480
		Hết Km 1	Hết cây xăng Nam Tây Nguyên	720	432	288	216
		Hết cây xăng Nam Tây Nguyên	Đường hẻm (hết ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn Nhung - Lên)	600	360	240	180
		Đường hẻm (Hết ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn Nhung - Lên)	Hết đường	640	384	256	192
120	Trần Quang Khai	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Trãi	600	360	240	180
		Nguyễn Trãi	Trần Phú	720	432	288	216
		Trần Phú	Hết ranh giới đất hội trường thôn 4	600	360	240	180
		Hết ranh giới đất hội trường thôn 4	Lê Đại Hành	480	288	192	144
121	Trần Thánh Tông	Lý Thường Kiệt	Lạc Long Quân	1.200	780	580	
122	Tuyến đường chính thôn Hạ Điền. Thanh Phong. Thanh Ba	Hạ Điền	Cầu đi xã Ea Sar	100	72	56	
123	Tuyến đường chính thôn Hàm Long	Giáp sông Krông Năng	Giáp xã Phú Xuân	120	100	80	
124	Võ Thị Sáu	Cao Bá Quát	Nguyễn Văn Cừ	420	252	168	128
125	Y Ngông	Nguyễn Tất Thành	Đinh Núp	1.040	624	416	312
		Đinh Núp	Phan Bội Châu	720	432	288	216
126	Y Thuyền Ksor	Ngô Gia Tự	Trần Hưng Đạo	720	432	288	216
		Trần Hưng Đạo	Trần Bình Trọng	600	360	240	184
		Trần Bình Trọng	Quang Trung	600	360	240	184
127	Đối với các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau			60			
A49	XÃ EA Ô						
1	Đường D10	Ngã ba Nông trường 716	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Chuyển	440	288	176	132
2	Đường liên thôn (thôn 1 đến thôn 6 C)	Ngã ba cây chay	Hết khu tái định cư số 1	100	64	48	
		Hết khu tái định cư số 1	Ngã ba nhà ông Võ	64	48		
		Ngã ba ông Cảnh	Ngã ba hội trường thôn 6 C	80	60	48	
3	Đường liên thôn 2A-2C	Đường xã Ea Ô - Ea Păl (đất nhà ông Bùi Văn Hiến)	Ngã tư kiểm lâm	80	60	48	
		Đường liên xã Ea Ô - Ea Păl (hội trường thôn 2 A)	Ngã ba nhà ông Ngô Văn Hải	100	64	48	
4	Đường liên thôn 6B Cư Elang	Ngã ba nhà ông Võ	Đường vào nhà ông Quyết	80	52		
		Đường vào nhà ông Quyết	Đập Ea Rốt	60	48		
5	Đường liên xã Ea Kar - Ea Ô (Cư Nĩ - Ea Ô cũ)	Cầu Ea Ô	Ngã ba Nông trường 716	1.400	912	560	420
		Ranh giới thửa đất nhà bà Chi	Nghĩa địa thôn 23 - xã Ea Kar	200	132	80	60

6	Đường liên xã Ea Ô - Ea Kar (xã Ea Ô - Ea Kmút cũ)	Ngã ba ông Hành	Đường N7 (sau trường THCS Phan Đình Phùng)	3.320	2.160	1.328	996
		Đường N7 (sau trường THCS Phan Đình Phùng)	Cầu Điện Biên (xã Ea Kar)	120	80	48	
7	Đường liên xã Ea Ô - Ea Păl	Ngã ba Nông trường 716	Hết ranh giới UBND xã Ea Ô	1.400	912	560	420
		Hết ranh giới đất UBND xã Ea Ô	Ngã ba bà Chi	800	520	320	240
		Ngã ba bà Chi	Ngã ba lò gạch	480	312	192	144
		Ngã ba Lò Gạch	Ngã ba ông Sóc	160	104	64	48
		Ngã ba Ông Sóc	Giáp xã Cư Yang (xã Cư Bông cũ)	96	64	48	
8	Đường liên xã Ea Ô - Vụ Bón (Ea Ô - Nông trường 718 cũ)	Ngã ba Nông trường 716	Ngã ba cây xăng Nông trường 716	5.032			
		Ngã ba cây xăng Nông trường 716	Ngã ba đường đi xã Ea Kar (Ngã ba ông Hành)	6.000			
		Ngã ba đường đi xã Ea Kar (Ngã ba ông Hành)	Đầu ranh giới đất hội trường thôn 14	280	184	112	84
		Đầu ranh giới đất hội trường thôn 14	Giáp ranh giới xã Vụ Bón	160	104	64	48
9	Đường N2 (khu vực đấu giá)			1.200	780	480	360
10	Đường N3, D14	Đường xã Ea Ô (xã Ea Ô - Cư Elang cũ)	Đường vào kho Công ty 716	3.320	2.160	1.328	996
		Đường vào kho Công ty 716	Đường D10	600	392	240	180
11	Đường thôn 7 B	Đường xã Ea Ô (xã Ea Ô - Cư Elang cũ) (Ngã ba Hiền Sự)	Giáp suối lờ (xã Cư Elang cũ)	100	64	48	
12	Đường vào kho Công ty 716	Tỉnh lộ 12 A	Kho Công ty 716	1.000	652	400	300
13	Đường xã Ea Ô (xã Ea Ô - Cư Elang cũ)	Khu vực đất đấu giá phía Tây chợ giáp nhà Văn hóa xã	Đường D14	3.320	2.160	1.328	996
		Đường D14	Giáp ranh giới cánh đồng lúa nước 716	800	520	320	240
		Giáp ranh giới cánh đồng lúa nước 716	Hết thôn 9, xã Ea Ô (Giáp xã Cư Elang cũ)	120	80	48	
		Cầu thôn 4, thôn 6 B	Giáp ranh giới thôn 6C (xã Cư Elang cũ)	120	80	48	
14	Đường xã Ea Ô (xã Ea Ô - Cư Elang cũ)	Giáp xã Ea Ô	Ngã ba nhà ông Cảnh	60	40	24	20
		Ngã ba nhà ông Cảnh	Cầu buôn Ea Rót	164	108	64	48
		Cầu buôn Ea Rót	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trọng	84	56	48	
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trọng	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Võ	96	64	48	
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Võ	Hết ranh giới làng mới (hết ranh giới thửa đất số 01, tờ bản đồ 117 cả hai bên đường)	60	48		
		Hết ranh giới làng mới (hết ranh giới thửa đất số 01, tờ bản đồ 117 cả hai bên đường)	Ngã ba nhà ông Minh	60	48		
		Ngã ba nhà ông Minh	Ngã ba (trạm Kiểm lâm cũ)	60	48		
		Ngã ba (trạm Kiểm lâm cũ)	Thôn 6A - xã Ea Ô	52	48		
		Trạm Kiểm lâm cũ	Ngã ba thôn 4 và thôn 2 C- Ea Ô	48	44		
15	Đường xã số 4 (Cư Elang - Ea Ô cũ)	Từ thôn 6 A - xã Ea Ô	Ngã ba hội trường thôn 6C (xã Cư Elang cũ)	56	48		

		Ngã ba hội trường thôn 6 C (xã Cư Elang cũ)	Khu khai hoang cánh đồng lúa nước	52	48		
16	Khu dân cư thôn 8 và Thôn 12			140	92	56	48
17	Khu dân cư Trung tâm xã			280	184	112	84
18	Khu vực các thôn 1A, 1 B, 2 A, 2 B, 2 C, 9			60	48		
19	Khu vực các thôn 3 A, 3 B, 4, 5, 6A, 6 B, 7 A, 7 B, 10, 11, 14			60	48		
20	Khu tái định cư số 1 (Thôn Yang San)			80	60		
21	Khu vực các thôn 2, 3, thôn 4 Cư Elang, 6 E, 6 D, Ea Rót, Văn Kiêu			60	48		
22	Đối với các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau			48			
A50	XÃ EA KNÓP						
1	Chu Huy Mân	Phan Chu Trinh	Hùng Vương	120	84	60	48
2	Đình Tiên Hoàng	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Trần Đại Nghĩa	360	252		
		Trần Đại Nghĩa	Võ Nguyên Giáp (nhà ông Sơn Long)	184	128		
3	Đoàn Khuê	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Hết đường	120	84	60	48
4	Đường bê tông có độ dài khoảng 100m (sau Ngăn hàng BIDV Đông Đắk Lắk)	Đường Phan Chu Trinh	Ngã tư đường bê tông (khu vực đã bán đấu giá)	2.280	1.596		
5	Đường liên xã đi Ea Pál	Km 68 Quốc lộ 26	Hết ranh giới đất Trường Tô Hiệu	300	208	148	120
		Hết ranh giới đất Trường Tô Hiệu	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Bình (thôn Trung Hòa)	144	100	72	56
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Bình (thôn Trung Hòa)	Cổng chào thôn Quyết Tiến 1	108	80	64	48
		Cổng chào thôn Quyết Tiến 1	Hết thửa đất nhà ông Nhữ Văn Phức	116	84	68	52
		Hết thửa đất nhà ông Nhữ Văn Phức	Ranh giới xã Ea Pál	88	68	56	48
6	Đường Nguyễn Đình Thi	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Đường phía Bắc chợ Bình Minh	400	280		
		Đường phía Bắc chợ Bình Minh	Đập số 01	176	123		
		Đập số 01	Hết đường	100	68		
7	Đường phía Bắc chợ	Nguyễn Đình Thi	Đường phía Tây chợ	260	180		
8	Đường phía Tây chợ	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Đường phía Bắc chợ Bình Minh	400	280		
9	Đường vào xã Cư Yang	Đập nước	Cổng văn hóa Thôn 6 B	260	180	128	104
		Cổng văn hóa thôn 6 B	Ranh giới đường vào hội trường thôn 9	220	152	108	88
		Ranh giới đường vào hội trường thôn 9	Ranh giới Ea Knốp - Ea Pál	172	120	88	68
10	Đường xã (đi Ea Sô cũ)	Km 66 Quốc lộ 26	Ngã ba trạm điện (thôn An Bình)	108	80	64	48
		Ngã ba trạm điện (thôn An Bình)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Thịnh	88	68	56	48
11	Đường xã (Ea Sô đi xã Ea Tih cũ)	Ngã ba nối đường ĐH 07.15 trung tâm xã	Hết ranh giới nhà máy sản xuất gạch, ngói không nung	80	64	48	
		Hết ranh giới nhà máy sản xuất gạch, ngói không nung	Cầu Ea Sô đi xã Ea Tih cũ	60	52	44	
12	DX_01 (Xã Ea Sar cũ)	Cầu sông Krông Năng	Ngã ba nhà máy sợi Tài Anh Đường	192	132	116	76
		Ngã ba nhà máy sợi Tài Anh Đường	Hết cổng trường Cao Bá Quát	120	84	72	48

		Hết cổng trường Cao Bá Quát	Ngã ba đường đi đập Bằng Lăng	232	160	140	92
		Ngã ba đường đi đập Bằng Lăng	Ranh giới Ea Sô cũ - Ea Sar cũ	116	84	68	52
13	DX_01 (Xã Ea Sô cũ)	Đường đi thôn 6 ranh giới 2 xã Ea Sar và xã Ea Sô	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Bảy Lý	112	80	64	44
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Bảy Lý	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hùng Thủy	152	108	84	60
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hùng Thủy	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nhân	108	76	56	44
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nhân	Ngã ba thôn Ea Sô 1	144	100	80	60
14	Hải Thượng Lân Ông	Tôn Đức Thắng	Tôn Thất Tùng	300	208	148	112
15	Hàm Nghi	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Phan Chu Trinh	300	208	148	112
16	Hùng Vương (đường đi thôn 5, thôn 10)	Nguyễn Văn Linh	Văn Tiến Dũng (ngã ba công văn hóa thôn 10)	280	196	140	112
		Văn Tiến Dũng (ngã ba công văn hóa thôn 10)	Cổng văn hóa thôn 5	180	124	88	72
		Cổng văn hóa thôn 5	Hết đường	100	68	56	44
17	Khu dân cư các thôn Ea Sar 1, Ea Sar 3, Ea Sar 4, Ea Sar 8, thôn 6, Ea Sar 9, Ea Sar 10 và buôn Ea Sar			44			
18	Khu dân cư các thôn Ea Sar 2, thôn Ea Sar 5			48			
19	Khu dân cư Đoàn Kết 1, Trung Tâm, Trung An, Trung Hòa			68			
20	Khu dân cư Thôn 1			152			
21	Khu dân cư Thôn 2, 3, 6 A, 6 B, 7, 8, 9, 12, 14			100			
22	Khu dân cư Thôn 4, 5			128			
23	Khu dân cư thôn Đoàn Kết 2, Quyết Thắng 1, Quyết Thắng 2, An Bình			64			
24	Khu vực các thôn Ea Sô 1, thôn Ea Sô 2, thôn Ea Sô 4, thôn Ea Sô 5, buôn Ana Săn, buôn Ea Brăh, Ea Puk			44			
25	Khu vực các thôn Trung An, Quyết Tâm, Đồng Tâm, Quyết Thắng 1, Quyết Thắng 2, Tiến Đông			60			
26	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Ranh giới xã Ea Kar - Ea Knốp	Phạm Hồng Thái (Km 62 + 700)	720	504	360	288
		Phạm Hồng Thái (Km 62 + 700)	Lê Trọng Tấn (Km 63)	1.200	840	600	480
		Lê Trọng Tấn (Km 63)	Nguyễn Đình Chiêu (Km 63 + 400 - quán nhà bà Mười)	1.780	1.244	888	712
		Nguyễn Đình Chiêu (Km 63 + 400)	Hàm Nghi (đường vào thôn 3)	2.500	1.748	1.248	1.000
		Hàm Nghi (đường vào thôn 3)	Tôn Đức Thắng (Hết Công viên 22-12)	2.920	2.044	1.460	1.168
		Tôn Đức Thắng (Hết Công viên 22-12)	Nguyễn Sơn (Km 64)	2.500	1.748	1.248	1.000
		Nguyễn Sơn (Km 64)	Đình Tiên Hoàng (cổng văn hóa thôn 4 B)	1.600	1.120	800	640
		Đình Tiên Hoàng (cổng văn hóa thôn 4B)	Lý Thái Tổ (Cổng văn hóa thôn 4 B)	1.560	1.092	780	624
		Lý Thái Tổ (Cổng văn hóa thôn 4 B)	Ranh giới Ea Knốp - Ea Tih cũ	960	672	480	384
27	Lê Trọng Tấn	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Hết đường	100	68	56	44
28	Lý Nam Đế (đường bên cạnh Bưu điện)	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Trần Đại Nghĩa	440	308	220	176
		Trần Đại Nghĩa	Vô Nguyên Giáp (ngã tư nhà ông Lâm - Liễu)	240	168	120	96

29	Lý Thái Tổ	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Trần Đại Nghĩa	300	208		
		Trần Đại Nghĩa	Xưởng Điều 333	152	108		
30	Nguyễn Đình Chiêu	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Hết đường	100	68	56	44
31	Nguyễn Hữu Thọ	Hàm Nghi	Hết đường	152	108	76	60
32	Nguyễn Sơn	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Trần Đại Nghĩa	276	192	144	112
		Trần Đại Nghĩa	Võ Nguyên Giáp	152	108	76	60
33	Nguyễn Văn Linh (đường vào xã Cư Yang)	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Hết ranh giới Ngân hàng BIDV chi nhánh Ea Knốp	3.000	1.800		
		Hết ranh giới Ngân hàng BIDV chi nhánh Ea Knốp	Võ Nguyên Giáp (đường vào Nhà máy đường)	1.800	1.080	640	320
		Võ Nguyên Giáp (đường vào Nhà máy đường)	Đường vào cơ khí cũ (thôn 1)	520	364	260	208
		Đường vào cơ khí cũ	Đập nước (thôn 1)	328	228	164	128
34	Phạm Hồng Thái (đường vào bãi vàng)	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Ngã ba đường vào thôn 2	192	136	96	76
		Ngã ba đường vào thôn 2	Hết nhà bà Ký	172	120	92	68
35	Phạm Hùng	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Ngã ba nhà ông Trần Giang Thi	128	88		
		Ngã ba nhà ông Trần Giang Thi	Đền cầu nhà ông Quốc	100	68		
36	Phan Chu Trinh	Nguyễn Văn Linh	Hàm Nghi	2.280	1.596	1.140	912
		Hàm Nghi	Chu Huy Mân	840	588	420	336
		Chu Huy Mân	Hết đường	400	280	200	160
37	Quốc lộ (26 Ea Tih)	Ranh giới thôn 8 - Quyết Thắng 1 - Quyết thắng 2	Km 67 + 700 (nhà ông Bảy Tuấn)	640	448	320	256
		Km 67 + 700 (nhà ông Bảy Tuấn)	Km 68 + 500 (nhà ông Tân Nhung)	800	560	400	320
		Km 68 + 500 (nhà ông Tân Nhung)	Km 69 + 400	440	308	220	176
		Km 69 + 400	Ranh giới xã Ea Knốp - xã Cư Prao	340	220	160	136
38	Quốc lộ 29 (Xã Ea Sar cũ)	Ranh giới Ea Sô cũ - Ea Sar cũ	Ngã tư nhà Lương Thanh Giáo	52	48	46	44
		Ngã tư nhà Lương Thanh Giáo	Hết ranh giới Ea Knốp - Phú Xuân	88	68	56	48
39	Quốc lộ 29 (Xã Ea Sô cũ)	Đường vào nhà ông Nguyễn Văn Quynh	Cầu sông Ea Dăh	112	80	64	44
		Quốc lộ 29B (từ đất nhà bà Trương Thị Phương)	Hết nhà ông Nguyễn Văn Quynh	200	120	80	68
		Hết nhà ông Nguyễn Văn Quynh	Hết ranh giới nhà ông Đờn	120	84	68	48
		Hết ranh giới nhà ông Đờn	Đầu ranh giới nhà ông Sùng Chí Thanh	60	52	44	
		Đầu ranh giới nhà ông Sùng Chí Thanh	Hết đất nhà ông Hờ A Chú	60	56	52	
		Hết đất nhà ông Hờ A Chú	Giáp ranh giới xã Ea Sar	56	52	48	
40	Tăng Bạt Hổ	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Hội trường thôn 13	100	68	56	44
41	Tôn Đức Thắng (đường vào UBND xã)	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Võ Nguyên Giáp	248	172	124	96
		Võ Nguyên Giáp	Hết đường	180	124	88	72
42	Tôn Thất Thuyết	Nguyễn Văn Linh	Tôn Đức Thắng	152	108	76	60
		Tôn Đức Thắng	Hết đường	120	84	60	48
43	Tôn Thất Tùng (đường bùng binh)	Nguyễn Văn Linh	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	1.560			
		Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Võ Nguyên Giáp (thôn 1)	520			

44	Trần Đại Nghĩa (đường liên thôn 1.thôn 4a. Thôn 4b)	Tôn Đức Thắng	Lý Thái Tổ	152	108	76	60
		Lý Thái Tổ	Trần Quang Diệu (phía đông trường Nguyễn Trãi)	100	68	56	44
45	Trần Kiên	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Trần Đại Nghĩa	260	180	128	104
		Trần Đại Nghĩa	Hết đường	152	108	76	60
46	Trần Quang Diệu (phía đông trường Nguyễn Trãi)	Lê Duẩn (Quốc lộ 26)	Trần Đại Nghĩa	152	108	76	60
		Trần Đại Nghĩa	Hết đường	112	108	76	60
47	Trần Quốc Toàn (đường đi đập Ea K' nốp)	Nguyễn Văn Linh	Chu Huy Mân (sau lưng trường Hùng Vương)	240	168	120	96
		Chu Huy Mân (sau lưng trường Hùng Vương)	Ngã ba sân bóng đá Mini Hải Kiều	128	88	64	52
		Ngã ba sân bóng đá Mini Hải Kiều	Hết đường	100	68	56	44
48	Văn Tiến Dũng	Hùng Vương	Hết đường	112	76	56	44
49	Võ Nguyên Giáp	Nguyễn Văn Linh	Lý Nam Đế	160	112	80	64
50	Đối với các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau			44			
A51	XÃ CƯ YANG						
1	Đường DX_01	Ranh giới Ea Păl - Cư Yang	Ranh giới thôn 1 và thôn 2	100	72	52	44
		Ranh giới thôn 1 và thôn 2	Cầu C13	132	92	64	56
		Cầu C13	Hết ranh giới đất Trại Y tế xã (Cư Yang cũ)	200	144	104	88
		Hết ranh giới đất Trại Y tế xã (Cư Yang cũ)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Võ Hoàng Lan	320	224	160	140
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Võ Hoàng Lan	Cầu thôn 6	368	256	184	160
		Cầu thôn 6	Cầu thôn 9	76	64	56	
		Cầu thôn 9	Hết thôn 14	52	48	44	
2	Đường DX_02	Cầu qua sông Krông Păk	Ngã ba nhà ông Hoàn	68	60	52	44
		Ngã ba nhà ông Hoàn	Hết ranh giới đất Đài tưởng niệm	104	72	60	48
		Hết ranh giới đất Đài tưởng niệm	Hết ranh giới đất trường THCS Phan Đăng Lưu	80	68	60	52
		Hết ranh giới đất trường THCS Phan Đăng Lưu	Giáp buôn Trưng	56	52	48	44
3	Đường DX_03	Ngã ba thôn 9 (hết ranh giới thửa đất nhà bà Phạm Thị Quế)	Ranh giới xã Cư Yang - xã Krông Á	52	48	44	
4	Đường liên thôn	Ngã ba nhà ông Hoàn	Hết ranh giới đất Trường tiểu học Lý Thường Kiệt	80	68	60	52
		Hết ranh giới đất Trường tiểu học Lý Thường Kiệt	Ranh giới thửa đất nhà ông Phan Thanh Tính	64	56	48	
5	Khu dân cư thôn 5, 6			60	44		
6	Khu tái định cư số 2 (thôn Tân Thành)			72	52		
7	Khu vực các thôn, buôn còn lại			44			
8	Đối với các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau			44			
A52	XÃ EA PĂL						
1	Đường đi cánh đồng Hợp tác xã Nông trường 714	Ngã ba trường TH Võ Thị Sáu	Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 44 (nhà ông Nguyễn Đức Linh)	400	280	180	72

		Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 44 (nhà ông Nguyễn Đức Linh)	Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 25 (nhà ông Phan Văn Toàn)	200	172	120	52
		Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 25 (nhà ông Phan Văn Toàn)	Cánh đồng Hợp tác xã Nông trường 714	56	52	48	
2	Đường liên thôn từ thôn 15 đi thôn 3 và thôn 16	Ngã ba đường liên xã Ea Păl - Cư Prông	Ngã ba đi thôn 16	72	64	56	48
		Ngã ba đi thôn 16	Cầu thôn 16	60	56	52	
		Ngã ba thôn 16	Cổng chào thôn 3	48	46	44	
3	Đường liên xã Ea Knốp - Ea Păl	Đường liên xã Ea Păl - Cư Yang	Hồ C5	200	172	120	52
		Hồ C5	Ngã ba Phước Thành	100	80	68	56
		Ngã ba Phước Thành	Ranh giới Ea Knốp - Ea Păl	96	76	64	52
4	Đường liên xã Ea Knốp đi Buôn M'um (xã Ea Tih - Cư Prông cũ)	Giáp ranh giới xã Ea Knốp	Ngã ba Phước Thành	72	64	56	48
		Ngã ba Phước Thành	Cầu 13 tấn	64	58	54	
		Cầu 13 tấn	Ranh giới thửa đất Trại Y tế (ngã ba nhà ông Thor)	100	80	68	56
		Ranh giới thửa đất Trại Y Tế (ngã ba nhà ông Thor)	Ngã ba đường chiến lược cũ (cổng thôn văn hóa 15)	120	88	76	64
		Ngã ba đường chiến lược cũ (cổng thôn văn hóa 15)	Hết thôn 15	100	80	68	56
		Hết thôn 15	Cầu thôn 10	64	58	54	
5	Đường liên xã Ea Ô - Ea Păl	Ngã tư 714	Hết ranh giới trường THPT Nguyễn Thái Bình (xã Cư Ni cũ)	264	188	132	64
		Hết ranh giới trường THPT Nguyễn Thái Bình (xã Cư Ni cũ)	Ngã ba ông Sóc	120	88	76	64
6	Đường thôn 6A đi thôn Hạ Long	Ngã ba nhà ông Tám	Ngã ba đi thôn 10	48	46		
7	Đường xã (Cư Prông - Ea Păl cũ)	Ngã ba đường liên xã Cư Prông - Ea Păl (nhà bà Vân)	Cầu mới	60	56	52	
8	DX 01 (Đường liên xã Ea Knốp - Ea Păl cũ)	Ranh giới xã Ea Knốp - xã Ea Păl	Ngã ba Nhà máy Găng tay	240	184	128	60
		Ngã ba Nhà máy Găng tay	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Thụng	340	224	160	68
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Thụng	Ngã tư 714	440	300	200	80
		Ngã tư 714	Hết ranh giới đất trụ sở Nông trường 714 cũ	440	300	200	80
		Hết ranh giới đất Trụ sở Nông trường 714 cũ	Hết ranh giới trường THCS Phan Chu Trinh	440	300	200	80
		Hết ranh giới trường THCS Phan Chu Trinh	Hết ranh giới trường TH Võ Thị Sáu	480	320	220	88
		Hết ranh giới trường TH Võ Thị Sáu	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hồ Sỹ Xoan	2.400			
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hồ Sỹ Xoan	Cầu Thống Nhất	400	280	180	72
		Cầu Thống Nhất	Ranh giới Ea Păl - Cư Yang	100	80	68	56
9	Khu dân cư các thôn 1, 4, 6 A, 6 B, 6 C, 8, 10, 11, 14, thôn Hạ Long, buôn M'um			48			
10	Khu dân cư thôn 2, 5, 7, 9, 12, 13			60	56	52	
11	Đối với các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau			48			

A53	XÃ M'DRẮK						
1	Nguyễn Tất Thành (Quốc Lộ 26)	Cầu số 22 Km 63+655 (Cầu Y Thun, ranh giới xã Cư M'Ta)	Bùi Thị Xuân	1.080	300	260	200
		Bùi Thị Xuân	Đường vào Huyện Đội và đường ngang dưới khu chợ M'Drắk	1.400	340	280	240
		Đường vào Huyện Đội và đường ngang dưới khu chợ M'Drắk	Cầu ông Tri (hết ranh thửa đất số 62, TBĐ số 28; thửa đất số 313, TBĐ số 27)	2.400	380	340	300
		Cầu ông Tri (hết ranh thửa đất số 62, TBĐ số 28; thửa đất số 313, TBĐ số 27)	Đến ranh giới Ủy ban Dân số Kế hoạch hóa và Gia đình và trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	1.440	320	280	140
		Đến ranh giới Ủy ban Dân số Kế hoạch hóa và Gia đình và trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Hết ranh Công ty TNHH MTV lâm nghiệp M'Drắk và hết ranh thửa đất số 1078, TBĐ số 204	480	160	140	
		Hết ranh Công ty TNHH MTV lâm nghiệp M'Drắk và hết ranh thửa đất số 1078, TBĐ số 204	Cầu số 24 (Km 68 + 829 QL26)	340	120	80	
		Cầu số 24 (Km 68 + 829 QL26)	Giáp ranh Cụm công nghiệp M'Drắk và ranh quy hoạch Khu dân cư thôn 9 (thôn 3 xã Krông Jing cũ)	220	100	80	
		Giáp ranh Cụm công nghiệp M'Drắk và ranh quy hoạch Khu dân cư thôn 9 (thôn 3 xã Krông Jing cũ)	Suối Ea Tê	100	60	40	
		Suối Ea Tê	Hết địa bàn xã M'Drắk (Giáp ranh xã Cư Pao)	140	72	56	
2	Quốc lộ 19C	Quốc Lộ 26	Cầu buôn M'lók A	360	152	128	
		Cầu buôn M'lók A	Ngã tư QL19C (TL13 cũ) với đường Trường Sơn Đông	180	68	60	
		Ngã tư QL19C (TL13 cũ) với đường Trường Sơn Đông	Hết địa bàn xã M'Drắk (Giáp xã Ea Riêng)	120	80	68	
3	Trường Sơn Đông	Giáp xã Ea Riêng	Ngã 3 cây sung (hết thửa đất số 46; 67, TBĐ số 99) (Thôn 5 xã Ea Lai cũ)	48	36	32	
		Ngã 3 cây sung (hết thửa đất số 46; 67, TBĐ số 99) (Thôn 5 xã Ea Lai cũ)	Cuối khu dân cư thôn 5 xã Ea Lai cũ (hết thửa đất số 117; 142, TBĐ số 112)	80	40	36	32
		Cuối khu dân cư thôn 5 xã Ea Lai cũ (hết thửa đất số 117; 142, TBĐ số 112)	Hết thửa đất số 100; 105, TBĐ số 149	72	40	36	32
		Hết thửa đất số 100; 105, TBĐ số 149	Ngã ba QL19C giao với đường Trường Sơn Đông (hết thửa đất số 329; 855, TBĐ số 180)	100	40	36	32
		Ngã ba QL19C giao với đường Trường Sơn Đông (hết thửa đất số 329; 855, TBĐ số 180)	Ngã ba giao với đường Quốc lộ 19C	168	40	36	32
		Ngã ba giao với đường Quốc lộ 19C	Hết thửa đất số 132; 145, TBĐ số 197	100	40	36	
		Hết thửa đất số 132; 145, TBĐ số 197	Cầu M'Năng (Km 521 + 772 TSD)	128	60	48	40
		Cầu M'Năng (Km 521 + 772 TSD)	Hết thửa đất số 1145; 1170, TBĐ số 211	100	60	48	40
		Hết thửa đất số 1145; 1170, TBĐ số 211	Hết địa bàn xã M'Drắk (Giáp xã Krông Á)	72	40	36	32
4	Tỉnh lộ 13	Ngã ba đoạn giao đường Quốc lộ 19C	Ngã ba hết đất khu dân cư buôn Hoang (hết thửa đất số 102, 129, TBĐ số 187)	80	40	36	32

		Ngã ba hết đất khu dân cư buôn Hoang (hết thửa đất số 102, 129, TĐĐ số 187)	Ngầm số 4 (suối Ea Pa)	48	36	32	
		Ngầm số 4 (suối Ea Pa)	Hết thửa đất số 34, 35, TĐĐ số 93	60	40	36	
		Hết thửa đất số 34, 35, TĐĐ số 93	Ngầm số 5, hết địa bàn xã M'Drăk (giáp ranh giới xã Cư Pao)	40	36	32	
5	An Dương Vương (Đài TT-TH)	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Phan Bội Châu	440	260	220	
6	Bà Triệu	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Trần Hưng Đạo	480			
		Trần Hưng Đạo	Hết đường	340	200	160	
7	Bùi Thị Xuân	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Cầu buôn Phao	360	180	160	
		Cầu buôn Phao	Hết thửa đất số 193, TĐĐ số 10 xã M'Drăk, và thửa đất số 58 TĐĐ số 20 xã Cư M'Ta	240	160	144	
	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200 m đến hết vị trí thửa đất. Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau:				140	136	132
8	Các trục đường khu Xi nghiệp gỗ	Hoàng Diệu	Hết đường (sau Trạm Thú y)	360			
		An Dương Vương	Đường Giải Phóng	360			
		Các trục dọc song song với đường Hoàng Diệu và Giải Phóng	Đến đường trước trường THCS Hùng Vương	360			
9	Đường ngang dưới khu chợ M'Drăk	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Trần Hưng Đạo	480	300	240	
10	Đường Vành đai (Trừ Khu Quy hoạch thôn 16 (Tổ dân phố 6 cũ) và Quy hoạch dân cư mới thôn 18 (Tổ dân phố 9 cũ))	Giáp Quốc lộ 26 (ngã ba buôn Tai)	Đến đường Khu Quy hoạch dân cư mới thôn 18 (Tổ dân phố 9 cũ) (thửa đất số 652, TĐĐ số 12)	180	100	80	
		Đến đường Khu Quy hoạch dân cư mới thôn 18 (Tổ dân phố 9 cũ) (thửa đất số 652, TĐĐ số 12)	Nguyễn Trãi	440	200	160	
		Nguyễn Trãi	Ngô Quyền	360	192		
		Ngô Quyền	Hết địa bàn xã M'Drăk (giáp ranh giới xã Cư M'Ta)	240	160	144	
11	Đường vào Huyện đội	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Cổng Huyện đội	600	300	260	
12	Giải Phóng	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Đường Vành đai	480	280	200	
		Nguyễn Tất Thành (QL26)	Quang Trung	340	200		
13	Hoàng Diệu về 2 phía	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Quang Trung	440	280	240	
		Nguyễn Tất Thành (QL26)	An Dương Vương	440	280	240	
14	Hùng Vương về 2 phía	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Phan Bội Châu	680	280	240	
		Nguyễn Tất Thành (QL26)	Quang Trung	720			
15	Kì ốt chợ	Các lô chợ lồng và 16m2		576			
		Các lô 24m2		432			
16	Lê Duẩn	Đường vào Huyện đội	Nguyễn Trãi	440			
17	Lê Lợi về 2 phía	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Hết thửa đất số 55, TĐĐ số 33 và giáp thửa đất số 622, TĐĐ số 13	360			
		Nguyễn Tất Thành (QL26)	Lý Thường Kiệt	340	200		
18	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Tất Thành (Tòa án)	Đường Vành đai	600	280	240	

		Đường Vành đai	Hết đường	200	144		
19	Ngô Quyền (về 2 phía QL 26)	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Đường Vành đai	440	280	240	
		Nguyễn Tất Thành (QL26)	Đến hết đường	320	180	160	
20	Nguyễn Trãi (Trừ Khu Quy hoạch thôn 16 (Tổ dân phố 6 cũ))	Nguyễn Tất Thành	Đường Vành đai	480	260	220	
		Đường Vành đai	Hết đường	300	160	144	
21	Phan Bội Châu (Trừ Khu quy hoạch Tổ dân phố 6 cũ)	Giải Phóng	Ngô Quyền	600	300	240	
22	Quang Trung	Ngã ba giao với đường Quốc Lộ 19C	Ngã tư giao với đường Giải Phóng	340			
		Ngã tư giao với đường Giải Phóng	Trần Hưng Đạo	440	280	240	
23	Tôn Thất Tùng.	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Phan Bội Châu	680	300	280	
24	Trần Hưng Đạo (sau chợ Thị trấn)	Quang Trung	Bà Triệu	360	260	220	
		Bà Triệu	Đường Lê Lợi	300	200		
25	Trần Phú	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Quang Trung	460			
		Quang Trung	Đến giáp suối Krông Jing	320			
26	Khu QH dân cư mới thôn 16 (Tổ dân phố 6 cũ) (giáp BCH quân sự)						
	Đường QH tuyến số 1 (Đường vành đai)	Ngã tư Nguyễn Trãi và Đường Vành Đai	Giáp đất nhà ông Tráng	1.320			
	Đường QH tuyến số 2 (Đường Nguyễn Trãi)	Phan Bội Châu	Đường Vành Đai	1.320			
	Đường QH tuyến số 3 (Đường Phan Bội Châu)	Ngã tư Nguyễn Trãi và Phan Bội Châu	Đường QH tuyến số 4	1.320			
	Đường QH tuyến số 4	Phan Bội Châu	Đường Vành Đai	1.080			
	Đường QH tuyến số 5	Nguyễn Trãi	Hết đường quy hoạch	1.080			
27	Khu QH dân cư mới thôn 18 (Tổ dân phố 9 cũ) (gần trường THCS Hùng Vương)						
	Đường QH mới	Ngã ba đường Giải Phóng và Phan Bội Châu	Đường Vành đai	468			
	Đường QH mới	Ngã tư đường Phan Bội Châu và An Dương Vương	Hết đường QH	468			
	Đường ngang thông ra đường Giải Phóng			216			
	Đường đối diện lò mổ			216			
	Đường dọc quy hoạch dân cư khu F			192			
28	Khu QH dân cư thôn 16 (Tổ dân phố 11 cũ)						
	Đường nối đến đường D1	Ngã tư đường Lý Thường Kiệt và Đường Vành Đai	Hết đường quy hoạch	192	144		
		Ngã tư đường Ngô Quyền và Đường Vành Đai	Hết đường quy hoạch	192	160	144	
		Ngã 3 Đường Vành Đai	Hết thửa đất số 422, 441, TBD số 16	192	160	144	
29	Khu QH dân cư thôn 16 (Tổ dân phố 11 cũ) (Trước Trạm y tế - Sau sân vận động)						
	Tuyến đường số 2 (đối diện Trạm y tế)	Đầu tuyến	Cuối tuyến	1.320			

	Tuyến đường số 3 (sau sân vận động)	Đầu tuyến	Cuối tuyến	1.200			
30	Các trục đường nối đường Phan Bội châu với đường Vành Đai (3 tuyến)	Phan Bội Châu	Đường Vành Đai	320			
31	Tuyến đường vòng quanh Quảng Trường	Đoạn ngã 3 giao Nguyễn Tất Thành (QL26)	Đến ngã 3 giao đường Bùi Thị Xuân	360	200	180	
32	Tuyến trục đường song song với đường Quang Trung (Thôn 11)	Ngã tư đường Quang Trung và Giải Phóng	Hết đường	260	180	160	
33	Trục đường từ ngã tư Phan Bội Châu và Ngõ Quyền đến đường Vành Đai	Ngã tư Phan Bội Châu và Ngõ Quyền	Đến Đường Vành đai	260	180		
34	Các Trục chính Khu dân cư thôn 13, thôn 14 (Tổ dân phố 3, 4 cũ)			200	160	144	
	Đối với các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200 m đến hết vị trí thửa đất. Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau:				140	136	132
35	Điểm quy hoạch chi tiết điểm dân cư Thôn 15 (Tổ dân phố 5 cũ) (Huyện đoàn cũ)						
	Đường Phan Bội Châu	Đầu tuyến quy hoạch (lô 01)	Cuối tuyến quy hoạch (lô 08)	2.600			
36	Hội trường Thôn 15 (Tổ dân phố 5 cũ) Đường Ngõ Quyền (thửa số 148 TBD số 37)						
	Đường Ngõ Quyền	Nguyễn Tất Thành (QL26)	Đường Vành Đai	1.880			
37	Hội chữ thập đỏ (cũ). thửa đất số 275, TBD số 32						
	Nguyễn Tất Thành (Quốc Lộ 26)	Bùi Thị Xuân	Đường vào Huyện Đội và đường ngang dưới khu chợ M'Drăk	7.200			
38	Điểm quy hoạch dân cư Thôn 18 (Tổ dân phố 9 cũ) (Bến xe Cũ). thửa đất số 225, TBD số 27						
	Nguyễn Tất Thành (Quốc Lộ 26)	Cầu ông Tri (hết ranh thửa đất số 62, TBD số 28; thửa đất số 313, TBD số 27)	Giải Phóng	7.600			
	Đường Hoàng Diệu	Nguyễn Tất Thành (Quốc Lộ 26)	An Dương Vương	3.000			
39	Đường đi xã Krông Á (Đoạn nối Quốc Lộ 26 đến đường Trường Sơn Đông)	Quốc lộ 26	Hết thửa đất số 1000, 1007, TBD số 204	188	100	80	60
		Hết thửa đất số 1000, 1007, TBD số 204	Giáp đường Trường Sơn Đông	140	64	56	40
40	Đường vào trường THCS Trần Hưng Đạo	Quốc lộ 26	Hết đường	140	120		
41	Đường giao thông từ đường Trường Sơn Đông đến đường đi xã Krông Á	Hết thửa đất số 1570, 1609, TBD số 203	Hết thửa đất số 405, 478, TBD số 203	80	48	40	
		Hết thửa đất số 628, 1564, TBD số 203	Hết thửa đất số 585, 1628, TBD số 203	80	48	40	
42	Đường liên thôn 6 đi thôn 8	Ngã ba đường Trường Sơn Đông	Giáp ranh Tỉnh lộ 13 (đường đi xã Cư Prao)	56	36	32	
43	Đường liên thôn 1 đi Buôn Bìk	Ngã ba giao với đường Trường Sơn Đông	Đến Ngã ba giao với Tỉnh Lộ 13	44	36	32	
44	Đường thôn 6 đi xã Ea Riêng	Ngã ba UBND xã Ea Lai cũ và đường Trường Sơn Đông	Đến Giáp xã Ea Riêng	44	36	32	
45	Đường trục thôn 1 đi Ea Riêng (2 tuyến)	Ngã ba đường Trường Sơn Đông (Nhà ông Nguyễn Đình Thông, thôn 1)	Hết địa bàn xã M'Drăk (Giáp thôn 2 xã Ea Riêng)	44	36	32	
		Ngã ba đường Trường Sơn Đông (Nhà ông Nguyễn Văn Thắng, thôn 1)	Hết địa bàn xã M'Drăk (Giáp thôn 2 xã Ea Riêng)	44	36	32	

46	Đường giao thông đoạn Nối đường Trường Sơn Đông với Đường liên thôn 1 đi Buôn Bik	Ngã ba đường Trường Sơn Đông (thôn 4)	Ngã ba đoạn giao với đường liên thôn 1 đi Buôn Bik	44	36	32	
47	Đường thôn 5 đi Ea Riêng	Ngã ba đường Trường Sơn Đông	Hết địa bàn xã M'Drăk (Giáp xã Ea Riêng)	40	36	32	
48	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200m đến hết vị trí thửa đất (không tính hệ số khoảng cách). Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau:				36	34	32
A54	XÃ EA RIÊNG						
1	Đường Quốc lộ 19C (Trừ Khu quy hoạch dân cư mới thôn 1 (thôn 20 cũ); Khu QH dân cư mới thôn 9)	Giáp ranh với xã M'Drăk	Ngã 3 trạm điện	154	48	38	
		Ngã 3 trạm điện	Ngã 3 C6 (đường đi xã Ea H'mlay cũ) (thửa đất số 96, TBD số 36)	160	50	40	
		Ngã 3 C6 (đường đi xã Ea H'mlay cũ) (thửa đất số 96, TBD số 36)	Ngã 3 trụ sở UBND xã (thửa đất số 32, TBD số 56)	170	52	42	
		Ngã 3 trụ sở UBND xã (thửa đất số 32, TBD số 56)	Ngã 3 Công chào chợ xã (thửa đất số 204, TBD số 57)	290	90	72	
		Ngã 3 Công chào chợ xã (thửa đất số 204, TBD số 57)	Hết ranh giới trường THCS Lê Đình Chinh (thửa đất số 27, 69 TBD số 114)	344	110	88	
		Hết ranh giới trường THCS Lê Đình Chinh (thửa đất số 27, 69 TBD số 114)	Cầu Ea Riêng Km166+970 QL19C (gần kho chế biến Công ty TNHH MTV cà phê 715A)	314	100	80	
		Cầu Ea Riêng Km166+970 QL19C (gần kho chế biến Công ty TNHH MTV cà phê 715A)	Hết thửa đất số 9, 56 TBD số 50	130	52	40	
		Hết thửa đất số 9, 56 TBD số 50	Công Công ty TNHH MTV cà phê 715C (thửa đất số 56, TBD số 245)	44	29	26	
		Công Công ty TNHH MTV cà phê 715C (thửa đất số 56 TBD số 245)	Ngã ba đường tránh vào thủy điện Krông Hin (hết thửa đất số 53, 98 TBD số 247)	88	44	32	
		Ngã ba đường tránh vào thủy điện Krông Hin (hết thửa đất số 53, 98 TBD số 247)	Ngã 3 đường vào thủy điện Ea M'Doal 2 (hết thửa đất số 77, 80 TBD số 168)	44	29	26	
		Ngã 3 đường vào thủy điện Ea M'Doal 2 (hết thửa đất số 77, 80 TBD số 168)	Ngã 3 đường vào hội trường thôn 8 (hết thửa đất số 96, 105 TBD số 162)	48	33	29	
		Ngã 3 đường vào hội trường thôn 8 (hết thửa đất số 96, 105 TBD số 162)	Cầu Ea M'Doal Km152+940 QL19C	44	29	26	
		Cầu Ea M'Doal Km152+940 QL19C	Hết địa bàn xã (Giáp ranh giới xã Sông Hinh)	48	33	29	
2	Đường giao thông chính đi xã Ea H'mlay cũ (Đoạn từ Ngã ba đối diện kho chế biến Công ty TNHH MTV cà phê 715A đến Trường Sơn Đông, xã M'Drăk) (Trừ Khu QH dân cư mới thôn 9 (thôn 13 cũ))	Ngã ba giao QL19C, đối kho chế biến Công ty TNHH MTV cà phê 715A	Ngã 4 trường THPT Nguyễn Trường Tộ và Khu QH dân cư mới thôn 9 (thôn 13 cũ)	112	56	34	
		Ngã 4 trường THPT Nguyễn Trường Tộ và Khu QH dân cư mới thôn 9 (thôn 13 cũ)	Hết ranh giới đất nhà ông Lưu Đình Lực (thửa đất số 490, TBD số 216 và thửa đất số 94, TBD số 157)	56	34	28	
		Hết ranh giới đất nhà ông Lưu Đình Lực (thửa đất số 490, TBD số 216 và thửa đất số 94, TBD số 157)	Ngã tư đường xuống đập 36	112	50	36	
		Ngã tư đường xuống đập 36	Hết Trạm 661, Quản lý bảo vệ rừng (thửa đất số 216, TBD số 188 và thửa đất số 167, TBD số 147)	64	39	32	
		Hết Trạm 661, Quản lý bảo vệ rừng (thửa đất số 216, TBD số 188 và thửa đất số 167, TBD số 147)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Bảo (thửa đất số 266, TBD số 184 và thửa đất số 133, TBD số 147)	112	50	36	

		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Báo (thửa đất số 266, TĐĐ số 184 và thửa đất số 133, TĐĐ số 147)	Ngã ba đường vào Cổng chào Thôn 15 (đường vào trường tiểu học Nguyễn Bình Khiêm) (thửa đất số 27, TĐĐ số 148)	64	35	29	
		Ngã ba đường vào Cổng chào Thôn 15 (đường vào trường tiểu học Nguyễn Bình Khiêm) (thửa đất số 27, TĐĐ số 148)	Hết Điểm trường mầm non Hoa Thủy Tiên, thôn 14 (thửa đất số 68, 75, TĐĐ số 144)	52	32	26	
		Hết Điểm trường mầm non Hoa Thủy Tiên, thôn 14 (thửa đất số 68, 75, TĐĐ số 144)	Ngã ba đường nhựa (hết nhà ông Lê văn Liên, thôn 14, thửa đất số 204, TĐĐ số 176 và thửa đất số 56, TĐĐ số 144)	56	34	28	
		Ngã ba đường nhựa (hết nhà ông Lê văn Liên, thôn 14, thửa đất số 204, TĐĐ số 176 và thửa đất số 56, TĐĐ số 144)	Đường Trường Sơn Đông (Hết địa bàn xã, giáp xã M'Drăk)	52	32	26	
		Ngã ba đường nhựa (hết nhà ông Lê văn Liên, thôn 14, thửa đất số 204, TĐĐ số 176 và thửa đất số 56, TĐĐ số 144)	Dốc đỏ (Hết địa bàn xã, giáp xã M'Drăk)	52	32	26	
		Ngã ba giao với đường vào Công ty TNHH MTV cà phê 715B	Ngã ba đường xuống đập thôn 13 (nhà ông Khai)	72	43	34	
3	Đường đi xã Cư M'Ta	Ngã ba Trạm biến áp, đoạn giao QL19C	Hết địa bàn xã (Giáp ranh giới xã Cư M'Ta)	50	32	26	
		Ngã ba UBND xã, đoạn giao QL19C	Hết địa bàn xã (Giáp ranh giới xã Cư M'Ta)	52	36	28	
4	Đường giao thông thôn 1 đi thôn 6 xã M'Drăk	Ngã 3 đường QL19C (đối diện Trạm điện)	Hết địa bàn xã (giáp xã M'Drăk)	50	33	26	
5	Đường Liên thôn 6, 11, 12	Ngã 3 C6 (đoạn giao QL19C)	Cổng chào Thôn 11 (Nhà ông Đoàn Minh Trí) (thửa đất số 54, TĐĐ số 28 và thửa đất số 3, TĐĐ số 214)	54	38	28	
		Cổng chào Thôn 11 (Nhà ông Đoàn Minh Trí) (thửa đất số 54, TĐĐ số 28 và thửa đất số 3, TĐĐ số 214)	Ngã ba thôn 12 (đến thửa đất số 256, 257, TĐĐ số 188)	60	33	27	
6	Đường giao thông chính thôn 24	Ngã 3 đường QL19C (đường vào HT thôn 24)	Làng Mông xã Cư M'Ta	44	29	26	
7	Đường giao thông khu dân cư thôn 19			44	29	26	
8	Khu QH dân cư mới thôn 9	Tuyến 5: Ngã ba QL 19C	Đường QH tuyến số 6	110			
		Tuyến 4: Ngã ba QL 19C	Đường QH tuyến số 6	147			
		Tuyến 3: Ngã ba QL 19C	Đường QH tuyến số 6	147			
		Tuyến 2: Ngã ba QL 19C	Đường QH tuyến số 6	147			
		Tuyến 6: Ngã ba QL QH tuyến 5	Ngã ba đường QH tuyến số 2	106			
9	Khu QH dân cư mới thôn 9 (thôn 13 cũ)	Tuyến 2: Đường giao thông chính đi Ea H'Mlay	Ngã ba đường QH tuyến số 3	88			
		Tuyến 4: Đường giao thông chính đi Ea H'Mlay	Ngã ba đường QH tuyến số 3	88			
		Tuyến 3: Đường giao thông chính đi Ea H'Mlay	Ngã ba đường QH tuyến số 3	88			
10	Khu quy hoạch dân cư mới thôn 1 (thôn 20 cũ)	Đầu tuyến QH	Hết tuyến QH	320			
11	Khu QH dân cư mới thôn 4	Đường QH tuyến 2: giao thông chính	Đường quy hoạch	56	36	28	
12	Dãy 2 dân cư thôn 9			54	38	28	
13	Dãy 2 dân cư thôn 18			88			
14	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200 m đến hết vị trí thửa đất (không tính hệ số khoảng cách). Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau:			26			

A55	XÃ CƯ M'TA						
1	Quốc lộ 26	Cầu số 14 (Km 52 + 546 QL26), giáp xã Ea Trang	Đến hết Trạm kiểm lâm (thôn 18)	48	36		
		Đến hết Trạm kiểm lâm (thôn 18)	Km 59 + 520 QL26 (Cầu số 18)	88	60	52	44
		Km 59 + 520 QL26 (Cầu số 18)	Km 61 + 1115 QL26 (Cầu số 21)	128	72	60	44
		Km 61 + 1115 QL26 (Cầu số 21)	Hết ranh giới đất Trạm Thủy văn	400	160	140	80
		Hết ranh giới đất Trạm Thủy văn	Cầu số 22, Km 63+655 QL26 (Cầu Y Thun, ranh giới xã M'Drắk)	600	128	100	60
2	Đường Liên xã Cư M'Ta đi xã Ea Riêng	Km 59 + 520 QL26 (Cầu số 18)	Hết nghĩa địa thôn 2 (đối diện đường đi vào nhà ông Hợp thôn 2)	60	40	36	
		Hết nghĩa địa thôn 2 (đối diện đường đi vào nhà ông Hợp thôn 2)	Đến hết đất Công an xã Cư Króa cũ (Hết thửa đất số 203, TĐĐ số 154)	52	36	32	
		Đến hết đất Công an xã Cư Króa cũ (Hết thửa đất số 203, TĐĐ số 154)	Đến giáp xã Ea Riêng	48	36	32	
3	Đường Vành đai	Quốc lộ 26 (từ nhà bà Vang)	Giáp ranh giới xã M'Drắk	160	100	80	
4	Đường Bùi Thị Xuân	Cầu buôn Phao	Đến đường rẽ vào thôn Quyết Thắng (nhà ông Long)	120	52	40	32
		Đến đường rẽ vào thôn Quyết Thắng (nhà ông Long)	Giáp ranh xã Ea Riêng	44	38	34	32
5	Đường nối Quốc lộ 26 đến Đường Vành Đai	Cầu số 22 Km 63+655 QL26 (Cầu Y Thun, ranh giới xã M'Drắk)	Đến Đường Vành đai	120	60	52	40
6	Đường buôn Bhao đi thôn Quyết Thắng	Từ đường Bùi Thị Xuân (nhà ông Long)	Hội trường thôn Quyết Thắng	60	40	36	32
7	Đường giao thông liên thôn 2, thôn Quyết Thắng	Từ đường liên xã Cư Króa (cũ) đi xã Ea Riêng	Đường buôn Bhao đi thôn Quyết Thắng	40	36	32	
8	Đường giao thông liên thôn 5 đi thôn 7	Ngã 3 đường liên xã Cư Króa (cũ) đi xã Ea Riêng (nhà ông Tỷ)	Hết khu dân cư thôn 7 (ngầm ngã 3 suối)	40	36	32	
9	Đường giao thông thôn 2 đi QL26	Ngã 3 đường liên xã Cư Króa (cũ) đi xã Ea Riêng (trường mẫu giáo Hoa Sim)	Giáp QL 26 (đường Bít cũ)	40	36	32	
10	Đường thôn 6 đi xã Ea Riêng	Ngã 3 đoạn đường giao thông liên thôn 5 đi thôn 7 (Nhà bà Nguyễn Thị Giang, thôn 6)	Giáp xã Ea Riêng	40	36	32	
11	Điểm Khu quy hoạch chi tiết điểm dân cư buôn Đăk, xã Cư M'Ta						
-	Tuyến đường số 01	Từ lô A1	Đến lô A10	640			
		Từ lô B11	Đến lô B19	960			
		Từ lô D29	Đến lô D48	880			
-	Tuyến đường số 05	Từ lô C20	Đến lô C28	960			
-	Tuyến đường số 06	Từ lô E49	Đến lô E53	800			
12	Điểm quy hoạch chi tiết điểm dân cư thôn Hô, xã Cư M'Ta						
-	Mặt tiền QL 26	Từ lô 01	Đến lô 5 và Lô 20	3.200			
-	Đường quy hoạch	Từ sau dãy mặt tiền Quốc lộ 26	Đến hết đường	880			
13	Khu quy hoạch chi tiết điểm dân cư thôn Tân Lập, xã Cư M'Ta						
-	Đường vành đai	Lô A1	Lô A6	1.000			
-	Đường quy hoạch	Lô B7	Lô B18	532			
14	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200m đến hết vị trí thửa đất (không tính hệ số khoảng cách). Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau:			32			

A56	XÃ KRÔNG Á						
1	Đường Trường Sơn Đông	Giáp ranh xã M'Drắk	Hết ranh giới trường Mầm non Hoa Anh Đào (Bên trái thửa đất số 59, bên phải thửa đất số 220 TĐĐ số 132 (TĐĐ số 11 Krông Á cũ)	88	40	28	
		Hết ranh giới trường Mầm non Hoa Anh Đào (Bên trái thửa đất số 59, bên phải thửa đất số 220 TĐĐ số 132 (TĐĐ số 11 Krông Á cũ)	Nhà ông Chu Văn Nổ (hết đường sân bay - bên phải thửa đất số 20, bên trái thửa đất số 19 TĐĐ số 157 (36 cũ)	68	36	28	
		Nhà ông Chu Văn Nổ (hết đường sân bay - bên phải thửa đất số 20, bên trái thửa đất số 19 TĐĐ số 157 (36 cũ)	Đầu khu dân cư thôn 8 (đến thửa số 7, TĐĐ số 24)	32	28	26	
		Đầu khu dân cư thôn 8 (đến thửa số 7, TĐĐ số 24)	Cầu đi vào thôn 8 (Hết thửa đất số 20, TĐĐ số 25)	60	32	27	
		Cầu đi vào thôn 8 (Hết thửa đất số 20, TĐĐ số 25)	Hết ranh giới xã Krông Á (cầu sông Krông Pắc)	100	44	30	
2	Tỉnh lộ 13B	Ngã 3 đường Trường Sơn Đông với Tỉnh Lộ 13B	Đến ngã 3 thôn 5A	120	48	36	
		Đến ngã 3 thôn 5A (Giao TL 13B)	Đến cuối khu dân cư thôn 6A	64	32	26	
		Quán tạp hóa Thủy Dung (thửa đất số 19, 20, TĐĐ số 50)	Cầu bản Tắc Drung	40	28	26	
		Cầu bản Tắc Drung	Đến khu dân cư thôn EA Krông	64	32	26	
3	Đường liên thôn từ thôn 2, 3 đi thôn 5	Ngã 3 trường Ngô Gia Tự	Hết thửa đất số 178 và thửa đất số 144 TĐĐ số 137 (16 cũ Krông Á)	44	32	26	
		Hết thửa đất số 178 và thửa đất số 144 TĐĐ số 137 (16 cũ Krông Á)	Đến đoạn giao với Đường Trường Sơn Đông	40	28	26	
4	Đường giao thông đoạn từ Ngã ba đường vào Trung Nguyên đến đường giao thông liên thôn từ thôn 2, 3 đi thôn 5	Ngã ba nhà ông Tuấn Hòa vào Trung Nguyên (thửa đất số 38 TĐĐ số 125)	Hết ranh giới đất nhà ông Tôn, thôn 1 (thửa đất số 160 TĐĐ số 130; thửa đất số 6 TĐĐ số 136)	42	28	26	
		Hết ranh giới đất nhà ông Tôn, thôn 1 (thửa đất số 160 TĐĐ số 130; thửa đất số 6 TĐĐ số 136)	Đường đi thôn 1, tới ngã ba nhà ông An (hết thửa đất số 145, 183 TĐĐ số 137)	44	28	26	
5	Đường giao thông đoạn từ trường Mầm non Hoa Anh Đào đến đoạn giao với Đường Trường Sơn Đông	Hết ranh giới trường Mầm non Hoa Anh Đào (Bên trái thửa đất số 59, bên phải thửa đất số 220 TĐĐ số 132 (TĐĐ số 11 Krông Á cũ)	Đến đoạn giao với Đường Trường Sơn Đông	44	32	26	
6	Đường giao thông liên thôn 1 đi thôn 3	Ngã 3 hội trường thôn 1	Hết đất nhà ông Lê Hồng Khánh (thôn 1) (hết thửa đất số 64, 191 TĐĐ số 137)	40	28	26	
7	Đường giao thông liên thôn 1 đi thôn 6	Ngã 3 hội trường thôn 1	Hết Hội trường thôn 6 (hết thửa đất số 107 TĐĐ số 142)	40	28	26	
8	Đường giao thông liên xã đi Cư Yang	Ngã 3 đường đi thôn 1	Hết địa bàn xã (giáp ranh giới xã Cư Yang)	48	28	26	
9	Đường giao thông liên thôn 2 đi thôn 4	Ngã 3 Bưu điện xã Krông Á	Hết đất nhà ông Nguyễn Lưu Tú (thôn 2) (hết thửa đất số 64, 65 TĐĐ số 126)	44	28	26	
10	Đường giao thông liên thôn 5, 6	Ngã ba điểm trường mầm non thôn 5	Hết đất nhà ông Vi Văn Mạnh (thôn 5) (hết thửa đất số 121, 122 TĐĐ số 151)	38	28	26	
11	Đường giao thông thôn 4	Đoạn giao với Đường Trường Sơn Đông	Hết thửa đất số 30, 60 TĐĐ số 134	38	28	26	
12	Đường giao thông thôn 7	Đoạn giao với Đường Trường Sơn Đông	Hội trường thôn 7 (Hết thửa đất số 75, 77 TĐĐ số 153)	38	28	26	

13	Đường giao thông Vòng quanh thôn 8	Ngã ba giao với đường Trường Sơn Đông	Ngã ba giao TL13B	56	36	28	
14	Đường giao thông thôn 7A	Ngã ba giao TL13B	Cuối thôn 7A (hướng về phía Bắc)	80	40	26	
		Ngã ba giao TL13B	Cuối thôn 7A (hướng về phía Nam)	60	32	26	
15	Đường giao thông thôn 5A	Đến ngã 3 thôn 5A (Giao TL 13B)	Cuối thôn 5A	48	29	26	
		Đến ngã 3 giao TL 13B)	Đến chi hội thôn 5A (Chi hội Cư San cũ)	64	32	26	
16	Đường giao thông trục chính thôn 4A	Từ đầu thôn 4A	Cuối thôn 4A	48	29	26	
17	Đường giao từ TL13B đi cầu tràn Ea Krông	Ngã 3 giao TL13B	Cầu tràn	48	29	26	
18	Đường giao thông Ea Krông - Ea Sanh	Ngã ba Ea Krông	Cầu tràn	60	32	26	
		Cầu tràn	Cuối thôn Ea Sanh	48	30	26	
19	Đường giao thông Ea Krông - Thôn Sông Chò	Ngã ba Ea Krông	Đến Ngã điểm trường tiểu học La Văn Cầu	60	32	26	
		Ngã điểm trường tiểu học La Văn Cầu	Đến cuối dân cư thôn Sông Chò	48	30	26	
20	Đường giao thông liên thôn thông Ea Krông đến cuối dân cư Ea Khát	Từ đường trục chính Ea Krông	Cuối dân cư Ea Khát	48	29	26	
21	Đường giao thông liên thôn từ cầu Tắc Drung đến thôn Sông Chò	Cầu Tắc Drung	Đến thôn Sông Chò	48	30	26	
22	Đường giao thông từ điểm trường tiểu học La Văn Cầu đến cuối điểm dân cư Ea Ta	Ngã điểm trường tiểu học La Văn Cầu	Cuối điểm dân cư Ea Ta	40	28	26	
23	Đường giao thông từ Ngã ba Sông Chò đến cuối điểm dân cư Bời Lời	Ngã ba Sông Chò	Cuối điểm dân cư Bời Lời	40	28	26	
24	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200 m đến hết vị trí thửa đất (không tính hệ số khoảng cách). Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau:			26			
A57	XÃ CƯ PRAO						
1	Quốc lộ 26	Giáp ranh xã M'Drăk	Hết hội trường thôn Ea Pil và hết thửa đất số 21 TĐĐ số 273	224	88	70	44
		Hết hội trường thôn Ea Pil và hết thửa đất số 21 TĐĐ số 273	Đến ranh giới đất nhà ông Nhiên, thôn 9 (thửa đất số 19 TĐĐ số 307 và thửa đất số 36 TĐĐ số 304)	204	80	68	40
		Đến ranh giới đất nhà ông Nhiên, thôn 9 (thửa đất số 19 TĐĐ số 307 và thửa đất số 36 TĐĐ số 304)	Cây xăng Nguyệt Thoại, thôn 2 (thửa đất số 130 TĐĐ số 302 và thửa đất số 24 TĐĐ số 303)	260	112	94	48
		Cây xăng Nguyệt Thoại, thôn 2 (thửa đất số 130 TĐĐ số 302 và thửa đất số 24 TĐĐ số 303)	Hết ranh giới đất bà Hiền Ngu (thửa đất số 310, 115 TĐĐ số 301)	220	86	66	46
		Hết ranh giới đất bà Hiền Ngu (thửa đất số 310, 115 TĐĐ số 301)	Hết ranh giới đất ông Bùi Văn Cương, thôn 3	320	130	108	52
		Hết ranh giới đất ông Bùi Văn Cương, thôn 3 (thửa đất số 115, 210 TĐĐ số 256) (giáp suối)	Hết địa bàn xã (Km 84+035 QL26, giáp ranh xã Ea Kar Nốp)	264	90	64	48
		Đầu tuyến quy hoạch (lô 01)	Cuối tuyến quy hoạch (lô 14)	1.200			
2	Đường Trường Sơn Đông	Xã M'Drăk	Xã Ea Ly (Cầu Ea Dhom Reng Km495+458 TĐĐ)	84	44	32	28
3	Quốc lộ 29	Xã Ea Knốp (Cầu số 1 Krông H'Năng Km112+129 QL29)	Ranh giới Ea Ly (Cầu Ea Đrông Ren Km111+414 QL29)	100	63	36	28

4	Tỉnh Lộ 13	Giáp ranh giới xã M'Drắk	Đầu cây xăng Xuân Mẫn (thửa đất số 39, 272 TĐĐ số 163)	98	54	32	28
		Đầu cây xăng Xuân Mẫn (thửa đất số 39, 272 TĐĐ số 163)	Đền Ngầm Ba Long (TĐĐ số 122)	220	86	54	40
		Ngầm Ba Long (TĐĐ số 122)	Đền UBND xã, trụ sở Công an xã (thửa đất số 25, 34 TĐĐ số 85)	102	46	32	28
		UBND xã, trụ sở Công an xã (thửa đất số 25, 34 TĐĐ số 85)	Đền Ngã ba đường đi Buôn Năng (hết thửa đất số 24, 30 TĐĐ số 196)	84	38	32	28
		Ngã ba đường đi Buôn Năng (hết thửa đất số 24, 30 TĐĐ số 196)	Đền ngã 3 TL13 hướng về đường TĐĐ, QL29 và xã Ea Ly	52	36	32	28
5	Đường liên xã đi Ea Pál	Ngã 3 trường tiểu học Lê Hồng Phong, đoạn giao QL26	Đền ngã tư giáp Hội trường thôn 11	144	72	66	32
		Đền ngã tư giáp Hội trường thôn 11	Hết ranh giới đất nhà ông Chiến thôn 11 (hết thửa đất số 79, 80 TĐĐ số 278)	80	48	36	28
		Hết ranh giới đất nhà ông Chiến thôn 11 (hết thửa đất số 79, 80 TĐĐ số 278)	Hết địa bàn xã (Giáp ranh xã Ea Pál)	66	40	32	28
6	Đường giao thông đoạn từ Quốc lộ 26 nhà ông Hoan thôn 3 đi dốc Nín Thờ	Đoạn ngã 3 giao QL26	Đền hết ranh giới đất nhà ông Vũ Văn Hoan (hết thửa đất số 251, 114 TĐĐ số 244)	76	44	34	28
7	Đường nội thôn Ea Pil	Đoạn ngã 3 giao QL26 (góc cây gạo)	Hết đất nhà trẻ Đắc Tân	94	56	42	32
		Đoạn ngã 3 giao QL26	Làng Thái thôn Ea Pil (hết ranh giới đất nhà ông Khuê, thửa đất số 144, 309, TĐĐ số 260)	80	54	44	32
8	Đường liên thôn Ea Pil đi thôn 7	Đoạn ngã 3 giao QL26	Hết thửa đất nhà ông Nguyễn Việt Đức (hết thửa đất số 6 TĐĐ số 261)	98	64	44	32
		Hết thửa đất nhà ông Nguyễn Việt Đức (hết thửa đất số 6 TĐĐ số 261)	Đền cầu sông Ea Krông H'đing	66	40	34	28
		Cầu sông Ea Krông H'đing	Ngã ba giao đường trục đi thôn 7 (ranh nhà ông Toàn Hoài đối diện trường Tiểu học Nguyễn Du)	76	50	38	28
9	Đường liên thôn đi thôn 9	Đoạn ngã 3 giao QL26	Ngã ba đường (Giáp ranh thửa đất ông Nguyễn Biên Cương, thôn 9)	126	64	52	30
10	Đường liên thôn 4 đi thôn 11	Đoạn ngã 3 giao QL26	Ngã ba giáp ranh hội trường thôn 4	100	56	46	32
		Ngã ba giáp ranh hội trường thôn 4	Hết ranh giới đất nhà bà Hà Thị Đoàn (hết thửa đất số 104, 115 TĐĐ số 269)	80	48	40	32
11	Đường liên thôn 10 đi thôn 4	Đoạn ngã 3 giao QL26 (Nhà ông Vũ Xuân Diệm)	Ngã 3 giao với đường liên thôn 4 đi thôn 11 (nhà bà Thọ)	90	52	42	30
12	Đường liên thôn 10 đi thôn 8	Đoạn ngã 3 giao QL26 (Nhà ông Việt)	Đền hết đất nhà ông Tiến (hết thửa đất số 66, 278 TĐĐ số 267)	90	52	42	30
		Đền hết đất nhà ông Tiến (hết thửa đất số 66, 278 TĐĐ số 267)	Đền ngã ba đoạn giao với đường liên xã đi Ea Pál	66	44	36	28
13	Đường liên thôn 3 đi thôn 2	Hết ranh giới trường THCS Lý Tự Trọng	Đền ngã ba đoạn giao với đường liên thôn đi thôn 9 (nhà ông Thìn)	88	58	42	30
14	Đường thôn 8 đi xã M'Drắk	Phân hiệu trường tiểu học Hoàng Diệu (thôn 8)	Hết địa bàn xã (giáp ranh xã M'Drắk)	66	44	34	28
15	Khu quy hoạch chi tiết điểm dân cư thôn Ea Pil xã Cư Prao (thôn 1 xã Ea Pil)						
-	Đường liên thôn mở rộng lộ giới 8m (tuyến số 01)- tiếp giáp Quốc lộ 26	Đầu tuyến quy hoạch	Cuối tuyến quy hoạch	480			
-	Đường liên thôn mở rộng lộ giới 8m (tuyến số 02)- song song Quốc lộ 26	Đầu tuyến quy hoạch	Cuối tuyến quy hoạch	480			

16	Đường Buôn Năng đi Buôn Hoang tiếp nối Tỉnh lộ 13	Giáp suối (thửa đất số 54, 55 TĐĐ số 196)	Ngã ba tiếp nối Tỉnh lộ 13	50	36	30	28
17	Đường liên thôn 7 đi thôn 13	Ngã 3 giao với đường trục chính thôn 7	Ngã 3 đối diện Hội trường thôn 13 (thửa đất số 50, 61 TĐĐ số 117)	48	36	30	28
18	Trục đi thôn 14	Ngã ba trường tiểu học Nguyễn Du	Đến hết khu dân cư thôn 14	48	36	30	28
19	Trục đi thôn 7	Ngã tư tiếp giáp TL13 (chợ Cư Prao)	Ngã ba hết ranh nhà ông Toàn Hoài và trường tiểu học Nguyễn Du	220	120	48	30
		Ngã ba hết ranh nhà ông Toàn Hoài và trường tiểu học Nguyễn Du	Điểm trường tiểu học Nguyễn Du (thửa đất số 36, 72 TĐĐ số 139)	88	40	30	28
		Điểm trường tiểu học Nguyễn Du (thửa đất số 36, 72 TĐĐ số 139)	Hết địa bàn xã (giáp xã Ea Knốp)	56	36	30	28
20	Đường TL13 cũ	Ngã 3 giao TL13 với TL13 cũ (thửa đất số 18, 116, TĐĐ số 86)	Đến ngã ba đường (hết thửa đất số 47, 57, TĐĐ số 69)	88	36	30	28
21	Các trục đường bao khu trung tâm			138	120	100	60
22	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200m đến hết vị trí thửa đất (không tính hệ số khoảng cách). Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau:			28			
A58	XÃ EA TRANG						
1	Quốc lộ 26 (Vị trí 2; 3 được tính trong khoảng cách 300m không dùng hệ số khoảng cách)	Giáp địa giới tỉnh Khánh Hòa	Hết Trạm Kiểm Lâm số 1 (Km 33 QL26)	40	28	26	26
		Hết Trạm Kiểm Lâm số 1 (Km 33 QL26)	Ngã ba Ea Krông	52	32	26	26
		Ngã ba Ea Krông (đầu ranh cửa hàng xăng Trình Nguyên)	Ngã ba đường vào nhà Cộng đồng Buôn M'Hap (Nhà Mỹ Dong) (Hết thửa đất số 57, TĐĐ số 51 và thửa đất số 31, TĐĐ số 52)	40	28	26	26
		Ngã ba đường vào nhà Cộng đồng Buôn M'Hap (Nhà Mỹ Dong) (Hết thửa đất số 57, TĐĐ số 51 và thửa đất số 31, TĐĐ số 52)	Ngã ba đường đi Ea Bra (Hết thửa đất số 75, 81 TĐĐ số 33)	60	40	29	26
		Ngã ba đường đi Ea Bra (Hết thửa đất số 75, 81 TĐĐ số 33)	Cầu số 11, Km 47 + 526 QL26 (cầu Ba Danh)	40	28	26	26
		Cầu số 11, Km 47 + 526 QL26 (cầu Ba Danh)	Cầu số 12 (Km 48 + 540 QL26)	48	31	26	26
		Cầu số 12 (Km 48 + 540 QL26)	Hết thửa đất số 53, TĐĐ số 102 và thửa đất số 4, TĐĐ số 106	54	33	27	26
		Hết thửa đất số 53, TĐĐ số 102 và thửa đất số 4, TĐĐ số 106	Đến nhà ông Tranh (thửa đất số 64, 94 TĐĐ số 02)	40	28	26	26
		Đến nhà ông Tranh (thửa đất số 64, 94 TĐĐ số 02)	Hết địa bàn xã (giáp địa giới xã Cư M'Ta)	48	31	26	26
2	Đường liên xã đi xã Krông Á (Vị trí 2; 3 được tính trong khoảng cách 200m không dùng hệ số khoảng cách)	Ngã ba Ea Krông (Quốc Lộ 26)	Đến nhà Y Ngang (Hết thửa đất số 34, 54 TĐĐ số 84)	48	31	26	26
		Đến nhà Y Ngang (Hết thửa đất số 34, 54 TĐĐ số 84)	Hết địa bàn xã (Giáp xã Krông Á)	40	28	26	26
3	Đường giao thông đi Buôn M'O (Vị trí 2; 3 được tính trong khoảng cách 200m không dùng hệ số khoảng cách)	Ngã ba Buôn M'O (Quốc Lộ 26)	Hết khu dân cư Buôn M'O (Hết thửa đất số 16, 20 TĐĐ số 107)	40	28	26	26
4	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200m đến hết vị trí thửa đất (không tính hệ số khoảng cách). Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau:			26			
A59	XÃ HÒA PHÚ						

1	Quốc lộ 14	Hết địa bàn phường Thành Nhất	Hết thửa số 116, 663; TBD số 50	2.400	440	340	260
		Hết thửa số 116, 663; TBD số 50	Ngã ba đường đi Buôn Tuôr và đầu ranh giới trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	2.000	400	320	260
		Ngã ba đường đi Buôn Tuôr và đầu ranh giới trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	Cầu Sêrêpôk (Hết ranh giới xã Hòa Phú)	2.400	440	340	260
2	Tổ Hữu (Tỉnh lộ 2)	Hết ranh giới phường Thành Nhất	Hết ranh giới xã Hòa Phú	1.400	420	360	280
3	Đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông qua địa bàn xã	Hết thửa đất số 114; TBD số 273; thửa đất số 72; TBD số 274	Hết thửa đất số 67, 70; TBD số 283	1.600	440	400	340
		Hết thửa đất số 245; TBD số 79; thửa đất số 148; TBD số 82	Hết thửa đất số 80, 304; TBD số 31	1.200	400	360	
4	Đường vào hầm đá	Quốc lộ 14	Hội trường thôn 11 (Hết thửa đất số 27, 100; TBD số 295)	1.000	388	340	260
		Hội trường thôn 11 (Hết thửa đất số 27, 100; TBD số 295)	Ngã ba hết thửa đất số 6; TBD số 44; thửa đất số 7; TBD số 171	480	300	260	220
5	Đường vào Buôn Tuôr	Quốc lộ 14	Chi hội tin lành Buôn Tuôr (Hết thửa đất số 15; TBD số 293; thửa đất số 8; TBD số 294)	600	320	280	200
6	Đường vào thủy điện Hòa Phú	Quốc lộ 14	Ngã tư đường vào thôn 9, 10 (Hết thửa đất số 67, 81; TBD số 277)	1.000	400	340	280
		Ngã tư đường vào thôn 9, 10 (Hết thửa đất số 67, 81; TBD số 277)	Nghĩa địa làng Thái (Hết thửa đất số 28; TBD số 261; thửa đất số 64; TBD số 148)	800	380	312	240
		Nghĩa địa làng Thái (Hết thửa đất số 28; TBD số 261; thửa đất số 64; TBD số 148)	Ngã 3 thủy điện Hòa Phú (Hết thửa đất số 198; TBD số 109; thửa đất số 116; TBD số 214)	520	312	280	220
		Ngã 3 thủy điện Hòa Phú (Hết thửa đất số 198; TBD số 109; thửa đất số 116; TBD số 214)	Cầu Hòa Xuân	380	260	240	200
7	Đường vào xóm Hội Phụ lão	Quốc lộ 14	Cuối xóm Hội phụ Lão (Thôn 12) - (Hết thửa đất số 89, 90; TBD số 293)	460	300	240	200
8	Đường vào làng Thái	Quốc lộ 14	Đến ngã tư đường, hết thửa đất số 17, 246; TBD số 276	480	300	240	200
9	Đường đi thủy điện Buôn Kuốp	Quốc lộ 14	Đầu khu Công nghiệp Hòa Phú (Hết thửa đất số 104, 106; TBD số 163)	1.400	400	320	260
10	Đường giao thông buôn M'rê đi Buôn Niêng	Hết thửa đất số 114; TBD số 273; thửa đất số 72; TBD số 274	Ngã 4 chợ Hòa Xuân cũ	800	380	340	240
		Ngã 4 chợ Hòa Xuân cũ	Hết địa bàn xã Hòa Phú (Giáp ranh xã Ea Nuôl)	540	300	260	200
11	Đường giao thông Buôn M'rê đi Buôn Tuôr	Quốc lộ 14 (Công chào Khu dân cư Buôn M'rê)	Qua ngã tư Buôn Tuôr (Hết thửa đất số 213, 322; TBD số 287)	480	300	260	200
12	Đường giao thông thôn 1 đi Buôn M'rê	Ngã ba giao với đoạn Đường giao thông buôn M'rê đi Buôn Niêng	Ngã ba giao với đoạn Đường vào làng Thái	440	300	240	200
13	Đường giao thông Cầu Buôn Cư Dluê đi trại lúa giống Hòa Xuân	Cầu Buôn Cư Dluê (Giáp phường Thành Nhất)	Ngã tư đầu thôn 2 Hòa Xuân cũ (Hết thửa đất số 20, 67; TBD số 240)	800	360	320	220
		Ngã tư đầu thôn 2 Hòa Xuân cũ (Hết thửa đất số 20, 67; TBD số 240)	Hết Trụ sở trại lúa giống Hòa Xuân (Hết thửa đất số 19, 55; TBD số 226)	500	260	220	200
14	Đường liên xã đi phường Ea Kao (đi qua Buôn Kbu)	Tỉnh lộ 2	Hết địa bàn xã Hòa Phú (Giáp ranh phường Ea Kao)	680	540	460	280
	Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200m tính hết vị trí thửa đất. Ngoài 200m được tính mức giá như sau:				400	340	260
15	Đường giao thông đoạn từ Quốc lộ 14 đi Tỉnh lộ 2	Quốc lộ 14	Tỉnh lộ 2	500	312	260	220

16	Các trục đường khu dân cư thôn Tân Thành, Tụ Thành, Tụ An			340	340	240	200
A60	XÃ EA WER						
	Khu trung tâm hành chính xã (Khu trung tâm huyện Buôn Đôn cũ)						
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Ngã ba Nghĩa trang liệt sĩ	Ngã tư Viện kiểm sát (cũ)	1.716	944	688	428
		Ngã tư Viện kiểm sát (cũ)	Ngã tư Đài truyền thanh (cũ)	2.640	1.452	1.056	660
		Ngã tư Đài truyền thanh (cũ)	Đội quản lý điện lực Buôn Đôn	1.716	944	688	428
		Đội quản lý điện lực Buôn Đôn	Ngã tư Tòa Án (cũ)	1.028	568	412	256
2	Đường số 6	Ngã tư Đài truyền thanh (cũ)	Hết trường THPT Buôn Đôn	688	376	276	172
		Hết trường THPT Buôn Đôn	Giáp vành đai phía Đông	544	300	216	136
		Ngã tư Đài truyền thanh (cũ)	Ngã ba trường Hồ Tùng Mậu	688	376	276	172
		Ngã ba trường Hồ Tùng Mậu	Ngã ba đường vận hành 1 thủy điện 4	628	344	252	156
	Đường ngang						
3	Đường số 2 - Cạnh trụ sở công an xã (Công an huyện cũ)	Tỉnh lộ 17	Giáp đường số 4 (phía Đông)	352	192	140	88
		Tỉnh lộ 17	Hết ranh giới đất Công an xã (Công an huyện cũ)	264	144	104	68
4	Đường số 3	Đoạn từ ngã tư bưu điện	Giáp đường số 21	792	436	316	200
		Giáp đường số 21	Giáp đường số 4	440	244	176	112
		Đoạn từ ngã tư đường số 3-4	Đoạn từ ngã tư đường số 3-39	220	120	88	
		Đoạn từ ngã tư bưu điện	Hết lô A6 (ngã ba đường số 3 và đường số 14)	660	364	264	164
		Hết lô A6 (ngã ba đường số 3 và đường số 14)	Ngã tư đường số 3 và đường số 12	440	244	176	112
		Ngã tư đường số 3 và đường số 12	Giáp vành đai phía Tây	352	192	140	88
5	Đường số 4	Tỉnh lộ 17	Đường số 21	632	348	252	160
		Đường số 21	Hết vành đai phía Đông	352	192	140	88
		Tỉnh lộ 17	Hết lô A7 (ngã 4 đường 13 và đường số 4)	632	348	252	160
		Hết lô A7 (ngã 4 đường 13 và đường số 4)	Hết vành đai phía Tây	428	236	172	108
6	Đường số 5	Tỉnh lộ 17 (trụ sở viễn thông)	Giáp vành đai phía Tây	264	144	104	68
		Tỉnh lộ 17 (thư viện)	Giáp đường số 44	352	192	140	88
		Giáp đường số 44	Giáp vành đai phía Đông (đường số 8)	332	180	132	84
7	Đường số 7	Từ tỉnh lộ 17	Vành đai phía Đông (đường số 8)	368	204	148	92
		Từ tỉnh lộ 17	Vành đai phía Tây	308	168	124	76
8	Đường số 10 - Cạnh trụ sở công an xã (Công an huyện cũ)	Từ tỉnh lộ 17	Vành đai phía Tây (đường số 9)	264	144	104	68
9	Đường số 15	Hết thửa đất giao nhau đường số 14	Hết thửa đất giao nhau đường số 11	264	144	104	68

10	Đường số 16	Hết thửa đất giao nhau đường số 14	Hết thửa đất giao nhau đường số 12	264	144	104	68
11	Đường Số 17 (dọc chợ trung tâm xã (chợ huyện cũ))	Từ tỉnh lộ 17	Hết lô A7	660	364	264	164
		Hết lô A7	Hết lô A10	332	180	132	84
12	Đường số 18	Hết thửa đất giao nhau đường số 13	Hết thửa đất giao nhau đường số 19	368	204	148	92
13	Đường số 24	Tỉnh lộ 17	Nghĩa trang liệt sĩ	400	220	160	100
14	Đường số 25	Hết thửa đất giao nhau đường số 20	Hết thửa đất giao nhau đường số 4	220	120	88	
15	Đường số 26	Hết thửa đất giao nhau đường số 20	Hết thửa đất giao nhau đường số 4	220	120	88	
16	Đường số 28	Hết thửa đất giao nhau đường số 27	Hết thửa đất giao nhau đường số 8	220	120	88	
17	Đường số 29	Hết thửa đất giao nhau đường số 44	Hết thửa đất giao nhau đường số 45	220	120	88	
18	Đường số 34	Hết thửa đất giao nhau đường số 30	Hết thửa đất giao nhau đường số 31	292	160	116	72
19	Đường số 35 (Mặt sau B3)	Hết thửa đất giao nhau đường số 31	Hết thửa đất giao nhau đường số 33	400	220	160	100
20	Đường Số 36 (Đường đầu giá lô B3)	Hết thửa đất giao nhau đường số 30	Hết thửa đất giao nhau đường số 31	400	220	160	100
21	Đường số 37	Hết thửa đất giao nhau đường số 32	Vành đai phía Tây (đường số 9)	288	156	116	72
22	Đường số 42	Hết thửa đất giao nhau đường số 44	Hết thửa đất giao nhau đường số 45	220	120	88	
23	Đường số 43	Hết thửa đất giao nhau đường số 8	Hết thửa đất giao nhau đường số 38	368	204	148	92
	Đường dọc						
24	Đường số 11	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 16	264	144	104	68
25	Đường số 12	Hết thửa đất giao nhau đường số 16	Hết thửa đất giao nhau đường số 18	344	188	136	84
26	Đường số 13 (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 17	Hết thửa đất giao nhau đường số 18	632	348	252	160
27	Đường số 14 mặt sau lô A5; A6 (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 3	792	436	316	200
28	Đường số 19	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 5	244	132	96	60
29	Đường số 20 (mặt sau A12, A1, A4) (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 24	740	408	296	184
30	Đường số 21	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 26	220	120	88	
31	Đường số 22	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 24	264	144	104	68
32	Đường số 23	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 24	264	144	104	68
33	Đường số 27	Ngã ba phòng Giáo dục	Đường vành đai phía Đông (đường số 8)	264	144	104	68
34	Đường số 30 - Cảnh Trung tâm y tế Buôn Đôn (Bệnh viện huyện cũ)	Hết thửa đất giao nhau đường số 7	Hết thửa đất giao nhau đường số 34	220	120	88	
35	Đường số 31	Hết thửa đất giao nhau đường số 5	Hết thửa đất giao nhau đường số 36	244	132	96	60
36	Đường số 32	Hết thửa đất giao nhau đường số 6	Đường vành đai phía Tây (đường số 9)	264	144	104	68

37	Đường số 33 mặt sau lô A2 (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 6	Hết thửa đất giao nhau đường số 9	308	168	124	76
38	Đường 38 mặt sau lô A3, A8 (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 5	Hết thửa đất giao nhau đường số 8	308	168	124	76
39	Đường 39	Hết thửa đất giao nhau đường số 5	Hết thửa đất giao nhau đường vành đai phía Đông (đường số 8 - hướng ra PCCC)	368	204	148	92
		Hết thửa đất giao nhau đường số 5	Hết thửa đất giao nhau đường vành đai phía Đông (đường số 8 - hướng ra đường số 45)	316	176	128	80
40	Đường số 40	Hết thửa đất giao nhau đường số 7	Đường vành đai phía Đông (đường số 8)	244	132	96	60
41	Đường số 41	Hết thửa đất giao nhau đường số 7	Hết thửa đất giao nhau đường số 43	264	144	104	68
42	Đường số 44	Hết thửa đất giao nhau đường số 39	Hết đường quy hoạch (giáp đường số 43)	264	144	104	68
43	Đường số 45	Hết thửa đất giao nhau đường số 27	Hết thửa đất giao nhau đường số 43	264	144	104	68
44	Đường số 46	Hết thửa đất giao nhau đường số 7	Hết thửa đất giao nhau đường số 41	244	132	96	60
45	Đường vành đai phía Đông	Quán Vân Cương	Giáp đường số 6 (phía Đông)	264	144	104	68
		Giáp đường số 6	Giáp đường số 23	220	120	88	
46	Đường vành đai phía Tây	Tòa án (cũ)	Trung tâm y tế Buôn Đôn (bệnh viện huyện cũ)	244	132	96	60
		Trung tâm y tế Buôn Đôn (bệnh viện huyện cũ)	Giáp đường số 4	220	120	88	
		Giáp đường số 4	Giáp đường số 2	220	120	88	
		Giáp đường số 2	Ngã tư tỉnh lộ 17 - đường số 24	244	132	96	60
47	Đường trục trong lô K2-7 (giáp trụ sở Công an huyện)			264	144	104	68
48	Đường trục trong lô K2-6 (lô A9)			264	144	104	68
49	Đường trục trong lô K5-4 (lô B3)			288	156	116	72
50	Đường trục trong lô K5-6 - (giáp với Trung tâm y tế Buôn Đôn (bệnh viện huyện cũ)			288	156	116	72
51	Các đường ngang	Đường giữa lô A10		220	120	88	
52	Các đường ngang	Các trục đường còn lại Lô A11		220	120	88	
	Tuyến đường ngoài khu trung tâm						
53	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Giáp ranh giới xã Ea Nuôl (suối cạn)	Ngã ba đường vào chùa Pháp Vân	288	156	116	72
		Ngã ba đường vào chùa Pháp Vân	Hết thôn 9	572	316	228	144
		Hết thôn 9	Hết thôn 10	772	424	308	192
		Hết thôn 10	Hết ranh giới thôn 12	572	316	228	144
		Hết ranh giới thôn 12	Cây xăng Nam Tây Nguyên	688	376	276	172
		Cây xăng Nam Tây Nguyên	Ngã ba Nghĩa trang liệt sĩ	716	392	288	180
		Ngã tư Tòa Án (cũ)	Hết Dốc 50 (nhà ông Nguyễn Ngọc Thu)	616	340	248	156
		Hết Dốc 50 (nhà ông Nguyễn Ngọc Thu)	Đầu thôn 18	332	180	132	84
		Đầu thôn 18	Cổng thủy lợi (thôn 20)	372	204	148	92
		Cổng Thủy Lợi (thôn 20)	Cầu Ea Tul	372	204	148	92

		Cầu Ea Tul	Cầu 33	260	144	104	64
		Cầu 33	Cầu 34	316	172	124	80
		Cầu 34	Cầu 35	256	140	104	64
		Cầu 35	Giáp ranh xã Buôn Đôn	200	112	80	
54	Đường tỉnh lộ 19A (Tỉnh lộ 5 cũ)	Ngã Ba Tân Tiến	Hết ranh giới Trường Hoàng Văn Thụ	628	348	252	156
		Hết ranh giới Trường Hoàng Văn Thụ	Hết ranh giới thôn 5	488	268	196	120
		Hết ranh giới thôn 5	Hết Trường tiểu học Lê Lợi	572	316	228	144
		Hết Trường tiểu học Lê Lợi	Giáp ranh xã Ea Nuôl (Cuôr Knia cũ)	516	284	204	128
55	Đường ngang (xã Tân Hòa cũ)	Tỉnh lộ 17 (1 cũ-Ngã ba nhà bà Lợi)	Hết ranh giới chợ (xã Tân Hòa cũ)	288	156	116	72
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ-Ngã ba Bưu điện Văn hóa xã Tân Hòa cũ)	Vào lô F	288	156	116	72
		Ngã ba tỉnh lộ 17 (đường vào sinh 3/2)	Suối bà Chí	288	156	116	72
		Ngã ba Ba Tân	Đường nhựa giáp thủy điện Sêrêpôk 3	516	284	204	128
56	Đường dọc lô E và D trung tâm xã (xã Tân Hòa cũ)			288	156	116	72
57	Khu dân cư còn lại của thôn 14			172	96	68	
58	Giáp ranh thôn Ea Duắt			176	96	72	
59	Đường lô 2	Ngã ba tỉnh lộ 19	hết thôn 9	220	120	88	
60	Đường liên thôn (xã Tân Hòa cũ)	Ngã ba hội trường thôn 7	Ngã ba hội trường thôn 4	516	284	204	128
61	Đường ngang (xã Ea Wer cũ)	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Ngã ba đi cánh đồng Nà Xô (giáp đất bà Nguyễn Thị Dũng)	104	60		
		Ngã ba đi cánh đồng Nà Xô (giáp đất bà Nguyễn Thị Dũng)	Đập dâng Nà Xô	100			
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ-nhà ông Mộc)	Hết ngã ba vào Nghĩa địa thôn 18	104	60		
		Hết ngã ba vào Nghĩa địa thôn 18	Hết thôn 21	100			
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ-buôn Tul B)	Vào thôn 21	100			
		Đường Tỉnh lộ 17 (1 cũ - ngã ba Nà Wer)	Kênh thủy điện Sêrêpôk 4A	100			
		Kênh thủy điện Sêrêpôk 4A	Giáp sông Sêrêpôk (thôn Nà Ven cũ)	100			
		Sau trạm y tế Ea Wer	Cầu Ea Tul (đường lô 2)	104	60		
		Đầu buôn Tul B	Hết đường 135 (đường lô 2)	104	60		
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ - thôn 6)	Buôn Ea Pri	92			
		Ngã ba đường vận hành 1 thủy điện 4	Ngã ba đi hội trường thôn Ea Duắt	340	188	136	84
		Ngã ba đi hội trường thôn Ea Duắt	Giáp sông Sêrêpôk	228	124	92	
62	Đường vận hành thủy điện 4	Ngã ba đường vận hành	Giáp đường vành đai Phía Tây (đường số 9)	212	116	84	
63	Khu trung tâm xã (Trung tâm huyện cũ)	Ngã tư nhà ông Tươi	Ranh giới xã Ea Wer (Khu dân cư Ea Ly)	228	124	92	
64	Các đường buôn Tul A			80			
65	Các đường buôn Tul B			80			
66	Đường nối Tỉnh lộ 17 (cũ) Xã Ea Huar cũ	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Hội trường thôn 24 (thôn 8 Ea Huar cũ)	172	96	68	

		Hội trường thôn 24 (thôn 8 Ea Huar cũ)	Giáp ranh xã Ea M'Droh	144	80		
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ) (Trạm xá Ea Huar cũ)	Ngã tư (nhà ông Y hem)	144	80		
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Thác 7 nhánh (qua Buôn N'drêch)	172	96	68	
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Hết ranh giới nhà máy điện mặt trời Jang Pông	96			
		Ngã ba buôn Nà Xươc đi xã Ea M'Droh	Ngã ba cầu 34 (đường vòng sau UBND xã Ea Huar cũ)	172	96	68	
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ)-Vườn quốc gia Yok Đôn	Nhà máy nước sạch	88			
A61	XÃ EA NUÔL						
1	Tỉnh lộ 17 (TL1 cũ)	Giáp ranh giới với Phường Buôn Ma Thuột	Hết cầu buôn Niêng 1	1.488	744	596	448
		Hết cầu buôn Niêng 1	Hết ngã tư đường vào buôn Niêng 3	1.116	560	448	336
		Hết ngã tư đường vào buôn Niêng 3	Đến cầu Ea Mthar	744	372	296	224
		Đến cầu Ea Mthar	Ngã ba đường vào nhà máy thủy điện Sêrêpôk 3	816	408	328	244
		Ngã ba đường vào nhà máy thủy điện Sêrêpôk 3	Giáp ranh xã Ea Wer	520	260	208	156
2	Đường ngang	Tỉnh lộ 17	Giáp K68	892	448	356	268
		Ngã ba cây xăng (Vương Thương)	Ngã ba Ba Tân	520	260	208	156
		Ngã ba Ba Tân	Đường nhựa giáp thủy điện Sêrêpôk 3	520	260	208	156
		Ngã ba thôn Hòa An (tỉnh lộ 17)	Hết ranh giới thôn Hòa An	520	260	208	156
		Ngã ba Trường Mầm non Sơn Ca	Hết khu dân cư (ranh giới thôn Hòa Phú)	276	140	112	84
		Ngã ba nhà ông Nhân (Hết ranh 132 buôn Niêng 3)	Giáp ranh thôn 8, phường Buôn Ma Thuột	336	168	136	100
		Ngã ba Tập hóa Diêm	Hết ranh giới buôn Ea Mdhar 1A	276	140	112	84
		Ngã ba nhà ông Y Hen Byă	Hết ranh giới thôn Hoà Thanh	276	140	112	84
		Ngã tư nhà ông Sơn (thửa 790 tờ bản đồ 122)	Hết ranh giới khu du lịch Troh Bư	336	168	136	100
		Hết ranh giới khu du lịch Troh Bư	Hết ranh giới đất 132	224	112	88	68
		Ngã tư nhà ông Vinh (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 233)	Giáp ranh mô đá Minh Sáng	276	140	112	84
3	Đường vào Thủy Điện Dray H'Ling cũ	Ngã ba giáp ranh giới Phường Thành Nhất (BMT)	Suối Ea Piết (giáp ranh giới thôn Hòa Nam I - Hòa An)	200	100	80	60
4	Đường trục chính thôn Hòa An (Đại Đồng)	Ngã ba nhà ông Khôi (thửa đất số 673, tờ bản đồ số 126)	Đi sinh Cư Bor	200	100	80	60
5	Ngã ba đường vào cụm công nghiệp	Ngã ba nhà ông Năm Tiểu (cuối buôn Kô Dung B) (thửa đất số 252, tờ bản đồ số 121)	Hết khu dân cư (cụm công nghiệp Ea Nuôl)	200	100	80	60
6	Đường ngang	Ngã ba nhà bà Mến (sau UBND xã Ea Nuôl cũ)	Giáp ranh Chùa Long Thọ	276	140	112	84
		Ngã ba Trường Mầm non Bằng Lăng Tím	Hết ranh giới nhà ông Thắng (thửa đất số 447, tờ bản đồ số 118)	276	140	112	84
		Ngã ba nhà ông Lan (TL 17)	Đến ngã tư đường (nhà ông Thành)	520	260	208	156
		Ngã ba vào chợ Ea Nuôl (cũ)	Đến ngã tư đường (nhà ông Cộng)	520	260	208	156

7	Tỉnh lộ 17E (TL5 cũ)	Giáp ranh giới xã Ea Wer	Ngã ba thôn 3	720	360	288	216
		Ngã ba thôn 3	Ngã ba ông Hạnh (cà phê Hải Thủy)	800	400	320	240
		Ngã ba ông Hạnh (cà phê Hải Thủy)	Giáp ranh giới xã Ea Bar cũ	640	320	256	192
8	Đường ngang	Ranh nhà bà Lê (thửa đất số 175, tờ bản đồ số 4)	Giáp ranh giới xã Ea Wer (Tân Hòa cũ)	184	92	72	56
		Ngã ba trường Hoa Mai	Hết ranh giới nhà ông Hùng (thửa đất số 140, tờ bản đồ số 58)	320	160	128	96
		Ngã ba trường Nguyễn Bình Khiêm (thửa đất số 29, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh giới nhà ông Sáu (thửa đất số 109, tờ bản đồ số 58)	320	160	128	96
		Ngã ba đối diện hội trường thôn 4	Hết ranh giới nhà ông Tâm (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 61)	320	160	128	96
		Cổng chào thôn 4	Hết ranh giới nhà ông Đồng (thửa đất số 104, tờ bản đồ số 75)	320	160	128	96
		Ngã ba nhà ông Tâm (TL 17E)	Hết ranh giới nhà bà Lê (thửa đất số 138, tờ bản đồ số 59)	240	120	96	72
		Ngã ba thôn 3	Hết ranh giới nhà bà Đào (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 58)	320	160	128	96
		Ngã ba hội trường thôn 4	Hết ranh giới nhà bà Tây (thửa đất số 9, tờ bản đồ số 69)	320	160	128	96
		Ngã ba ông Hạnh (cà phê Hải Thủy) (thửa đất số 173, tờ bản đồ số 70)	Hết ranh giới nhà ông Tuấn (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 69)	400	200	160	120
		Ngã ba Chợ Cuôr Knia cũ	Hết ranh giới nhà ông Xanh (thửa đất số 847, tờ bản đồ số 54)	320	160	128	96
		Đập cây sung	Ngã ba thôn Ea Kning	320	160	128	96
		Ngã ba thôn Ea Kning	Giáp ranh giới xã Ea M'Droh	320	160	128	96
		Ngã ba thôn 12	Thôn 10 xã Ea Bar cũ	172	88	68	52
		Ngã ba thôn 6	Giáp ranh giới thôn 17 xã Ea Bar cũ	240	120	96	72
		Ngã ba thôn Ea Kning	Giáp đường đi Ea Bar cũ	172	88	68	
9	Khu vực thôn 4			164			
10	Tỉnh lộ 19A (5 cũ)	Giáp ranh giới xã Ea Nuôl (Cuôr Knia cũ)	Hết ranh giới đất Trường Lê Văn Tám	744	372	296	224
		Hết ranh giới đất Trường Lê Văn Tám	Ngã tư chợ cũ	1.188	596	476	356
		Ngã tư chợ cũ	Hết ranh giới đất trụ sở UBND xã	2.472	1.236	988	740
		Hết ranh giới đất trụ sở UBND xã	Hết trường mầm non Hoa Lan	1.372	688	548	412
		Ngã tư trường mầm non Hoa Lan	Ngã tư nhà ông Hồ Xuân Đường (thửa đất số 295, tờ bản đồ số 103)	892	448	356	268
		Ngã tư nhà ông Hồ Xuân Đường	Ngã ba giống cây Minh Phát	632	316	252	188
		Ngã ba giống cây Minh Phát	Ngã ba Đài tưởng niệm	752	376	300	224
		Ngã ba Đài tưởng niệm	Giáp ranh thành phố Buôn Ma Thuột	744	372	296	224
11	Đường ngang	Ngã tư chợ cũ	Hết ranh nhà ông Trần Văn Nhiên (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 96)	2.232	1.116	892	668
		Hết ranh nhà ông Trần Văn Nhiên (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 96)	Ngã ba nhà ông Trần Văn Liên (thửa đất số 479, tờ bản đồ số 56)	296	148	120	88

		Ngã ba nhà ông Trần Văn Liên (thửa đất số 479, tờ bản đồ số 56)	Hết ranh giới đất nhà ông Lê Quý Hiền (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 81)	484	244	192	144
		Hết ranh giới đất nhà ông Lê Quý Hiền (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 81)	Giáp ranh xã Ea M'Droh	408	204	164	124
		Ngã tư nhà bà Thái Thị Dư (Cây xăng Trầm Oanh) (thửa đất số 321, tờ bản đồ số 56)	Ngã tư thôn 12	224	112	88	68
12	Hai trục ngang bên hông chợ Ea Bar cũ			2.084	1.044	832	624
13	Đường ngang sau chợ	Hết ranh nhà ông Trần Văn Nhiên (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 96)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn La (đường lô 2) (thửa đất số 335, tờ bản đồ số 95)	1.488	744	596	448
14	Đường xung quanh khu đấu giá lô F (tiệm vàng Kim Hải cũ)	Ngã tư chợ cũ	Ngã ba nhà ông Tiến (mặt sau lô F) (thửa đất số 111, tờ bản đồ số 90)	1.100	552	440	332
		Từ ngã ba giáp đường đi Ea M'Droh (gần nông sản Thanh Bình)	Hết mặt sau lô F	480	240	192	144
		Từ ngã ba đường liên thôn 16, 16A, 17, 17A	Hết mặt sau lô F	480	240	192	144
15	Đường liên thôn 16, 16A, 17, 17A	Ngã ba nhà ông Tiến (mặt sau lô F) (thửa đất số 111, tờ bản đồ số 90)	Giáp đường sang xã Cuôr Knia cũ	692	348	276	208
16	Đường liên thôn 15, 18, 18A, 18B	Ngã tư cửa hàng Hòa Lan	Giáp đường vào nghĩa địa 15/3	520	260	208	156
17	Đường ngang	Ngã ba nhà ông Thức (thửa đất số 138, tờ bản đồ số 95)	Hết ranh giới nhà ông Phước (thửa đất số 245, tờ bản đồ số 93)	320	160	128	96
18	Đường khu vực thôn 5, 6, 8, 9			224	112	90	68
19	Các khu dân cư có trục đường	Trục đường trên 3,5 mét	Đến dưới 6,0 mét	200			
		Trục đường trên 6,0 mét	Đến dưới 8,0 mét	240			
		Trục đường trên 8,0 mét	Đến dưới 12,0 mét	280			
		Trục đường trên 12,0 mét	Đến dưới 16,0 mét	320			
		Trục đường trên 16,0 mét	Đến dưới 18,0 mét	360			
		Trục đường trên 18,0 mét	Đến dưới 24,0 mét	400			
20	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200 m đến hết vị trí thửa đất (không tính hệ số khoảng cách). Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau:			68			
A62	XÃ BUỒN ĐƠN						
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Giáp ranh xã Ea Wer	Ngã ba đường vào Mô đá (thửa 21 tờ 206)	436	260	196	132
		Ngã ba đường vào Mô đá (thửa 21 tờ 206)	Hết ranh giới đất cây xăng Nam Tây Nguyên	584	352	264	176
		Hết ranh giới đất cây xăng Nam Tây Nguyên	Ngã ba đường vào buôn Trí	680	408	308	204
		Ngã ba đường vào buôn Trí	Hồ Ea Rông	388	232	176	116
		Hồ Ea Rông	Ngã tư Bán Đôn	316	188	144	96
		Ngã tư Bán Đôn	Cầu Ea Mar	268	160	120	80
		Cầu Ea Mar	Đập Đăk Minh	224	136	100	68
		Đập Đăk Minh	Giáp ranh xã Ea Súp	188	112	84	56

2	Đường ngang	Ngã ba đường vào Buôn Trí	Ngã Tư Khăm Thung (thửa 3 tờ 188)	316	188	144	96
		Ngã Tư Khăm Thung (thửa 3 tờ 188)	Cầu buôn Trí	360	216	164	108
		Cầu buôn Trí	Ngã tư Bàn Đôn	214	128	96	64
		Ngã ba đường vào Mô đá (thửa 21 tờ 206)	Ngã ba đường đi Nhà thờ thôn Thống Nhất (thửa 129, tờ 189)	208	124	92	64
		Ngã tư thôn Thống nhất (thửa 10, tờ 205)	Ngã ba đường đi Nhà thờ thôn Thống Nhất (thửa 129, tờ 189)	240	144	100	70
		Ngã tư Bàn Đôn	Buôn Ea Mar (đường 135)	180	108	80	56
		Ngã ba đường vào D19	Hạt kiểm lâm Vườn Quốc Gia Yok Đôn	132	80	60	
		Ngã ba Hạt kiểm lâm Vườn Quốc Gia Yok Đôn	Cầu tràn	148	88	68	
		Ngã ba khu sinh thái	Khu du lịch hồ Đăk Minh (thửa 2, tờ 182)	208	124	92	64
		Ngã ba đường vào Buôn Đrăng Phók	Trạm 6 Vườn quốc gia	132	80	60	
		Đầu trạm Buôn Đrăng Phók	Nghĩa địa Đrăng Phók	100	60		
		Khu vực buôn Ea Rông B		214	128	96	64
3	Đường giao thông	Ngã ba thửa 108, tờ 188	Ngã ba nhà văn hóa cộng đồng Buôn Trí B	178	108	80	52
		Ngã ba nhà văn hóa cộng đồng Buôn Trí B	Đến hết thửa 74, tờ 192	160	96	72	
		Ngã tư nhà ông Y Nham (thửa 143, tờ 188)	Đến hết thửa 59, tờ 192	156	92	72	
		Ngã ba đường đi Nhà thờ thôn Thống Nhất (thửa 129, tờ 189)	Cầu thủy điện Sêrêpók 4A	166	100	76	
		Ngã tư thửa 72, tờ 189	Đến ngã ba thửa 59, tờ 192	208	124	92	64
		Ngã ba tỉnh lộ 17 (thửa 14 tờ bản đồ 208)	Ngã ba thửa đất số 2 tờ BĐ 194	124	76	56	
		Ngã ba tỉnh lộ 17 (thửa 59 tờ bản đồ 189)	Ngã tư đường vào thác Phạt (thửa đất số 123 tờ bản đồ 205)	124	76	56	
4	Đối với Các vị trí 2, 3 và 4 đến đường, đoạn đường có tên trong Bảng giá đất được tính trong phạm vi 200 m đến hết vị trí thửa đất (không tính hệ số khoảng cách). Ngoài 200m được tính theo các Quy định Bảng giá đất mà có giá nhỏ hơn mức giá sau đây thì lấy giá theo giá như sau:			52			
A63	XÃ EA KIẾT						
1	Quốc lộ 29	Ngã tư Ủy ban nhân dân xã	+ 300m đi xã Cư Pong	1.240	620	496	310
		+ 300m đi xã Cư Pong	Trường Tiểu học Phan Đăng Lưu	480	240	192	120
		Trường Tiểu học Phan Đăng Lưu	Cổng chào thôn Thác Đá - 1000m	360	180	144	90
		Cổng chào thôn Thác Đá	+ 1000m đi xã Cư Pong, xã Ea Súp	600	300	240	150
		Cổng chào thôn Thác Đá +1000m đi xã Cư Pong	Giáp xã Cư Pong	360	180	144	90
		Ngã tư Ủy ban nhân dân xã	+ 550m đi xã Ea Súp (cổng chào thôn 10)	1.240	620	496	310
		+ 550m đi xã Ea Súp (cổng chào thôn 10)	Hết trụ sở công ty Buôn Ja Wằm	480	240	192	120
		Hết trụ sở công ty Buôn Ja Wằm	Ngã ba tiểu đoàn 303	400	200	160	100
		Ngã ba tiểu đoàn 303	Ngã ba đi thôn 6 (đường đất)	220	110	88	
		Ngã ba đi thôn 6 (đường đất)	Giáp xã Buôn Đôn	192	96	77	
2	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Cư M'gar	Ngã tư Ủy ban nhân dân xã	+ 300m đi xã Cư M'gar	1.240	620	496	310
		+ 300m đi xã Cư M'gar	Giáp ranh xã Cư M'gar	200	100	80	

3	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Ea M'Droh	Quốc lộ 29	+ 300m đi xã Ea M'Droh	208	104	83	
		+ 300m đi xã Ea M'Droh	Giáp ranh xã Ea M'Droh	120	60	48	
4	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Ea Tul	Giáp ranh giới xã Ea Tul	+ 600m đi xã Cư Pong	480	240	192	120
		+ 600m đi xã Cư Pong	Đường liên xã đi Ea Kiết - Cư Pong (cầu suối đá)	160	80	64	
5	Đường giao thông liên xã đi Ea Kiết đi xã Ea Súp	Cầu suối đá	Cửa xả nước hồ buôn Wíng	240	120	96	60
		Cửa xả nước hồ buôn Wíng	Hết trụ sở UBND xã	256	128	102	64
		Hết trụ sở UBND xã	Giáp Cư Pong	140	70	56	
6	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Ea Súp	Ngã ba tiểu đoàn 303	+ 1,500m	200	100	80	
		+ 1,500m	Giáp xã Ea Súp	140	70	56	
7	đường giao thông liên xã Ea M'Droh mới	Ngã ba Quốc lộ 29	đến giáp ranh giới xã Ea M'Droh	160	80	64	
8	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Ea Khal (từ buôn Ayun đi buôn Ja Rai đi buôn Xê Đăng)	Đường liên xã đi Cư Pong "(Ngã ba trường Trần Quang Diệu))	Ngã ba cổng chào buôn Ja Jai	132	66	53	
		Ngã ba cổng chào buôn Ja Jai	Giáp xã Ea Khal (xã Ea Tir cũ)	80	40		
9	Đường giao thông thôn Thác Đá đi thôn 10 (Quốc lộ 29 Ngã tư thôn 10)	Ngã ba thôn Thác Đá	+ 300m	132	66	53	
		+ 300m	Ngã ba nghĩa địa Buôn Ja Wăm A	120	60	48	
		Ngã ba nghĩa địa Buôn Ja Wăm A	Giáp quốc lộ 29 (Ngã tư thôn 10)	200	100	80	
10	Đường giao thông thôn 15 đi Buôn Dao	đường liên xã đi Ea Kiết - Cư Pong	+ 500m	128	64	51	
		+ 500m	+ 4900m	96	48		
		+ 4900m	Giáp quốc lộ 29	200	100	80	
11	Khu dân cư Buôn Ja Wăm A, Buôn Ja Wăm B, Buôn H'Mông, Buôn Luk, Buôn Ja Rai, Buôn Xê đăng			60	30		
12	Đường giao thông trung tâm xã đi thôn 2	Quốc lộ 29	Ngã tư trường Hoàng Văn Thụ	720	360	288	180
		Ngã tư trường Hoàng Văn Thụ	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Ea Súp	136	68	54	
13	Đường giao thông thôn 8 đi thôn 9	Quốc lộ 29	+ 300m	168	84	67	
		+ 300m	+ 3,300m	136	68	54	
		+ 3,300m	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Cư M'gar	144	72	58	
14	Đường giao thông thôn 11 đi thôn 9	Quốc lộ 29	+ 300m	168	84	67	
		Quốc lộ 29 + 300m	Đường thôn 8 đi thôn 9	136	68	54	
15	Đường giao thông thôn 7 đi thôn 2	Đường giao thông từ Ngã ba Thác Đá đến Quốc lộ 29 (Ngã tư thôn 10)	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Ea Súp	112	56	45	
16	Đường giao thông đi thôn 1	Quốc lộ 29	Đường giao thông từ thôn Thác Đá đi thôn 10	200	100	80	
17	Đường giao thông thôn 5 đi thôn 6	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Cư M'gar	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Ea M'Droh	600	300	240	150
		Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Ea M'Droh	Đường 600 (đi QL 29)	104	52	42	
18	đường giao thông thôn 10 đi thôn 6	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Ea M'Droh	Hội trường thôn 6	140	70	56	
19	đường giao thông liên thôn 5, thôn 10	Quốc lộ 29	Đường giao thông từ thôn Thác Đá đi thôn 10	168	84	67	

20	đường giao thông liên thôn 1, thôn 5	Quốc lộ 29	Đường giao thông từ thôn Thác Đá đi thôn 10	168	84	67	
21	đường giao thông thôn 14 đi Buôn Ja Wằm A	Quốc lộ 29	Buôn Ja Wằm A	168	84	67	
22	Đường giao thông thôn 15 đi Buôn Thái 1	Đường giao thông liên xã đi Ea Kiết đi xã Cư Pong	+ 200m	120	60	48	
		+ 200m	+ 1500m	96	48		
23	Đường giao thông thôn 15 đi Buôn Thái 2	Đường giao thông liên xã đi Ea Kiết đi xã Cư Pong	+ 200m	120	60	48	
		+ 200m	+ 1500m	96	48		
24	Đường giao thông thôn 15 (vào trụ sở Công ty TNHH LN Buôn Wìng)	Đường giao thông liên xã đi Ea Kiết đi xã Cư Pong	Hết trụ sở công ty Buôn Ja Wằm	120	60	48	
		Hết trụ sở công ty Buôn Ja Wằm	+ 800m	96	48		
25	đường giao thông Buôn Jarai đi thôn Đoàn Kết	Đường giao thông liên xã Ea Kiết đi xã Ea Khal (từ buôn Ayun đi buôn Ja Rai đi buôn Xê Đăng)	Đường giao thông liên xã đi Ea Kiết đi xã Cư Pong	96	48		
26	Khu dân cư Buôn Wìng	Đường giao thông liên xã đi Ea Kiết đi xã Cư Pong	+ 200m	100	50	40	
		+ 200m	Hết khu dân cư	88	44		
27	Khu dân cư Buôn Ayun	Đường giao thông liên xã đi Ea Kiết đi xã Cư Pong	+ 200m	100	50	40	
		+ 200m	Hết khu dân cư	88	44		
28	Khu dân cư Buôn Triết	Đường giao thông thôn Thác Đá đi thôn 10	+ 200m	100	50	40	
		+ 200m	Hết khu dân cư	88	44		
A64	EA M'DROH						
1	Đường xã Ea M'Droh 01 (trừ khu đất giá)	Ngã ba trung tâm xã	Đường đi xã Cư M'gar +500m	1.440	792	576	360
		Đường đi xã Cư M'gar +500m	Cua 90 +330m	1.200	660	480	300
		Cua 90 +330m	Giáp ranh giới xã Cư M'gar	880	484	352	220
		Ngã ba trung tâm xã	Đường đi xã Ea Kiết +500m	1.200	660	480	300
		Đường đi xã Ea Kiết + 500m	Đường đi xã Ea Kiết +3000m (giáp ranh Nghĩa trang thôn Hiệp Nhất)	720	396	288	180
		Đường đi xã Ea Kiết +3000m (giáp ranh Nghĩa trang thôn Hiệp Nhất)	Giáp ranh giới xã Ea Kiết	340	188	136	
2	Đường xã Ea M'Droh 02	Cầu giáp ranh xã Quảng Phú (cầu xã Quảng Tiến cũ)	Ngã tư trường Nguyễn Huệ (Ngã tư đi đường xã Ea M'Droh 04) +250m	540	296	216	136
		Ngã tư trường Nguyễn Huệ (Ngã tư đi đường xã Ea M'Droh 04) +250m	Giáp ranh giới xã Ea Nuôl (xã Ea Bar cũ)	420	232	168	104
3	Đường xã Ea M'Droh 03	Đường xã Ea M'Droh 02 (thôn 1B)	Giáp ranh xã Quảng Phú (buôn Pók B)	540	270	216	112
4	Đường xã Ea M'Droh 04	Đường xã Ea M'Droh 02 (thôn 3)	Giáp ranh xã Quảng Phú (cầu xã Cư Suê cũ)	540	270	216	
5	Đường xã Ea M'Droh 05	Đường xã Ea M'Droh 01	Đường đi đập buôn Nhung +1270m	340	188	136	
		Đường đi đập buôn Nhung +1270m	Ngã ba đập buôn Nhung	280	156	112	

		Ngã ba đập buồn Nhung	Giáp ranh giới xã Cư M'gar (xã Ea H'đinh cũ)	160	80	64	
6	Đường xã Ea M'Droh 06	Đường xã Ea M'Droh 01 (cua 90)	Đường xã Ea M'Droh 02 (thôn 1A)	328	180	132	
7	Đường liên xã Ea M'Droh hướng đi mỏ đá An Nguyên, xã Ea Wer và xã Ea Kiết	Ngã ba trung tâm xã	Đường đi mỏ đá An Nguyên (UBND xã Ea M'Droh cũ) +550m	1.120	616	448	280
		Đường đi mỏ đá An Nguyên (UBND xã Ea M'Droh cũ) +550m	Đường đi mỏ đá An Nguyên (UBND xã Ea M'Droh cũ) +1000m	800	440	320	200
		Đường đi mỏ đá An Nguyên (UBND xã Ea M'Droh cũ) +1000m	Đường đi mỏ đá An Nguyên (UBND xã Ea M'Droh cũ) +3100m	300	164	120	
		Đường đi mỏ đá An Nguyên (UBND xã Ea M'Droh cũ) +3100m	Ngã tư đi mỏ đá An Nguyên, xã Ea Wer và xã Ea Kiết	480	264	192	120
		Ngã tư đi mỏ đá An Nguyên, xã Ea Wer và xã Ea Kiết	Đường đi xã Ea Kiết +700m	400	200	160	
		Đường đi xã Ea Kiết +700m	Giáp ranh giới xã Ea Kiết	224	112		
		Ngã tư đi mỏ đá An Nguyên, xã Ea Wer và xã Ea Kiết	Đường đi xã Ea Wer +200m	400	220	160	100
		Đường đi xã Ea Wer +200m	Giáp ranh giới xã Ea Wer (xã Ea Huar cũ)	192	104		
8	Đường liên xã Ea M'Droh - xã Ea Wer	Đường xã Ea M'Droh 01 (Ngã ba vườn tếch)	Đường đi xã Ea Wer +1000m	380	208	152	96
		Đường đi xã Ea Wer +1000m	Giáp ranh giới xã Ea Wer	340	188	136	
9	Đường liên xã Ea M'Droh - xã Cư M'gar	Ngã ba (đi xã Quảng Phú - xã Ea Nuôl, xã Cư M'gar)	Giáp ranh giới xã Cư M'gar (cầu cháy)	260	130	104	
10	Đường liên xã Ea M'Droh - xã Ea Nuôl	Đường xã Ea M'Droh 02 (thôn 2A)	Giáp ranh giới xã Ea Nuôl (xã Cuôr Knia cũ)	400	200	160	
11	Tuyến đường Vành đai	Đường liên xã Ea M'Droh hướng đi mỏ đá An Nguyên, xã Ea Wer và xã Ea Kiết (thôn Hiệp Thành)	Hướng đi xã Ea Nuôl + 100m	240	132	96	
		Hướng đi xã Ea Nuôl + 100m	Giáp ranh xã Ea Nuôl (Cuôr Knia cũ)	180	100		
12	Đường vào mỏ đá An Nguyên	Ngã tư đi mỏ đá An Nguyên, xã Ea Wer và xã Ea Kiết	Đường đi vào mỏ đá + 450m	156			
		Đường đi vào mỏ đá + 450m	Hết đường (giáp ranh xã Ea Kiết)	140	70	56	
13	Đường vào khu dân cư thôn Hiệp Lợi	Ngã ba đập buồn Nhung	Đường xã Ea M'Droh 01 (thôn Hiệp Đạt)	216	120		
14	Đường đi thôn 8	Ngã ba trường TH-THCS Hùng Vương	Tuyến đường Vành đai	240	132	96	
15	Khu vực chợ (Quảng hiệp cũ)	Các lô đất trong khu vực chợ		720	396	288	180
16	Đường đi Bưu Điện (Quảng hiệp cũ)	Đường xã Ea M'Droh 01 (thôn Hiệp Hưng)	Đường liên xã Ea M'Droh hướng đi mỏ đá An Nguyên, xã Ea Wer và xã Ea Kiết	1.000	500	400	100
17	Đường đi Trạm Y tế (Quảng hiệp cũ)	Đường xã Ea M'Droh 01 (thôn Hiệp Hưng)	Hết Trạm Y tế (xã Quảng Hiệp cũ)	960	480	384	
18	Đường vào Trường Ngô Gia Tự	Đường xã Ea M'Droh 01 (Ngã ba cây Phượng)	Ngã 4 trường Ngô Gia Tự	320	160	128	
19	Khu dân cư Trung tâm xã (Thôn Hiệp Thịnh, Hiệp Tiến, Hiệp Hưng)	UBND xã +800m đến các phía		180	90		
18	Khu dân cư các thôn Bình Hoà, Hiệp Đạt, Hiệp Hòa và khu dân cư còn lại thôn Hiệp Thịnh, Hiệp Tiến, Hiệp Hưng			152			

19	Khu dân cư các thôn 1A, 1B, 2A, 2B, thôn 3			144			
20	Khu dân cư các thôn 6, 8, Hiệp Đoàn, Hiệp Kết, Hiệp Lợi, Hiệp Nhất, Hiệp Thắng, Hiệp Thành, Hiệp Bình			128			
21	Khu dân cư các buôn Cuôr, buôn Ea M'Droh			112			
22	Khu dân cư các thôn Thạch Sơn, Hợp Thành, Hợp Hoà, Đại Thành, Đồng Giao, Đoàn Kết, Đồng Tâm và buôn Nhung			96			
23	Khu đấu giá điểm dân cư Quảng Hiệp (cũ)	Các thửa đất tiếp giáp đường xã Ea M'Droh 01		1.400			
		Các thửa đất trên trục đường quy hoạch 8 mét		1.000			
		Thửa đất tiếp giáp đường xã Ea M'Droh 01 (Ngã ba vườn tếch)		1.400			
A65	XÃ QUẢNG PHÚ						
1	A Ma Khê	Hùng Vương	Hết đường	520	312	236	
2	A Ma Zhao	Lê Hồng Phong	Hết đường	640	384	288	
3	An Dương Vương	Nguyễn Hữu Thọ	Trường Chinh	1.320	792	596	
4	Bà Triệu	Phù Đồng	Hàm Nghi	1.000	600	452	
		Hàm Nghi	Lê Lai	840	504	380	
		Lê Lai	Lý Nhân Tông	760	456	344	
5	Bùi Thị Xuân	Hùng Vương	Nguyễn Du	1.000	600	452	
		Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	720	432	324	
6	Các lô đất trong khu vực chợ			5.680	3.408	2.556	
7	Cách Mạng Tháng 8	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	9.480	5.688	4.268	
		Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Công Trứ	3.280	1.968	1.476	
		Nguyễn Công Trứ	Duy Tân	520	312	236	
8	Chu Văn An	Đoàn Thị Điểm	Cách Mạng Tháng 8	800	480	360	
9	Duy Tân	Nguyễn Trung Trực	Võ Thị Sáu	800	480	360	
10	Đình Tiên Hoàng	Phù Đồng	Hàm Nghi	1.000	600	452	
		Hàm Nghi	Lê Lai	840	504	380	
		Lê Lai	Lý Nhân Tông	760	456	344	
11	Đình Núp	Hùng Vương	Nguyễn Thị Minh Khai	2.400	1.440	1.080	
12	Điện Biên Phủ	Hùng Vương	Lê Hữu Trác	8.400	5.040	3.780	
		Lê Hữu Trác	Nguyễn Chí Thanh	9.480	5.688	4.268	
13	Đoàn Thị Điểm	Nguyễn Du	Nguyễn Chí Thanh	3.280	1.968	1.476	
		Nguyễn Chí Thanh	Tô Hiệu	720	432	324	
14	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1.920	1.152	864	
		Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Hết đường	1.200	720	540	
15	Đường nằm giữa song song với đường Hàm Nghi và đường Phù Đồng	Trần Kiên	Lý Thường Kiệt	1.120			

16	Đường giữa Hùng Vương và Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Hữu Thọ	Hoàng Diệu	2.376	1.424	1.068	
17	Đường ranh giới TT Quảng Phú - xã Quảng Tiến (cũ)	Hùng Vương	Nguyễn Du	960	576	432	
18	Hà Huy Tập	Hùng Vương	Nơ Trang Long	1.600	960	720	
19	Hàm Nghi	Lý Nam Đế	Trần Kiên	800	480	360	
20	Hai Bà Trưng	Phù Đổng	Hàm Nghi	1.000	600	452	
		Hàm Nghi	Lê Lai	840	504	380	
21	Hoàng Diệu	Hùng Vương	Nguyễn Thị Minh Khai	2.400	1.440	1.080	
22	Hồ Xuân Hương	Nguyễn Du	Nguyễn Chí Thanh	3.200	1.920	1.440	
23	Huỳnh Thúc Kháng	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	1.400	840	632	
		Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	920	552	416	
24	Hoàng Văn Thụ	Hùng Vương	Lê Hữu Trác	4.000	2.400	1.800	
25	Huyền Trân Công Chúa	Nguyễn Văn Linh	A Ma Zhao	520	312	236	
26	Hẻm Trường 10- 3	Quang Trung	Hết đường	640	384	288	
27	Kim Đồng	Hùng Vương	Hết đường	1.600	960	720	
28	Khu dân cư tổ dân phố 1. 5. 6			320	192	144	
29	Khu dân cư tổ dân phố 3. 3A. 4. 7			264	160	120	
30	Khu dân cư tổ dân phố 8			212	128	96	
31	Lý Nam Đế	Hùng Vương	Hàm Nghi	840	504	380	
		Hàm Nghi	Lê Lai	520	312	236	
		Lê Lai	Hết đường	440	264	200	
32	Lý Thường Kiệt	Hùng Vương	Phù Đổng	2.640	1.584	1.188	
		Phù Đổng	Hàm Nghi	1.240	744	560	
		Hàm Nghi	Lê Lai	720	432	324	
		Lê Lai	Hết đường	400	240	180	
33	Lê Đại Hành	Phù Đổng	Hàm Nghi	920	552	416	
		Hàm Nghi	Lê Lai	840	504	380	
		Lê Lai	Lý Nhân Tông	760	456	344	
34	Lê Lợi	Hùng Vương	Phù Đổng	2.360	1.416	1.064	
		Phù Đổng	Hàm Nghi	1.320	792	596	
		Hàm Nghi	Lê Lai	720	432	324	
		Lê Lai	Lý Nhân Tông	368	220	164	
35	Lý Thái Tổ	Phù Đổng	Hàm Nghi	1.000	600	452	
		Hàm Nghi	Lê Lai	840	504	380	
		Lê Lai	Lý Nhân Tông	760	456	344	

36	Lê Duẩn	Hùng Vương	Nguyễn Thị Minh Khai	2.400	1.440	1.080	
37	Lạc Long Quân	Hoàng Diệu	Đinh Núp	960	576	432	
38	Lê Lai	Ranh giới xã Quảng Tiến	Trần Kiên	640	384	288	
39	Lê Hữu Trác	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Y Ngông Niê Kđăm	4.000	2.400	1.800	
40	Lý Tự Trọng	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	3.200	1.920	1.440	
41	Lê Thánh Tông	Lê Văn Tám (điều chỉnh theo QĐ số 19/2022)	Y Ngông Niê Kđăm	1.200	720	540	
42	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Công Trứ	1.200	720	540	
		Nguyễn Công Trứ	Duy Tân	760	456	344	
43	Lê Văn Tám	Y Bih Alêô	Nguyễn Chí Thanh	1.200	720	540	
44	Lý Nhân Tông	Quang Trung	Trần Kiên	520	312	236	
45	Lê Hồng Phong	Hùng Vương	A Ma Zhao	1.600	960	720	
46	Lê Quý Đôn	Hùng Vương	Nguyễn Văn Linh	1.880	1.128	848	
47	Lê Anh Xuân	Hùng Vương	Hết đường	800	480	360	
48	Mai Hắc Đế	Phù Đồng	Hàm Nghi	1.000	600	452	
		Hàm Nghi	Lê Lai	800	480	360	
		Lê Lai	Hết đường	640	384	288	
49	Mạc Đình Chi	Võ Thị Sáu	Cách Mạng Tháng 8	800	480	360	
		Cách Mạng Tháng 8	Y Ngông Niê Kđăm (Giáp ranh giới xã Cư M'gar)	800	480	360	
50	Nguyễn Trãi	Hùng Vương	Hàm Nghi	800	480	360	
		Hàm Nghi	Lê Lai	520	312	236	
		Lê Lai	Hết đường	400	240	180	
51	Ngô Quyền	Hùng Vương	Hàm Nghi	1.120	672	504	
		Hàm Nghi	Lê Lai	640	384	288	
		Lê Lai	Hết đường	400	240	180	
52	Nguyễn Hữu Thọ	Hùng Vương	Nguyễn Thị Minh Khai	2.400	1.440	1.080	
53	Nguyễn Thị Định	Bà Triệu	Trần Kiên	640	384	288	
54	Nguyễn Đình Chiểu	Trần Kiên	Hết đường	640	384	288	
55	Nguyễn Thị Minh Khai	Trần Kiên	Phan Đình Phùng	2.880	1.728	1.296	
56	Nguyễn Văn Trỗi	Hùng Vương	Nguyễn Du	3.960	2.376	1.784	
57	Nguyễn Văn Cừ	Hùng Vương	Hết đường	1.600	960	720	
58	Nơ Trang Gùh	Hùng Vương	Hết đường	1.320	792	596	
59	Nguyễn Thái Học	Hùng Vương	Hết đường	1.320	792	596	
60	Nguyễn Du	Trần Quang Khải	Phan Bội Châu	1.200	720	540	

		Phan Bội Châu	Xô Viết Nghệ Tĩnh	5.200	3.120	2.340	
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Cách Mạng Tháng 8	8.800	5.280	3.960	
		Cách Mạng Tháng 8	Y Ngông Niê Kdăm	7.200	4.320	3.240	
61	Nguyễn Chí Thanh	Trần Quang Khải	Phan Bội Châu	1.200	720	540	
		Phan Bội Châu	Xô Viết Nghệ Tĩnh	1.960	1.176	884	
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Cách Mạng Tháng 8	7.920	4.752	3.564	
		Cách Mạng Tháng 8	Y Ngông Niê Kdăm	7.120	4.272	3.204	
62	Nguyễn Công Trứ	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Cách Mạng Tháng 8	800	480	360	
		Cách Mạng Tháng 8	Y Ngông Niê Kdăm	800	480	360	
63	Nguyễn Trung Trực	Tô Hiệu	Duy Tân	800	480	360	
64	Nguyễn Khuyến	Tô Hiệu	Duy Tân	800	480	360	
65	Nguyễn Văn Linh	Y Ngông Niê Kdăm	Y Jút	880	528	396	
66	Ngô Gia Tự	Hàm Nghi	Nguyễn Thị Định	1.000	600	452	
		Nguyễn Thị Định	Lê Lai	720	432	324	
		Lê Lai	Lý Nhân Tông	560	336	252	
67	Nơ Trang Long	Y Ngông Niê Kdăm	Hà Huy Tập	792	476	356	
68	Phù Đổng	Lý Thường Kiệt	Trần Kiên	4.000	2.400	1.800	
69	Phạm Hồng Thái	Hùng Vương	Nguyễn Du	4.000	2.400	1.800	
70	Phan Bội Châu	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	3.680	2.208	1.656	
		Nguyễn Chí Thanh	Giáp nghĩa địa	2.440	1.464	1.100	
		Giáp nghĩa địa	Giáp ranh giới xã Quảng Tiến	1.720	1.032	776	
71	Phan Chu Trinh	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	1.400	840	632	
		Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	920	552	416	
72	Phạm Văn Đồng	Hùng Vương	Nguyễn Văn Linh	1.600	960	720	
73	Phan Đình Giót	Hùng Vương	Hết đường	640	384	288	
74	Quang Trung	Hùng Vương	Phù Đổng	2.640	1.584	1.188	
		Phù Đổng	Hàm Nghi	1.440	864	648	
		Hàm Nghi	Lê Lai	880	528	396	
		Lê Lai	Lý Nhân Tông	520	312	236	
		Lý Nhân Tông	Hết đường	440	264	200	

75	Tôn Đức Thắng	Hùng Vương	Nguyễn Văn Linh	1.880	1.128	848	
		Nguyễn Văn Linh	Hết đường	1.320	792	596	
76	Trần Hưng Đạo	Hùng Vương	Phù Đổng	2.600	1.560	1.172	
		Phù Đổng	Hàm Nghi	1.640	984	740	
		Hàm Nghi	Lê Lai	1.080	648	488	
		Lê Lai	Lý Nhân Tông	680	408	308	
77	Trần Kiên	Hùng Vương	Phù Đổng	2.600	1.560	1.172	
		Phù Đổng	Hàm Nghi	1.520	912	684	
		Hàm Nghi	Nguyễn Thị Định	1.000	600	452	
		Nguyễn Thị Định	Lê Lai	920	552	416	
		Lê Lai	Lý Nhân Tông	640	384	288	
		Lý Nhân Tông	Hết đường	560	336	252	
78	Trương Chinh	Hùng Vương	Nguyễn Thị Minh Khai	2.400	1.440	1.080	
79	Trần Quang Khải	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	1.400	840	632	
		Nguyễn Chí Thanh	Hết đường	920	552	416	
80	Trần Đại Nghĩa	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Công Trứ	1.200	720	540	
		Nguyễn Công Trứ	Duy Tân	720	432	324	
81	Trần Phú	Hùng Vương	Nơ Trang Long	1.600	960	720	
82	Trần Quốc Toàn	Nguyễn Văn Linh	A Ma Zhao	520	312	236	
83	Trần Nhật Duật	Nguyễn Văn Linh	A Ma Zhao	520	312	236	
84	Tô Hiệu	Phan Bội Châu	Xô Viết Nghệ Tĩnh	800	480	360	
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Cách Mạng Tháng 8	1.000	600	452	
85	Trần Cao Vân	Tô Hiệu	Duy Tân	800	480	360	
86	Y Ngông Niê Kđăm	Hùng Vương	Nơ Trang Long	6.400	3.840	2.880	
		Nơ Trang Long	Hết ranh giới xã Quảng Phú	2.680	1.608	1.208	
87	Y Bih Alêô	Lý Tự Trọng	Y Ngông Niê Kđăm	1.600	960	720	
88	Y Jút	Hùng Vương	Nguyễn Văn Linh	1.880	1.128	848	
		Nguyễn Văn Linh	Hết đường	1.320	792	596	
89	Y Ôn	Hà Huy Tập	Kim Đồng	680	408	308	
90	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Hùng Vương	Nguyễn Chí Thanh	8.400	5.040	3.780	
		Nguyễn Chí Thanh	Tô Hiệu	3.000	1.800	1.352	
		Tô Hiệu	Duy Tân	1.320	792	596	
91	Võ Thi Sáu	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Công Trứ	1.200	720	540	
		Nguyễn Công Trứ	Duy Tân	760	456	344	

92	Khu đấu giá đất ở mới (Khu vực xã Cư Suê cũ)	Các thửa đất giáp đường Tỉnh lộ 8		4.800			
		Trục đường N5, quy hoạch 20m		2.800			
		Trục đường D5, quy hoạch 20m		3.240			
		Trục đường D2, quy hoạch 18m		2.920			
		Trục đường D6, quy hoạch 15m		2.720			
		Trục đường D7, quy hoạch 18m		2.800			
		Trục đường D8, quy hoạch 15m		2.720			
		Trục đường D9, quy hoạch 18m		2.640			
		Trục đường D10, quy hoạch 15m		2.640			
		Trục đường D11, quy hoạch 18m		2.640			
		Trục đường N6, quy hoạch 15m		2.640			
		93	Khu đấu giá đất ở mới (Khu vực Thị trấn Ea Pôk cũ)	Các thửa đất giáp đường Tỉnh lộ 8		4.800	
Trục đường N1, quy hoạch 18m				2.640			
Trục đường N2, quy hoạch 15m				2.720			
Trục đường N3, quy hoạch 20m				2.800			
Trục đường N4, quy hoạch 15m				2.800			
Trục đường D1, quy hoạch 18m				2.800			
Trục đường D3, quy hoạch 15m				2.800			
Trục đường D4, quy hoạch 18m				3.240			
94	Khu dân cư bán đấu giá (Thôn Phú Lâm)	Trục đường D2, quy hoạch 15m		3.400			
		Trục đường D3, quy hoạch 15m		2.720			
		Trục đường D1, quy hoạch 15m		2.840			
		Trục đường N1, N5, N7, N8, N11, N13		2.840			
		Trục đường N2, N3, N4, N6, N9, N10, N12		2.000			
95	Tỉnh lộ 8 (xã Cư Suê cũ)	Giáp ranh phường Buôn Ma Thuột	1.3 km (giáp nghĩa địa cũ Buôn Sút M'grur)	4.200	2.520	1.892	1.260
		1.3 km (giáp nghĩa địa cũ Buôn Sút M'grur)	Cầu Cư Suê	2.520	1.512	1.136	756
		Cầu Cư Suê (trừ khu đấu giá)	Ranh giới thị trấn Ea Pôk cũ	3.152	1.892	1.416	945
	Tỉnh lộ 8 (TT Ea Pôk cũ) (trừ khu vực đấu giá)	Ranh giới thị trấn Ea Pôk cũ	Ngã ba đi buôn Pôk A	3.000	1.800	1.352	900
		Ngã ba đi buôn Pôk A	Cầu thôn 1 (cầu Thôn Quyết Tiến)	3.600	2.160	1.620	1.080
		Cầu thôn 1 (cầu thôn Quyết Tiến)	Ngã ba đi buôn Máp	4.800	2.880	2.160	1.440
		Ngã ba đi buôn Máp	Cầu Ea Tul	3.000	1.800	1.352	900
	Tỉnh lộ 8 (xã Quảng Tiến cũ)	Cầu Ea Tul	Ranh giới thị trấn Quảng Phú (cũ)	4.200	2.520	1.892	1.260
	Hùng Vương (Tỉnh lộ 8 nối dài) (TT Quảng Phú cũ)	Ranh giới thị trấn Quảng Phú (cũ)	Lý Thường Kiệt	6.800	4.080	3.060	
		Lý Thường Kiệt	Trần Kiên	10.800	6.480	4.860	
		Trần Kiên	Lê Quý Đôn	6.000	3.600	2.700	
		Lê Quý Đôn	Giáp thôn Phú Lâm	4.400	2.640	1.980	
		Giáp thôn Phú Lâm	Giáp ranh giới xã Cư M'gar	3.600	2.160	1.620	
96	Các đường tiếp giáp với tỉnh lộ 8 (trừ đường liên xã đi xã Ea M'Droh)(xã Cư Suê - Ea M'ngang cũ)	Tỉnh lộ 8 (Giáp ranh BMT)	Hết đường	960	576	432	288
		Tỉnh lộ 8 (Kho Thái Phúc)	Vào sâu 550m	920	552	416	276
		Vào sâu 550m	Hết đường	840	504	380	252
		Tỉnh lộ 8 (Đại lý Bích Giám)	Vào sâu 550m	1.040	624	468	312
		Vào sâu 550m	Hết đường	720	432	324	216

		Tỉnh lộ 8 (trừ khu vực đã có)	Vào sâu 550m	800	480	360	240
		Vào sâu 550m	Hết đường	600	360	272	180
97	Đường liên xã	Trung tâm xã (Ngã tư cây xăng Hoàng Quý)	Trục đường các phía + 300m	1.280	768	576	384
		Trung tâm xã (Ngã tư cây xăng Hoàng Quý) theo trục đường các phía + 300m (về Tỉnh lộ 8)	+ 600m về phía Tỉnh lộ 8	1.120	672	504	336
		+ 600m về phía Tỉnh lộ 8	Tỉnh Lộ 8	1.200	720	540	360
		Trung tâm xã (Ngã tư cây xăng Hoàng Quý) theo trục đường các phía +300m (về xã Ea M'Droh)	+ 600m về phía xã Ea M'Droh	720	432	324	216
		+ 600m về phía xã Ea M'Droh	Giáp ranh giới xã Ea M'Droh	400	240	180	120
98	Đường Cư Suê đi Buôn Ma Thuột (Quy hoạch 20m)	Giáp đường liên xã Cư Suê đi Ea M'Droh	Giáp thành phố Buôn Ma Thuột	320	192	144	96
99	Đường liên thôn (thôn 3 đi thôn 2 và buôn Sút Mđung)	Ngã ba (giao nhau giữa đường xã Ea M'Droh và đi thôn 2)	+ 300m về phía Trường THCS Lê Hồng Phong	400	240	180	120
		+ 300m về phía Trường THCS Lê Hồng Phong	Hết Trường THCS Lê Hồng Phong	320	192	144	96
		Hết Trường THCS Lê Hồng Phong	Hết Buôn Sút M'grư (đường nhựa chính)	200	120	92	60
100	Đường liên thôn đi thôn 1	Trung tâm xã (Ngã tư cây xăng Hoàng Quý) trừ khu vực đã có	+ 200m về phía thôn 3	400	240	180	120
		+200m về phía thôn 3	Hết đường	280	168	128	84
101	Đường liên thôn đi thôn 1	Cây xăng Hoàng Quý	+ 200m về phía thôn 2	400	240	180	120
		+ 200m về phía thôn 2	+ 600m	280	168	128	84
102	Khu dân cư còn lại Buôn Sút M'grư phía Tây tỉnh lộ 8 (Thuộc ranh giới: Phía Nam và phía Tây giáp phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, phía Đông giáp đường tỉnh lộ 8, phía Bắc giáp đường từ Ngã ba cây phượng đến nhà ông Bắc)			640	384		
103	Khu dân cư thôn 1, thôn 6, Buôn Sút M'grư (trừ khu vực đã có)			280	168		
104	Khu dân cư thôn 6 (phía đông khu đầu giá khu dân cư mới Ea Pôk)			400	240		
105	Khu dân cư mặt tiếp giáp khu đầu giá khu dân cư mới Ea Pôk (đường D2, D7, N6)			2.000	1.200		
106	Khu dân cư thôn 2, thôn 3			240	144		
107	Đường liên xã Quảng Tiến đi xã Cuôr Đăng	Tỉnh lộ 8 (Từ Tỉnh lộ 8 trừ khu vực đã có)	Hết cây xăng Ngọc Hải	600	360	272	180
		Hết cây xăng Ngọc Hải	Cầu 80 mẫu	440	264	200	132
		Cầu 80 mẫu	Giáp ranh giới xã Cuôr Đăng (Ea Drong cũ)	264	160	120	79
108	Các đường song song tỉnh lộ 8 thuộc thôn Tiến Phú, Tiến Phát	Đường song song thứ nhất từ đường ngang bên cạnh UBND xã Quảng Tiến cũ	Đến giáp ranh (thị trấn Quảng phú cũ)	432	260	196	130
		Đường song song thứ hai: từ đường ngang bên cạnh UBND xã Quảng Tiến cũ	Đến giáp ranh (thị trấn Quảng phú cũ)	336	200	152	101
109	Các đoạn đường ngang phía Tây của Tỉnh Lộ 8 (thôn Tiến Phú, Tiến Phát)	Tỉnh lộ 8 (trừ khu vực đã có)	Vào sâu 200 m	432	260	196	130
		Tỉnh lộ 8 + 200m	Vào sâu 300 m	336	200	152	101
		vào sâu 350 m	hết đường	144	88	64	43
110	Đường tiếp nối tỉnh lộ 8	đoạn đường sau lưng UBND xã Quảng Tiến cũ - từ Tỉnh lộ 8 (trừ khu vực đã có)	đến tiếp giáp đường ngang bên cạnh UBND xã Quảng Tiến cũ	432	260	196	130
111	Các đoạn đường song song, đường ngang phía Đông cách Tỉnh lộ 8 của Thôn Tiến Đạt xã quảng tiến cũ (Trừ khu vực đã có)	Tỉnh lộ 8 (trừ khu vực đã có)	Vào sâu 500m	384	232	172	115
		Từ Tỉnh lộ 8 + 500m	Giáp suối Ea Tul	216	128	96	65
112		Tỉnh lộ 8 (trừ khu vực đã có)	Hướng Tây + 200m	340	180	136	90

	Đường ngang thôn Tiến Thành	Hướng Tây + 200m	Hướng Tây + 500m	220	108	80	54
113	Đường ranh giới Tổ dân phố 1 thị trấn Quảng Phú (Cũ) - xã Quảng Tiến (Cũ)	Tỉnh lộ 8	Hết đường	720	432	324	216
114	Đường liên xã Quảng Tiến - Ea M'Droh	Giáp ranh (Thị Trấn Quảng Phú cũ)	đến bãi rác	400	240	180	120
		từ bãi rác	đến giáp ranh xã Ea M'Droh (xã Ea M'ngang cũ)	280	168	128	84
115	Khu dân cư thôn Tiến Đạt			144	88	64	43
116	Đường vào buôn Pók A. B (đường liên xã Ea Pók đi xã Ea M'Droh cũ)	Tỉnh lộ 8	Vào sâu 500m	880	528	396	264
		Từ 500m	Giáp Buôn Pók B	400	240	180	120
		Buôn Pók B (Từ Công chào Buôn Pók B (Hai bên đường nhựa)	Giáp xã Ea M'Droh	200	120	92	60
117	Đường vào buôn Máp	Tỉnh lộ 8	Vào sâu 300m	960	576	432	288
		Vào sâu 300m	Hết buôn Máp	480	288	216	144
		Hết buôn Máp	Đường vào buôn Sút	280	168	128	84
118	Đường ngang Tỉnh lộ 8 (trừ khu vực đã có)	Tỉnh lộ 8: Thuộc thôn Quyết Tiến, Quyết Thắng, Toàn Thắng, Thắng Lợi, Thành Công	Vào sâu 100m	1.680	1.008	756	504
		Tỉnh lộ 8 vào sâu 100m	Vào sâu 300m thuộc thôn Quyết Tiến, Quyết Thắng, Toàn Thắng, Thắng Lợi	840	504	380	252
119	Đường ngang Tỉnh lộ 8 (thôn cư H'lâm, thôn 8)	Tỉnh lộ 8 (trừ khu vực đã có)	Vào sâu 100m	360	240	180	120
		Tỉnh lộ 8 (trừ khu vực đã có)+ 100m	Vào sâu 300m	320	192	144	96
120	Khu vực chợ	Các lô đất nằm trực đường vào khu vực chợ và trực đường nội bộ của chợ		720			
		Các thửa đất còn lại Khu vực của chợ		600			
121	Khu dân cư Thôn Quyết Tiến, Quyết Thắng, Toàn Thắng, Thắng Lợi, Thành Công			300			
122	Khu dân cư ThônTân Tiến, Thôn Thống Nhất, Thôn 4, Thôn 8, Thôn Cư H'lâm			180			
123	Khu dân cư An Bình, Buôn Ea Sút, Buôn Lang, Buôn Pók A, Buôn Pók B			120			
124	Khu dân cư buôn Ea Máp			144			
A66	XÃ CUỜ ĐĂNG						
1	Quốc lộ 14	Ranh giới phường Tân An	Suối Ea Mkang	4.800	2.640	1.920	1.440
		Suối Ea Mkang	Ngã 4 đường vào Nhà văn hóa Buôn Cuờ Đăng A (Vật liệu Việt Thi)	4.400	2.420	1.760	1.320
		Ngã 4 đường vào Nhà văn hóa Buôn Cuờ Đăng A (Vật liệu Việt Thi)	Đường vào nghĩa địa Mở rộng	5.200	2.860	2.080	1.560
		Đường vào nghĩa địa Mở rộng	Cây xăng Hồng Thu	9.560	5.260	3.824	2.868
		Cây xăng Hồng Thu	Hết khu công nghiệp Phú Xuân	7.600	4.180	3.040	2.280
		Hết khu công nghiệp Phú Xuân	Đầu thôn Phú Thành	4.000	2.200	1.600	1.200
		Đầu thôn Phú Thành	Giáp ranh giới phường Cư Bao	2.000	1.100	800	600
2	Đường Hồ Chí Minh, đoạn tránh phía Đông thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Quốc lộ 14	Đường bê tông thứ nhất (hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 65)	6.000	3.300	2.400	1.800
		Đường bê tông thứ nhất (hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 65)	Đường dây 1 song song QL14 (hết thửa đất số 103, tờ bản đồ số 65)	4.000	2.200	1.600	1.200
		Đường dây 1 song song QL14 (hết thửa đất số 103, tờ bản đồ số 65)	Ngã ba Buôn Aring	3.200	1.760	1.280	960

		Ngã ba buôn Aring	Hết Ngã tư kho Nông sản Tây Nguyên	2.800	1.540	1.120	840
		Hết Ngã tư kho Nông sản Tây Nguyên	Giáp ranh xã Ea Knuêc	2.400	1.320	960	720
3	Đường vào Công ty cà phê Thăng Lợi	Ngã ba (tiếp giáp đường tránh Đông)	Giáp ranh xã Ea Knuêc	2.000	1.100	800	600
4	Đường liên xã Cuôr Đăng - Quảng Phú	Ngã ba Cuôr Đăng (đi Ea Drong cũ)	Hết ranh giới trường THPT Nguyễn Trãi	3.000	1.652	1.200	900
		Hết ranh giới trường THPT Nguyễn Trãi	Ngã ba thửa đất số 1 TBĐ số 88	2.400	1.320	960	720
		Ngã ba thửa đất số 1 TBĐ số 88	Vào sâu Cổng chào Thôn Đoàn Kết	3.000	1.652	1.200	900
		Cổng chào Thôn Đoàn Kết	Hết Nhà máy chế biến mù cao su	2.400			
		Hết Nhà máy chế biến mù cao su	Ngã ba đường đi buôn Kroa A	480	264	192	
		Ngã ba đường đi buôn Kroa A	Ngã 4 thao trường bắn (buôn Yông)	360			
		Ngã 4 thao trường bắn (buôn Yông)	Ranh giới xã Quảng Phú	340	188	136	
5	Đường liên xã Cuôr Đăng - Tân An	Ngã ba đường đi Buôn Kroa A	Ngã ba đường nhà ông Y Yung Byă (bắt đầu khu dân cư buôn Kroa A)	400	220		
		Ngã ba đường nhà ông Y Yung Byă (Bắt đầu khu dân cư buôn Kroa A)	Cầu Buôn Kroa A (ranh giới Tân An)	288	160	116	
6	Đường song song Quốc Lộ 14	Đường thứ nhất	Buôn Cuôr Đăng A, Cuôr Đăng B, buôn Kroa B, buôn Kroa C	480	264	192	
		Đường thứ nhất	buôn Ko Hneh	960			
		Đường thứ hai	buôn Ko Hneh	320			
		Đường thuộc khu tái định cư (mặt tiếp giáp đường N2)		1.200			
7	Đường ngang Quốc lộ 14	Quốc lộ 14 (trừ khu vực đã có)	Vào sâu 200m	720			
		Vào sâu 200m	Vào sâu thêm 400m	600			
		Đường thuộc khu tái định cư (mặt tiếp giáp đường N1)		1.400			
8	Khu dân cư buôn Cuôr Đăng A, Cuôr Đăng B, buôn Kroa B, buôn Kroa C, buôn Ko Hneh			160			
9	Đường vào buôn Aring	Ngã ba (đường tránh đông)	Hết đường buôn Aring	320			
10	Đường ngang Quốc lộ 14 (đường rẽ vào khu dân cư thôn An Phú, thôn Tân Phú)	Từ Quốc lộ 14	Đường ngang liên thôn thôn An Phú, thôn Tân Phú	600			
		Đường ngang liên thôn thôn An Phú, thôn Tân Phú	Vào sâu 200m (trừ khu vực đã có)	520			
11	Đường ngang Quốc lộ 14 (đường rẽ vào khu dân cư)	Quốc lộ 14 (trừ khu vực đã có) thôn Phú thành	Vào sâu 200m (trừ khu vực đã có)	748			
12	Đường trung tâm xã (Xã Ea Drong cũ)	Ngã ba nhà ông Tâm (buôn Yông)	Hết Ngã tư nhà ông Y Yăk Niê (buôn Tah)	600			
		Cổng chào buôn Tah B	Ngã tư nhà ông Y Jeny Ayün	600			
13	Đường ngang Quốc lộ 14	Đường thuộc khu tái định cư (mặt tiếp giáp đường N1)		1.400	772	560	
		Quốc lộ 14 (trừ khu vực đã có)	Vào sâu 200m	720	396	288	216
		Vào sâu 200m	Vào sâu thêm 400m	600	332	240	180
		Vào sâu thêm 400m	Hết ranh giới quy hoạch đất ở	600	332	240	180

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 09 Lê Duẩn - phường Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk
Điện thoại: 0262 8585868
E-mail: congbao@daklak.gov.vn